

Một Số Lời Cầu Nguyện Trong Thánh Kinh Cựu Ước

Vũ Văn An, 30/01/2018

Các lời cầu nguyện trong Thánh Kinh đều là những lời đối thoại của tín hữu với Thiên Chúa, trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời, để nói lên sự thờ phượng, lòng cảm tạ biết ơn, để xin sự trợ giúp cho người nghèo, xin che chở khỏi địch thù, xin cứu thoát khỏi kẻ áp bức, xin yêu Chúa và các giới răn của Người, xin được ơn biết tin thác vào đức tin trung của Người.

Chúng tôi trình bày sau đây một số lời cầu nguyện tiêu biểu trong cuộc sống của một số tổ phụ và quân vương của Do Thái.

1. Lời cầu để biết chắc của Ápraham (Sách Sáng Thế 18, 22b-33)



Ta biết chương 18 sách Sáng Thế thuật lại truyện Chúa đến thăm Ápraham tại lều du mục của ông ở Mam-rê. Lạ một điều khi ngược mắt lên, ông không thấy Chúa nhưng thấy “ba người đứng gần ông”. Đang khi được ông tiếp đãi, ‘khách’ loan báo cho ông tin vui: bằng rày năm sau, Xa-ra vợ ông sẽ có một con trai. Khi nghe Xa-ra cười, ‘Chúa’ bèn hỏi: sao lại cười? Xa-ra chối. ‘Người bảo: có, người có cười’.

Ta nên để ý đến số người ở đây lúc thì một, lúc thì hai, lúc lại là ba. Hai người kia không được nêu danh hiệu, nhưng một trong ba người ấy có danh hiệu là ‘Chúa’ và ‘Chúa’ là người nói với Ápraham. Ta hãy đọc tiếp:

“Từ nơi đó ba người kia đứng dậy và nhìn xuống phía Xơ-đôm. Ông Ápraham cùng đi để tiễn khách. Chúa phán: "Ta có nên giấu Ápraham điều Ta sắp làm chăng? Ápraham sẽ trở thành một dân tộc lớn mạnh và mọi dân tộc sẽ được chúc phúc nhờ nó. Thật vậy, Ta đã chọn nó, để nó truyền cho con cái nó và gia tộc nó sau này phải giữ đường lối của Chúa mà thực hiện điều công minh chính trực; như thế Chúa sẽ làm cho Ápraham điều Người đã phán về nó." Chúa phán: "Tiếng kêu trách Xơ-đôm và Gô-mô-ra thật quá lớn! Tội lỗi của chúng quá nặng nề! Ta phải xuống xem thật sự chúng có làm như tiếng kêu trách đã thấu đến Ta không. Có hay không, Ta sẽ biết.

“Hai người kia bỏ nơi đó mà đi về phía Xơ-đôm, nhưng Chúa còn đứng lại với ông Ápraham. Ông lại gần và thưa:

"Chẳng lẽ Ngài tiêu diệt người lành một trật với kẻ dữ sao? Giả như trong thành có năm mươi người lành, chẳng lẽ Ngài tiêu diệt họ thật sao? Chẳng lẽ Ngài không dung thứ cho thành đó, vì năm mươi người lành trong đó sao? Ngài làm như vậy, chắc không được đâu! Giết chết người lành một trật với kẻ dữ, coi người lành cũng như kẻ dữ, chắc không được đâu! Đáng xét xử cả trần gian lại không xét xử công minh sao? " Chúa đáp: *"Nếu Ta tìm được trong thành Xơ-đôm năm mươi người lành, thì vì họ, Ta sẽ dung thứ cho tất cả thành đó.*

“Ông Ápraham lại nói: *"Mặc dầu con chỉ là thân tro bụi, con cũng xin mạn phép thưa với Chúa: Giả như trong số năm mươi người lành lại thiếu mất năm, vì năm người đó, Ngài sẽ phá huỷ cả thành sao? "* Chúa đáp: *"Không! Ta sẽ không phá huỷ, nếu Ta tìm được bốn mươi lăm người."* Ông lại thưa một lần nữa: *"Giả như trong thành tìm được bốn mươi người thì sao? "* Chúa đáp: *"Vì bốn mươi người đó, Ta sẽ không làm."*

“Ông nói: *"Xin Chúa đừng giận, cho con nói tiếp: Giả như ở đó có ba mươi người thì sao? "* Chúa đáp: *"Nếu Ta tìm được ba mươi người, Ta sẽ không làm."* Ông nói: *"Con xin mạn phép thưa với Chúa: "Giả như tìm được hai mươi người thì sao? "* Chúa đáp: *"Vì hai mươi người đó, Ta sẽ không phá huỷ."* Ông nói: *"Xin Chúa đừng giận, cho con nói một lần này nữa thôi: Giả như tìm được mười người thì sao?*

"Chúa đáp: "Vì mười người đó, Ta sẽ không phá huỷ Xơ-đôm."

Sau khi phán với ông Ápraham, Chúa đi, còn ông Ápraham thì trở về nhà. (Sáng Thế 18-16-33).

Chung quanh biến cố này, cha Nguyễn Thế Thuận ghi chú mấy điều sau đây. Thứ nhất trình thuật này thuộc nguồn văn Gia-vê, kể việc Gia-vê hiện ra. Thứ hai, trong ba vị khách, hai “người” kia là hai thần sứ theo hầu (xem St chương 19:1). Tuy nhiên, bản văn tỏ ra do dự giữa số nhiều và số ít. Bởi có ba người mà Ápraham lại chỉ vái lạy một lần và xưng hô theo số ít, nên nhiều giáo phụ đã muốn thấy đây là triệu báo về Chúa Ba Ngôi, mầu nhiệm phải chờ Tân Ước mới được mạc khải. Thứ ba, dù có lúc Ápraham đối đãi với ba vị như ba người khách phương xa, nhưng tính ‘thiên liêng’ của họ từ từ được lộ ra: đột ngột xuất hiện, biết tên Xa-ra, biết gia đình hiếm con, báo chắc chắn sẽ có con, biết cả ý nghĩ của Xa-ra. Thứ bốn: đây là truyện độc nhất trong Cựu Ước nói Thiên Chúa dùng bữa. Thứ năm, ở đây có vấn đề phán xét công minh: lành phải liên lụy với dữ và phải phạt vì kẻ dữ, theo nhân giới liên đới trách nhiệm. Truyện không đặt vấn đề: kẻ lành từng người có được cứu không, tuy rằng trong truyện Lót, ông này đã được cứu làm một với cả gia đình (St 19: 15-16), còn trách nhiệm cá nhân, thì mãi sau này mới được nêu lên (Đnl 24:16; Grm 31:29-30; Edk 14:13...). Bởi thế, Ápraham mới hỏi: khi mọi người đều chịu chung một số phận, thì một số ít người lành không lẫn át được tội của số nhiều kẻ dữ hay sao? Gia-vê trả lời y chuẩn vai trò cứu nhân độ thế của người thánh, nhưng Ápraham, dù có già lờ, cũng không dám đi quá số mười. Nhưng Grm 5:1 và Edk 22:30 đã đi xa hơn. Thiên Chúa sẽ dung thứ cho Giêrusalem nếu trong thành có được một người công chính. Điều cực đoan ấy dẫn đến đạo lý Is 53: người tội tở thống khổ, thí mạng mình để cứu lấy cả dân, nhưng lời tiên tri này chỉ hiểu được vào thời Tân Ước nơi sự chết chuộc tội của Chúa Kitô. Thứ sáu, cuộc mà cả của Ápraham với lòng khoan dung của Gia-vê hạ xuống dần dần: 50, 45, 40, 30, 20, 10. Thoạt đầu, ông chỉ dám hạ thấp có 5 (tỷ lệ 1/10) càng về sau tỷ lệ ấy càng tăng, đến tột cùng là 1/2. Rõ ràng càng ngày Ápraham càng tin tưởng hơn vào lượng khoan dung của Chúa. Và càng tin tưởng, ông càng xin nhiều hơn. Điều ấy cũng cho thấy không hẳn đây là lần đầu ‘hai người’ gặp

nhau, chắc chắn người xin đã thưa chuyện nhiều lần với người ban ơn và biết rõ người ban ơn rất kiên nhẫn trước lời cầu xin ‘hết sức gian manh, láu cá’ của mình (Xem Kinh Thánh, Dòng Chúa Cứu Thế, 1976, tr. 38-39).

Richard J. Clifford S.J. và Roland E. Murphy, O.Carm khi chú giải về sách Sáng Thế trong bộ *The New Jerome Biblical Commentary*, cho rằng:

1) Mọi ưu tư về sự công minh của Chúa là một chủ đề thời lưu đầy (xem Edk 14:12-23 và chương 18). Dù định niên biểu ra sao chăng nữa, ta thấy ở đây Ápraham không cầu khẩn cho Xơ-đôm, như nhiều nhà chú giải vẫn nghĩ. Trái lại, nhờ các câu hỏi mạnh dạn của mình, ông biết được rằng Thiên Chúa, phán quan của thế giới, quả tình là Đấng Công Minh, biết phân biệt kẻ dữ với người lành, giống như trong trường hợp Nô-e và nhân loại tội lỗi nơi St 6-9.

2) Cuộc độc thoại của Giavê trong St 18:17-19, tự hỏi có nên dấu không cho Ápraham biết kế hoạch của mình hay không. Hai tác giả này nhận xét: tại Cận Đông ngày xưa, bày tỏ của một ông vua thường là bạn, người thân cận chia sẻ bí mật đối với các kế sách lớn của vua. Câu trả lời của Giavê do đó là: vì dân tộc do Ápraham tạo nên sẽ vĩ đại giữa các dân tộc, nên bày tỏ này phải được ơn hiểu biết kế hoạch của Thiên Chúa. Đàng khác, vì dân này sẽ “làm điều công minh chính trực”, cho nên không còn gì thích đáng hơn là cho người sáng lập nên dân ấy thấy rõ Thiên Chúa làm điều công minh chính trực nghĩa là trừng phạt kẻ có tội (các trang 23).

Trong số những người cho rằng Ápraham khẩn cầu cho Xơ-đôm, ta thấy có các tác giả trong cuốn “Mysteries of the Bible” do tạp chí *Reader's Digest* thu thập và xuất bản năm 1988. Các tác giả này cho rằng: từ trước đến nay, Ápraham vốn thụ động vâng theo ý muốn và các lệnh truyền của Thiên Chúa. Nhưng lần này, ông lên tiếng “phản đối” để bênh vực cho hai thành Xơ-đôm và Gô-mô-ra, hai thành phố nổi tiếng về tội lỗi, và tìm cách thuyết phục để Chúa tha cho hai thành phố này (trang 52).

John White, trong “People in Prayer” (Inter-Varsity Press, 1978), cho hay: trong bất cứ cuộc đàm thoại nào giữa Thiên Chúa và Ápraham, ta đều thấy điều này: Thiên Chúa đưa ra sáng kiến. Người lên tiếng và Ápraham đáp lại. Đời sống cầu nguyện của ta sẽ đơn giản biết bao nếu biết nhìn nhận điều ấy. Thực vậy, phần đông chúng ta vốn nghĩ cầu nguyện là nói. Và quả tình có vấn đề nói thật. Nhưng phẩm chất một cuộc đàm thoại rất có thể được xác định bởi người đưa ra sáng kiến cho cuộc đàm thoại ấy. Thực thế, trọn bộ phản ứng của ta đối với một cuộc đàm thoại thường tùy thuộc vào người khởi xướng nó trước nhất. Trong nhóm người xa lạ, thật cảm kích nếu có ai lên tiếng chào mừng ta trước và tỏ ý quan tâm tới ta. Mặt khác, đối với ta đôi khi khó mà khởi đầu được một câu truyện, nhất là khi gặp khuôn mặt khó thương của người ta muốn nói với.

Thiên Chúa không thế, Người luôn luôn lên tiếng. Để nghe được tiếng của Người, chẳng cần phải có cảm nghiệm huyền học, chỉ cần sẵn sàng để ý tới Chúa, để Chúa đi vào trái tim ta, để Người lên tiếng và ta đáp ứng.

Người không lên tiếng như một ông chủ, như một người xa lạ mà như một người bạn. Chúa Giêsu Kitô sau này cho hay: “bày tôi đâu biết việc chủ làm” (Ga 15:15). Ở đây, rõ ràng Thiên Chúa cho Ápraham biết kế hoạch mầu nhiệm của mình, không những nâng ông lên hàng bạn bè mà còn là người “làm ăn hùn hạp” (partner) chia sẻ mọi bí nhiệm của Người. Từ đó, ta rút ra kết luận: nếu ta là bằng hữu của Người, Người sẽ chia sẻ các tâm tư và kế hoạch của Người với ta. Nếu bạn là người hùn hạp của Người, Người sẽ quan tâm tới quan điểm của bạn đối với các kế hoạch và dự án của Người. Như thế, cầu nguyện chủ yếu là chia sẻ là bàn bạc với Thiên Chúa về những vấn đề có tầm quan trọng đối với Người. Bạn thấy ngay: điều ấy nâng việc cầu nguyện lên một trình độ khác hẳn. Nó không chủ yếu tập trung vào các nhu cầu và lo lắng nhỏ mọn của tôi. Dĩ nhiên, Thiên Chúa có quan tâm tới các nhu cầu và lo lắng ấy. Chúng có chỗ đứng trong nghị trình của Người. Nhưng chính nghị trình ấy thì đã được xếp đặt sẵn ở trên trời và được dùng để xử lý những vấn đề hết sức quan trọng. Ở đây, vấn đề là sự công minh chính trực của Chúa, sau khi Người đã “lo” việc riêng “có con” cho ông vào năm sau.

Đáp ứng của Ápraham quả tình xứng hợp. Ông đã không còn thắc mắc chi đến chuyện tư riêng nữa. Đã đành là có Lót, cháu ông, tại Xơ-đôm. Nhưng nếu chỉ để cứu Lót và gia đình người cháu này, chắc chắn Ápraham đã bắt đầu đi thẳng vào con số bốn (hai vợ chồng Lót và hai cô con gái), có đâu phải “vòng vo tam quốc” bắt đầu con số giả tưởng 50, rồi 45, 40 mà dừng lại ở số 10! Không, quan tâm của Ápraham lớn hơn thế.

Điểm nữa, chính sáng kiến coi ông như bạn khiến lời cầu nguyện của Ápraham vừa pha lẫn kinh hoàng vừa pha lẫn táo bạo. Nó không đơn giản thuộc loại “Xin cứu Xơ-đôm nếu hợp ý Chúa. Amen”. Muốn nói gì thì nói, nhưng đây quả là lời cầu nguyện có vấn đề thực sự, có sự kiện và con số đàng hoàng. Nhưng phải nói gì về lời cầu nguyện “nếu hợp ý Chúa”? Lời cầu nguyện ấy có hợp với Thánh Kinh hay không? Ai cũng biết Kinh Lạy Cha xin cho: “ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời”. Nghĩa là lời cầu nguyện quả có ăn có với việc thực thi ý Chúa. Bạn được mời gọi cầu xin cho bạn hoặc là biết hợp tác với Chúa để làm cho ý Chúa được thể hiện hay là có được một cái nhìn rộng lớn hơn về chính Người. Nhưng câu “nếu hợp ý Chúa” đôi khi bị hiểu lầm chỉ là một lối thoái thác với nghĩa tôi chả cần chi phải tìm hiểu ý Chúa ra sao hay không chịu thực thi niềm tin theo cung cách Đấng Vô Hình vốn làm việc một cách mầu nhiệm trước vận rủi dường như không thể nào vượt qua được. “Nếu hợp ý Chúa” như thế đã trở thành một thứ tôn kính giả hiệu, một thứ “que sera, sera” (whatever will be, will be)(muôn ra sao thì ra). Thành thử ra, dù rất kính sợ Chúa, Ápraham cũng vẫn muốn biết rõ sự kiện.

Nhiều người lại cho rằng lời đáp lại của Ápraham chỉ phản ánh cái lối quen thuộc cả trong nghệ thuật buôn bán trao đổi của người Trung Đông. Nhưng thực ra, Ápraham biết rõ ông không có gì để trao đổi với Thiên Chúa. Đàng khác “con bài tẩy” trong tay Thiên Chúa lớn quá, ông đâu dám “thương lượng”, ông chỉ muốn hiểu.

Ông muốn hiểu điều chi? Ở đây, ta thấy John White cũng cùng một quan điểm như hai linh mục Clifford S.J. và Murphy O.Carm trên đây. Theo White, số phận Xơ-đôm không phải là chủ điểm trong lời

cầu nguyện của Ápraham, mà là ‘tính khí’ của Thiên Chúa, là chính bản chất của Thiên Chúa, mà theo Ápraham, chính là sự công minh, là sự chính trực và trung tín. Thiên Chúa mà ông phụng thờ là Thiên Chúa công minh, chính trực và trung tín. Có đâu lại là một Thiên Chúa đùng đùng nổi giận muốn triệt hạ cả kẻ lành lẫn kẻ dữ như vị Thiên Chúa đang ở trước mặt ông? Đây quả là một thách thức dày vò, khiến ông vừa run sợ vừa hoang mang cực điểm và lên tiếng thăm dò để tìm ra ‘chân tướng’ đích thực của Người. Hãy nghe ông buột miệng tỏ thái độ với một Thiên Chúa hình như đã ra xa lạ với ông: *“Chẳng lẽ Ngài tiêu diệt người lành một trật với kẻ dữ sao?... Ngài làm như vậy, chắc không được đâu! Giết chết người lành một trật với kẻ dữ, coi người lành cũng như kẻ dữ, chắc không được đâu! Đáng xét xử cả trần gian lại không xét xử công minh sao?”*

Thiên Chúa nào thêm biện hộ cho mình trước mặt Ápraham. Một khi Người đã mặc khải ý định của Người, thì Người chỉ ‘nói truyện’ với những kẻ muốn tìm hiểu thêm về lời mặc khải ấy, chứ không vắn vẹo, tìm cách thoái thác hay chỉ trích, chống đối. Rất may cho Ápraham, Người là Đấng thấu suốt tâm hồn ông, nên Người hiểu rõ trong nỗi hoảng loạn của Ápraham, vẫn vững chãi một gấn bó mà ta có thể dùng từ ngữ ‘tích cực’ để mô tả, y như từ ngữ tích cực trong chủ trương ‘secularity’ (tính thế tục) của Đức Bênêđictô XVI và Tổng Thống Nicolas Sarkozy của Pháp mới đây.

Trong cuốn *Tại Sao Các Cuộc Hôn Nhân Thành Công Hay Thất Bại (Why Marriages Succeed or Fail)* của John Gottman do nhà Simon & Schuster, New York, xuất bản năm 1994, ta thấy có đề cập đến nghệ thuật truyền đạt giữa lúc hai vợ chồng đang cãi nhau kịch liệt. Theo Gottman, thái độ tích cực này đòi người nghe lời “thỏa mạ” phải tìm ra then máy (mechanism) có thể xoay chiều được lời thỏa mạ ấy. Ông cho một thí dụ:

Dũng: em đừng tự trách em mỗi lần con nó hỗn.

Lan: Anh khỏi phải dạy em. ĐỪNG có mà lên mặt ta đây với em hoài!

Dũng: Câm cái mồm lại! Anh đâu có lên mặt ta đây với em.

Lan: Thấy không, lại hống hách nữa! Anh giống hệt ba anh. ĐỪNG có hòng bắt em câm họng ạ.

Dũng có đưa ra một ‘then máy’ đó là câu: “anh đâu có lên mặt ta đây với em” nhưng câu ấy bị chìm phía sau câu “câm cái mồm lại” nên Lan không nghe thấy. Nếu như Lan ‘tích cực’ hơn một chút mà nghe ra câu ấy, thì câu truyện giữa hai vợ chồng sẽ có thể như thế này:

Dũng: em đừng tự trách em mỗi lần con nó hỗn.

Lan: Anh khỏi phải dạy em. Đừng có mà lên mặt ta đây với em hoài!

*Dũng: Câm cái mồm lại! **Anh đâu có lên mặt ta đây với em.***

Lan: Thực không, thực không muốn lên mặt hả?

Dũng: Đúng vậy.

Lan: Vì khi anh bảo em đừng thế này đừng thế nọ, em có cảm giác như anh muốn điều khiển em.

Dũng: Đâu có, anh chỉ muốn giúp em thôi.

Thiên Chúa nhìn rõ ‘then máy’ trong lời hoảng loạn của Ápraham. Nó nằm giữa câu giáo đầu và lời kết thúc đây ‘hỗn xược’: “**Chẳng lẽ Ngài tiêu diệt người lành một trật với kẻ dữ sao? Giả như trong thành có năm mươi người lành, chẳng lẽ Ngài tiêu diệt họ thật sao? Chẳng lẽ Ngài không dung thứ cho thành đó, vì năm mươi người lành trong đó sao?** Ngài làm như vậy, chắc không được đâu! Giết chết người lành một trật với kẻ dữ, coi người lành cũng như kẻ dữ, chắc không được đâu! Đáng xét xử cả trần gian lại không xét xử công minh sao? ”. Nên Người ‘nhỏ nhẹ’ nói với Ápraham: “Nếu Ta tìm được trong thành Xơ-đôm năm mươi người lành, thì vì họ, Ta sẽ dung thứ cho tất cả thành đó”.

Đó mới là chủ điểm lời cầu nguyện của Ápraham: tìm xem Chúa có thực sự công minh chính trực như ông vẫn tin. Đòi ông hoàn toàn xây dựng trên niềm tin ấy. Mất niềm tin ấy là mất tất cả. Giờ đây, Thiên Chúa lại đã trở thành thân thuộc như ngày nào và câu truyện xoay chiều tốt đẹp hẳn lại, hết còn hoảng loạn mất hướng. Ông cứ cái hướng ấy mà ‘tăng’ lòng tin nơi Thiên Chúa theo tỷ lệ ngược với điều tiêu cực: từ 50 xuống 45, 40, 30, 20 rồi 10. Nhưng sao ông lại ngưng ở số 10? Ta không biết được. Có điều chắc chắn ông đã an tâm tìm lại được Đấng Thiên Chúa quen thuộc, bởi đề nghị gì của Ápraham cũng được Người tích cực đáp ứng: “Ta sẽ dung thứ... Ta sẽ dung thứ...”.

Ông thấy Người cao cả hơn, ông hiểu rõ Người hơn, và do đó tin tưởng ở Người hơn. Xơ-đôm có bị tiêu diệt hay không, không còn là vấn đề đối với ông, vì vũ trụ vẫn được Đấng Thiên Chúa công minh chính trực, biết phân biệt kẻ lành và kẻ dữ, quan phòng chăm sóc.

2. Lời Cầu Vật Lộn Của Giacóp

Vũ Văn An, 03/02/2018



“Đêm đó, ông Gia-cóp dậy, đem theo hai bà vợ, hai người nữ tỳ và mười một đứa con, và ông lội qua sông Giáp-bốc. Ông đem họ theo, đưa họ qua sông, rồi đưa tài sản của ông qua. Ông Gia-cóp ở lại một mình.

Có một người vật lộn với ông cho đến lúc rạng đông. Thấy không thắng được ông, người đó bèn đánh vào khớp xương hông của ông, và khớp xương hông của ông Gia-cóp bị trật đang khi ông vật lộn với người đó. Người đó nói: "Buông ta ra, vì đã rạng đông rồi." Nhưng ông đáp: "Tôi sẽ không buông ngài ra, nếu ngài không chúc phúc cho tôi." Người đó hỏi ông: "Tên ngươi là gì?" Ông đáp: "Tên tôi là Gia-cóp." Người đó nói: "Người ta sẽ không gọi tên ngươi là Gia-cóp nữa, nhưng là Ít-ra-en, vì ngươi đã đấu với Thiên Chúa và với người ta, và ngươi đã thắng." Ông Gia-cóp hỏi: "Xin cho tôi biết tên ngài." Người đó nói: "Sao ngươi lại hỏi tên ta?" Và người đó chúc phúc cho ông tại đấy.

Ông Gia-cóp đặt tên cho nơi đó là *Pơ-nu-ên*, "vì -ông nói- tôi đã thấy Thiên Chúa mặt đối mặt, mà tôi đã được tha mạng." Khi mặt trời mọc, ông đi qua *Pơ-nu-ên*; ông đi khập khiễng vì bị trật xương hông. Bởi thế, con cái *Ít-ra-en*, cho đến nay, không ăn cái gân đùi ở khớp xương hông, vì người đó đã đánh vào khớp xương hông của ông Gia-cóp, vào gân đùi" (Sáng thế, 32:23-33).

Phần lớn các nhà chú giải cho đoạn văn này là một trong các đoạn văn kỳ lạ, khó hiểu hơn cả của Cựu Ước. Khi bình luận đoạn này, Cha Nguyễn Thế Thuấn cho biết đoạn này tương tự như đoạn Xuất Hành 4, các câu 24-26 trong đó Giavê xông đánh Mô-sê ban đêm và muốn giết ông. Dĩ nhiên có sự dị biệt: Mô-sê không đánh trả Gia-vê hay đúng hơn không biết gì về việc Giavê xông đánh ông đêm đó. Ở đây, Gia-cóp đã đánh lại và gần như đã thắng nếu như không bị "người kia" đá vào hông khiến ông cà nhắc. Tuy nhiên, ông vẫn không chịu buông tha cho "người kia" dù "trời đã rạng đông rồi". Một phần vì cung cách xuất hiện đột ngột, không có mào đầu chi, của "người kia", một phần vì khi nghe "người kia" xin mình buông tha "vì trời đã rạng đông rồi" mà Gia-cóp đã nghi người lạ mặt này không phải là người nên đã cố cưỡng bắt ông ta phải chúc lành cho mình.

Có người cho rằng câu truyện đấu vật này được đưa vào đây để giải thích tầm nguyên cho cái tên Israel của Gia-cóp. Theo Cha Thuấn, từ *yeabeg* (đấu) của Hípri chọi với từ *yabboq* (tên con sông Gia-cóp vượt qua trong truyện này) thành ra từ Israel. Richard J. Clifford SJ và Roland E. Murphy O.Carm cũng đồng ý như thế khi cho rằng *'abaq* (đấu) là cách chơi chữ đối với tên con sông *yabboq* (Giáp-bốc); trong khi từ *yisra'el* thì tuy tầm nguyên không rõ ràng (rất có thể có nghĩa là "Chúa hãy thống trị"), nhưng người bình dân vẫn hiểu nghĩa là "người đã đấu" (*sarita*, xem Hs 12:4) với *'elohim* (Chúa, thần)...

Truyện này còn đề cập đến một tầm nguyên khác về tên Peniel hay Penuel (*Pơ-nu-ên*=mặt Thiên Chúa". Một giải thích có tính tầm nguyên khác trong câu truyện này là tục dân Do Thái không ăn cái gân đùi ở khớp xương hông, một cấm kỵ, theo Cha Thuấn, không thấy nhắc đến ở đâu nữa trong Thánh Kinh.

Truyện không nói rõ tại sao Gia-cóp nhận ra người vật lộn với mình chính là Thiên Chúa, đến nỗi dám quả quyết là mình đã được diện đối diện với Thiên Chúa mà vẫn toàn mạng, và do đó đã đặt tên cho nơi ấy là “Mặt Thiên Chúa”. Trên kia, có nói đến việc người vật lộn xuất hiện cách đột ngột và cung cách “cũ” ban ngày của người ấy khiến Gia-cóp nghĩ rằng người này không phải là người trần. Nhưng cùng lắm ông chỉ dám nghĩ đó là người trời sai đến (Hôsê 12:4 cho là một thần sứ) mà thôi. Mà người trời sai đến là điều ông đang rất cần, đang rất ước mong, để nhận được sức mạnh hay khôn ngoan đủ để đương đầu với người anh mà ông từng đã dùng đủ mọi mưu cách cầu hòa nhưng vẫn chưa thành công. Đàng này, ông lại dám quả quyết đó chính là Thiên Chúa. Do đâu? Do đâu ông biết chắc như thế?

Có người cho rằng người đấu vật với Gia-cóp có một sức mạnh siêu phàm: dù bị ông ôm cứng, nhưng người ấy “không biết làm cách nào” đã đánh được vào xương hông làm ông ra cà thọt. Cũng vẫn chưa đủ để giải thích việc ông nhận ra người ấy là Thiên Chúa. Phải chăng vì việc người ấy dám “tự ý” đổi tên ông trong khi đấu nhem tên mình dù được Gia-cóp yêu cầu tỏ lộ.

Theo Richard J. Clifford S.J và Roland E. Murphy O.Carm, biết tên ai đem đến cho người biết một quyền lực trên người có tên. Trong Thánh Kinh, Thiên Chúa không mạc khải tên của Người cho một ai: mãi đến lúc Mô-sê khẩn khoản yêu cầu, Người mới bảo: *Tên Ta là Đấng Tự Hữu* (Ta Có Sao Ta Có Vậy), một cái tên mà nếu Mô-sê có nói lại cho Dân Do Thái nghe, thì họ cũng ‘như vịt nghe sấm’, không hiểu gì, nên sau đó, Thiên Chúa vẫn thích dùng danh hiệu “Thiên Chúa của Ápraham, Thiên Chúa của I-xa-ác, và Thiên Chúa của Gia-cóp” để chỉ về mình.

Nhận xét về việc này, ông Lý Minh Tuấn, trong “Công Giáo và Đức Kitô, Kinh Thánh Qua Cái Nhìn Từ Đông Phương”, trích lời Lão Tử trong Đạo Đức Kinh mà cho rằng “danh khả danh, phi thường danh” (cái tên mà có thể gọi ra tên, chẳng phải là tên đích thực). Chưa đến lúc Thiên Chúa mạc khải tên của mình ra như sau này với Mô-sê (Đấng Tự Hữu) và nhất là với Chúa Kitô (Cha, Con, Thánh Thần).

Bởi thế, tên liên quan đến “bản thể” sự vật, đến yếu tính của sự vật. Quan điểm Sách Sáng Thế rõ ràng là: đặt tên cho sự vật thuộc về Thiên Chúa hay người được Thiên Chúa minh nhiên ủy quyền (Adam được Chúa minh nhiên ủy quyền đặt tên cho mọi loài kể cả tên người bạn đời Evà của mình). Và trong Sách Sáng Thế, Gia-cóp biết rõ: đổi tên tuyệt đối là thẩm quyền của Thiên Chúa mà lịch sử đã chứng minh qua trường hợp Áp-ram thành Ápraham, ông nội Ông.

Cho nên khi thấy người đầu vật với mình không chịu nói tên ra nhưng lại “tự ý” đổi tên ông từ Gia-cóp ra Israel, ông hiểu ngay Người chính là Thiên Chúa, Thiên Chúa của Ông Nội Ông, Thiên Chúa của Cha Ông và Thiên Chúa của chính Ông.

Phần lớn các nhà chú giải không cho cuộc đầu vật này là một cách cầu nguyện. Các vị này cho rằng trước đó, trước cuộc vật lộn này, trong cơn bĩ không biết phải hành động ra sao để cầu hòa với người anh mà mình đã cướp quyền trưởng nam, Gia-cóp đã tìm tới Chúa mà cầu xin như sau:

"Lạy Thiên Chúa của tổ phụ con là ông Ápraham, Thiên Chúa của cha con là ông I-xa-ác, lạy Thiên Chúa, Đấng đã phán bảo con: 'Hãy trở về xứ sở, về với họ hàng ngươi, và Ta sẽ đối xử nhân hậu với ngươi', con bé nhỏ, đầu xúng với tất cả mọi ân huệ và tất cả lòng thành tín mà Ngài đã tỏ cho tôi tớ Ngài đây. Thật vậy, khi qua sông Gio-đan, con chỉ có cây gậy, thế mà giờ đây đã thành ra hai trại. Xin giải thoát con khỏi tay anh con, khỏi tay anh Ê-xau, vì con sợ anh ấy, sợ anh ấy đến đánh chúng con, đánh cả mẹ lẫn con. Chính Ngài đã phán với con: 'Ta sẽ đối xử rất nhân hậu với ngươi, và sẽ làm cho dòng dõi ngươi nên nhiều như cát ngoài biển, không thể đếm được vì quá đông.'" (St 32:10-14).

Cha Thuấn cho đây là một lời cầu nguyện “đơn giản, hợp với hoàn cảnh hồn nhiên chứ không công thức, lòng đạo thâm thía biến cả bầu khí của một câu chuyện có vẻ quá trần tục”.

Richard J. Clifford S.J và Roland E. Murphy O.Carm thì cho rằng lời cầu nguyện này có một cấu trúc rõ ràng: ngỏ lời với Chúa đích danh

với đủ thuộc từ, nhắc đến cả các lời Người đã hứa; tự hạ mình, và việc tự hạ này càng được nhấn mạnh nhiều hơn bằng tình huống bi thảm hiện nay; cầu xin và mô tả tình thế bi đát; thúc giục Chúa ra tay can thiệp, bằng cách nhắc lại lời Người đã hứa (xem thêm St 28:13-15, 31:3). “Chiến thuật” cầu xin của Gia-cóp là nhấn mạnh đến sự vô dụng của mình để đề cao quyền năng Thiên Chúa.

Chỉ có John White, trong tác phẩm đã dẫn, coi câu truyện này như một lời cầu nguyện đầy vật lộn và đã thắng thế. Ông đặt câu hỏi: “ai trong chúng ta sẽ vật lộn trong cầu nguyện như Gia-cóp đã vật lộn, và thắng thế như Gia-cóp đã thắng thế? Thắng thế Thiên Chúa?”.

Theo White, việc đầu tiên cần ghi nhận: Gia-cóp không phải là người gây hấn. Thánh Kinh ghi nhận rõ ràng: “có một người vật lộn với ông cho đến lúc rạng đông”. Khi bạn bị ai tấn công, bạn có hai lựa chọn: đánh trả hay bỏ chạy. Nhưng bị một ai vật lộn, thì chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải vật lộn lại để một là thoát thân hai là dạy người kia một bài học. Gia-cóp không vật lộn vì được lựa chọn mà vì buộc phải làm như thế. “Người” kia ráng hạ ông đo ván.

Vấn đề tại sao Thiên Chúa lại bận tâm đến chuyện vật lộn quả là vấn đề không ai hiểu nổi. Nhưng rõ ràng Người muốn thu nhỏ mình xuống tầm cỡ Gia-cóp. Người không chịu ở thế thượng phong đối với một địch thủ yếu thế. Ít nhất thì Người cũng đã làm thế cho đến lúc thấy Gia-cóp không có ý định bỏ cuộc. Điều này có nghĩa gì? Điều ấy cho thấy cả cuộc đời mình, Gia-cóp luôn phải “vật lộn” với Thiên Chúa. Cuộc tay đôi bên giòng sông Giáp-bốc chỉ là biểu tượng cho cuộc trường chinh suốt đời của ông. Cuộc sống trước đây của ông đã dẫn ông xuống tới điểm này và cuộc sống còn lại của ông từ điểm này sẽ đi lên. Cho đến lúc khản trương này, đời ông vốn là một cố gắng dài cường lại lòng tốt của Chúa. Buồn cười thay, nó lại là cuộc tranh đấu chống lại một Thiên Chúa chỉ có một quyết tâm duy nhất là chúc lành cho ông, là trợ giúp ông.

Cuộc vật lộn bắt đầu

Rê-bê-ca, mẹ Gia-cóp, rõ ràng mang thai một cách khó khăn. Các

chuyển động trong dạ bà không nhẹ nhàng như cánh chim nhưng “đụng nhau” chí chóc khiến bà hãi sợ phải “thỉnh ý Thiên Chúa”. Người bảo bà: “có hai dân tộc trong lòng ngươi, hai dân từ dạ ngươi sinh ra và sẽ chia rẽ nhau. Dân này sẽ mạnh hơn dân kia, đứa lớn sẽ làm tôi đứa bé” (St 25:22-23).

Đứa ra trước đỏ hoe, mình đầy lông, tên Ê-xau, sẽ trở thành ông tổ nghề săn bắn. Đứa ra sau, “tay nắm gót” thằng anh (St 25:26), được đặt tên là Gia-cóp. Những sự kiện ấy cho thấy Gia-cóp đã phải vật lộn ngay trong lòng mẹ và lúc từ dạ mẹ sinh ra. Khổ một điều, Ê-xau là một người lực lưỡng, bay nhảy, hiếu động, được cha yêu thương. Gia-cóp “trầm tĩnh” chỉ quanh quẩn bên lều, xem ra thua xa thằng anh, làm sao có chuyện “đứa lớn làm tôi đứa bé” được. Tuy nhiên, cậu sẵn sàng âm thầm chờ đợi thời cơ để lời Thiên Chúa phán với mẹ về cậu sẽ thành sự thật. Điều Thiên Chúa đã nói thì sẽ phải trở thành sự thật mà thôi.

Tuy nhiên, hình như cả Gia-cóp lẫn mẹ cậu đều không hoàn toàn tin tưởng vào lời Thiên Chúa. Kết quả là họ đã dùng đến thủ đoạn để lời Thiên Chúa kia trở thành sự thật. Thủ đoạn này gồm hai yếu tố: đánh vào điểm yếu của Ê-xau (đói) và đánh lừa (cha). Cuối cùng, Gia-cóp đã đạt được điều mà chính Thiên Chúa đã có kế hoạch ban cho ông: quyền trưởng nam, phúc lành của cha, nhưng với một cái giá khá đắt: 21 năm sống trong lo âu sợ sệt, không một chút bình an trong tâm hồn. Việc dùng cố gắng của con người để đạt được điều Thiên Chúa từng có kế hoạch dành cho mình sẽ trở thành mấu mực cho các cuộc đấu tranh sau này của Gia-cóp: vật lộn để thắng được điều chính ra ông có thể có được cách nhưng không.

Không an bình không che chở

Vì cơn giận của thằng anh Ê-xau, Gia-cóp phải trốn khỏi nhà, lấy lý do đi kiếm vợ. Nhưng chính nhờ thế mà ông gặp mặt được với Thiên Chúa: Trên đường trốn chạy, ông mơ thấy chiếc thang bắc từ đất lên trời, có thiên thần lên xuống và Thiên Chúa bên cạnh Gia-cóp. Người hứa với ông nhiều điều: lãnh thổ mênh mông chung quanh sẽ thuộc dòng dõi ông, không những thế, nhờ dòng dõi này, toàn thế giới sẽ

được chúc phúc (St 28:14); mặt khác, Người sẽ hiện diện bên cạnh và đích thân che chở ông khỏi mọi hiểm nghèo cho đến ngày ông hồi cư an toàn trở về quê cha đất tổ. Tỉnh thức, Gia-cóp gọi tên chỗ ấy là Bethel (Nhà Thiên Chúa) và long trọng đưa ra một cam kết: Nếu Thiên Chúa đem ông trở lại an toàn, thì Thiên Chúa sẽ là Thiên Chúa của Gia-cóp, và Gia-cóp sẽ dâng một phần mười của cải của mình cho Người.

Thật khó mà biết tại sao Gia-cóp lại đưa ra một cam kết như thế. Phải chăng ông không tin tưởng vào lời hứa của Chúa mà phải đặt điều kiện với Người? Điều ấy ta không rõ, nhưng điều ta biết chắc là Gia-cóp chọn thái độ chờ xem sao (wait-and-see) đối với các lời Chúa hứa với ông. Và căn cứ vào các hành động sau này của ông, ta thấy ông luôn “giúp” tay cho các lời hứa ấy bằng đủ mọi phương kế ông nghĩ ra được.

Nhiều người tỏ ra phê phán Gia-cóp nặng nề. Nhưng nghĩ cho cùng, ta có hơn gì Gia-cóp? Chúa không trực tiếp nói với ta như nói với Gia-cóp, Người nói với ta qua truyền thống 4, 5 ngàn năm của Thánh Kinh và Huấn Quyền, của các Thánh, của các bằng hữu rất thân cận của Người, những người truyện trò với Người như cơm bữa. Còn Gia-cóp, Chúa nói trực tiếp với ông. Nhưng nào có khác gì nhau? Gia-cóp cũng như ta, cả hai đều cần đức tin mới tiếp nhận được lời Thiên Chúa. Truyền thống lời Chúa đối với Gia-cóp chỉ có mấy trăm năm. Truyền thống lời Chúa đối với chúng ta “dày” hơn gấp bội. Mà có phải lúc nào chúng ta cũng tin lời Người!

Dù gì, thái độ Gia-cóp cũng dạy ta một điều: Chúa chỉ giúp những ai biết tự giúp mình. Có lẽ đây không hẳn là một dấu chỉ của lòng bất tín khi ta tích cực làm việc để bảo đảm có được sự đáp ứng đối với lời ta cầu xin. Mọi sự tùy thuộc vào nguyên động lực của ta. Có những hoạt động nảy sinh từ niềm tin, và có những hoạt động nảy sinh từ việc thiếu niềm tin ấy. Trong trường hợp Gia-cóp, rõ ràng không phải vì thiếu lòng tin, mà chỉ là để nhấn mạnh đến đặc điểm trong đáp ứng của ông với Thiên Chúa. Khi xin gì cùng Thiên Chúa, bạn nên trung thực như Gia-cóp đã trung thực. Ông chỉ muốn có thêm đảm bảo cho lời Chúa Hứa.

Vỏ quít dày có móng tay nhọn. Sự tính toán hơn thua và mưu mẹo của Gia-cóp đặng độ chất chứa với sự tính toán hơn thua và mưu mẹo của Laban, người cậu ruột của ông. Làm việc quần quật suốt bảy năm trường, “rạng ngày sang trông canh năm” người yêu dấu Rachel đâu không thấy, thấy chình ình nàng Leah xấu xí bên cạnh. Nhưng nào có nản, ông sẵn sàng dành bảy năm quần quật làm việc nữa để “quật ngã” ông cậu Laban mà cưới cho bằng được người yêu dấu kiều diễm Rachel.

Mười bốn năm dài đằng đẵng, hai người vợ lúc nào cũng ghen tương lẫn nhau khiến ông trở thành như một tên điếm đực chứ không hẳn người chồng hạnh phúc (St 30:14-16), một ông cậu kiêm bố vợ lúc nào cũng tìm cách chèn ép: bắt ông phải lấy trâu bò riêng mà thường lại những mất mát trâu bò cho ông cậu... Phải mưu cao chước độc lắm, ông mới tạo cho mình một đàn vật khổng lồ, có tới trai tứ gái, lạc đà và lừa (xem ST 30:25-43). Những năm tháng đằng đẵng ấy, khó lòng Gia-cóp có được an bình thanh thoi. Theo lời trần tình của ông với Leah và Rachel trước lúc trốn chạy khỏi Laban, ta thấy càng lúc ông càng cảm thấy mình bị đe dọa, dù Thiên Chúa không bao giờ có ý định cho phép Laban ám hại ông (St 31:24). Ông biết rõ điều đó, nhưng ông vẫn cảm thấy không được bình an. Toàn bộ vấn đề trong tương quan với Thiên Chúa không nằm ở chỗ người ta có được an toàn bản thân hay giàu có phú quý mà là trong tình bằng hữu với Người và được yên ổn trong tâm hồn. Dường như cả hai thứ này, Gia-cóp đều không cảm nhận được. Ông là người bị ám ảnh bởi tham lam, bởi khủng bố và bởi lộn xộn trong cuộc sống gia đình.

Sói rừng chìa cổ

Thế là vì sợ Laban và các con trai của ông này, Gia-cóp phải cùng vợ con và đoàn tùy tùng và đoàn súc vật lên đường rời khỏi Kha-ran mà trở lại Ca-na-an, quê cha, nơi Ê-xau đang chờ ông, rất có thể để trả thù! Mà xem ra quả tình như thế, vì Ê-xau sai tới 400 tráng đinh đến gặp ông. Tính toán và mưu mẹo lại phải được Gia-cóp dùng đến. Ông sắp xếp đoàn vật, gia nhân và cả gia đình ông nữa như một đại tướng dàn binh bố trận. Lại dùng đến cả tâm lý chiến để thu phục Ê-xau:

hàng tấn quà cáp được gia nhân mang dâng cho “ngài Ê-xau” từ “tôi tớ Gia-cóp”. Sau đó còn cho hai bà vợ và các con qua Giáp-bốc trước. Hành động liều lĩnh chường vợ con cho “địch” giống hệt tác phong sói con được các nhà nghiên cứu tác phong thú vật (ethologist) quan sát: khi sói con thách thức quyền chỉ huy của thủ lãnh sói và thua, nó chỉ còn biết dâng cổ họng cho hàm răng lãnh tụ. Lại một điều, thấy thế, lãnh tụ sói lại mất hết cả sức hung hãn, đành quay đi tìm chỗ tiêu tiện, trong khi sói con quay đi liếm các vết thương của mình. Gia-cóp quả đang dâng cổ họng mình cho Ê-xau.

Chính cái đêm hôm ấy, cái đêm Gia-cóp dâng cổ họng cho Ê-xau, ông ta thấy mình vật lộn với Thiên Chúa ở bên này sông Giáp-bốc.

Theo White, không nên hình dung cuộc vật lộn giữa Gia-cóp với Thiên Chúa như một cố gắng của Gia-cóp để thắng được điều gì đó từ nơi Thiên Chúa. Cần phân biệt điều quan trọng này: khi bạn đến với Thiên Chúa với quyết tâm cầu xin cho bằng được lời mình cầu xin, như thể thành công của cầu nguyện hoàn toàn tùy thuộc cố gắng đầy quyết tâm của bạn, thì chắc chắn bạn sẽ phải thất vọng ê chề. Cho nên phải hiểu thế nào là cầu xin cho bằng được (pray through). Một số người cho rằng lối cầu xin này có nghĩa là phải chờ đợi Thiên Chúa cho tới lúc bạn có được sự soi sáng hoàn toàn, hiểu rõ được ý định của Người, để thay đổi được cái nhìn của bạn. Đây chính là lối cầu nguyện của Ápraham nhân biến cố Xơ-đôm. Có người lại hiểu cầu xin cho bằng được có nghĩa là dùng cường lực mở đường qua mọi trở ngại, mọi chống đối cho tới khi gặp được Chúa, là tiếp tục dùng nắm đấm đã đầm máu mà liên tiếp đập mạnh vào cửa trời cho tới khi vào được.

Điều ấy xem ra như một hình thức thống dâm (masochism) mà trên thực tế không những làm nản lòng người cầu mà còn làm Chúa mất mặt. Có bạn sẽ nói: ma quỷ quả có tìm cách chống lại, kháng cự lại lời cầu nguyện của ta, nên ta phải tìm cách thắng vượt sự chống đối của nó chứ? Điều ấy đúng, nhưng ít nhất ở đây, Gia-cóp đâu có vật lộn với ma quỷ, ông vật lộn với Thiên Chúa mà! White cho rằng: trong cầu nguyện, quả là sai lầm nếu ta cứ cố gắng tạo ra một thứ ‘sốt sắng’ giả hiệu (pseudofervor). Điều ấy không những không dẫn bạn

tới đâu mà rốt cuộc, còn một là tạo ra kiêu ngạo thiêng liêng hai là tự làm cho mình thất vọng sâu xa. Cho nên, khi không cảm thấy bất cứ một xúc động sâu sắc nào trong khi cầu nguyện, thì hãy quên cảm xúc đi. Đức tin là thái độ muốn nói rằng: “Bất kể tôi có cảm nhận được việc Chúa hiện diện ở đây hay không, có cảm nhận được việc Người sẵn sàng lưu ý tới tôi hay không, Lời của Người vẫn cho tôi hay Người đang lắng nghe tôi và trả lời tôi, và tôi sẵn sàng trông cậy vào điều ấy.

Chiến thắng nhờ tùy thuộc

Như trên đã nói, Gia-cóp vật lộn với Chúa vì ông không có chọn lựa nào khác. Ông chỉ tự vệ, không tấn công. Ấy thế nhưng kết thúc trình thuật lại cho ta thấy ông chiến thắng. "Người ta sẽ không gọi tên người là Gia-cóp nữa, nhưng là Ít-ra-en, vì người đã đấu với Thiên Chúa và với người ta, và người đã thắng" (St 32:28). Một trong các ý nghĩa của tên Israel là “Thiên Chúa đấu”. Nếu Thiên Chúa đấu thì quả tình Người là Đấng đã khởi diễn ra cuộc vật lộn. Nhưng Gia-cóp chiến thắng, là chiến thắng theo nghĩa nào? Hãy đọc lại trình thuật và coi cuộc vật lộn như việc Thiên Chúa tìm cách giúp Gia-cóp hiểu ra điều gì đó, hình dung như thể Người đang cõ vũ các chân lý mà Gia-cóp không muốn nhìn ra, như thể trong lúc vật lộn, Người muốn cho Gia-cóp thấy Người không muốn gây họa cho ông mà chỉ có ý biểu lộ lòng từ bi với ông.

Nhưng Gia-cóp quá sợ hãi. Suốt đời, ông chỉ học được có mỗi một bài học: đừng quá tin ai là hơn cả, ông phải đánh trận đánh của riêng ông. Cho nên cứ thế ông vật lộn, không dám bỏ cuộc. Nhưng rồi cơn đau khủng khiếp và một chiếc chân trở thành vô dụng. Chính trong cái đau và nỗi kinh hoàng ấy, một lời nói vang lên: “Buông ta ra, vì đã rạn đông rồi”. Làm sao buông ra được? Làm sao ông dám buông người đó ra khi ông biết rõ đến bước đi ông cũng chưa chắc đã làm được? Bởi ngay sau đó, ông hiểu rất rõ rằng người đấu với ông, người mà giờ đây ông đang hỗn hển và nhầy nhựa mồ hôi tựa nương vào chính là Thiên Chúa, Đấng Thiên Chúa của cha ông ông; nhanh như cắt, Gia-cóp xoay hẳn cái ương ngạnh của ông về hướng khác hẳn, cái hướng thật “ăn tiền”: "Tôi sẽ không buông ngài ra, nếu ngài không

chúc phúc cho tôi”.

Thiên Chúa chờ đợi câu nói ấy đã hơn 40 năm nay. Đã từ rất lâu, Người luôn chờ đợi Gia-cóp nhìn nhận sự yếu đuối của mình và trông cậy vào lòng nhân hậu của Người. Người đâu muốn dồn ông vào tình huống cùng cực đến thế, nhưng Gia-cóp dành cho Người quá ít lựa chọn. Đáp trả của Thiên Chúa đến nhanh như chớp. Và Gia-cóp chiến thắng nhờ biết vô vọng tùy thuộc.

3. Bài Ca Chiến Thắng sau Phép Lạ Vượt Biển của Mô-sê

Vũ Văn An, 05/02/2018



Bây giờ ông Mô-sê cùng với con cái Ít-ra-en hát

mừng Chúa bài ca sau đây. Họ ca rằng:

“Tôi xin hát mừng Chúa, Đấng cao cả uy hùng: Kỵ binh cùng chiến mã, Người xô xuống đại dương. Chúa là sức mạnh tôi, là Đấng tôi ca ngợi, chính Người cứu độ tôi.

Người là Chúa tôi thờ, xin dâng lời vinh chúc, Người là Chúa tổ tiên, xin mừng câu tán tụng. Người là trang chiến binh, danh Người là ‘Đức Chúa!’ Xa mã Pha-ra-ô, Người xô xuống lòng biển, tướng dũng với binh hùng chết chìm trong Biển Sậy. Vực thẳm vùi lấp chúng,

chúng chìm xuống nước sâu chẳng khác nào hòn đá. Lạy Chúa, tay hữu Ngài đã biểu dương sức mạnh. Tay hữu Ngài, lạy Chúa, đã nghiền nát địch quân. Lấy dũng lực oai hùng, Chúa quật ngã đối phương; Ngài nổi cơn thịnh nộ, thiêu chúng cháy như rơm. Nộ khí Ngài, lạy Chúa, đã khiến nước dâng lên, sóng trùng dương dồn lại dựng đứng như tường thành; giữa lòng biển thẳm sâu, nước bỗng đâu ngừng chảy. Địch quân tự nhủ rằng: ‘Ta đuổi theo bắt lấy, chiến lợi phẩm đem chia, mới no lòng thoả dạ; ta tuốt lưỡi gươm trần, cứ thẳng tay tiêu diệt.’ Ngài hà hơi nổi gió, biển vùi lấp chúng đi, chìm lìm tựa như chì giữa nước sâu cuộn cuộn. Ai trong bậc thân mình được như Ngài, lạy Chúa? Ai sánh được như Ngài, Đấng rạng ngời thánh thiện, lập chiến công khùng khiếp, làm nên việc diệu kỳ? Tay hữu Ngài giơ lên, đất rẽ ra nuốt chúng. Còn dân đã chuộc về, Ngài yêu thương dịu dặt, lấy quyền lực dẫn đưa tới đất thiêng Ngài ngự. Khi vừa nghe tin đó, chư dân run lấy bầy; người xứ Phi-li-tinh phải đón đau quằn quại. Bấy giờ tại Ê-đôm, các thủ lãnh kinh hoàng, và quan quyền Mô-áp đều sợ hãi khiếp run, người xứ Ca-na-an phải rụng rời hốt hoảng. Kinh hoàng và sợ hãi ập xuống trên đầu họ.

Cánh tay hùng mạnh Ngài làm chúng đờ như đá, bao lâu dân của Ngài vẫn còn đang qua biển, lạy Chúa chúng con thờ, bao lâu dân Ngài tâu vẫn còn đang qua biển. Ngài cho dân tiến vào, định cư họ trên núi, núi gia nghiệp của Ngài. Lạy Chúa, chính nơi đây Ngài chọn làm chỗ ở, đây cũng là đền thánh tự tay Ngài lập nên. Chúa là vua hiển trị đến muôn thuở muôn đời."

"Khi chiến mã của Pha-ra-ô cùng với chiến xa và kỵ binh tiến vào biển, Chúa cho nước biển ập xuống trên họ, còn con cái Ít-ra-en thì đi giữa lòng biển khô cạn" (Xuất hành 15, 1-18).

Nữ ngôn sứ Mi-ri-am, em ông A-ha-ron, cầm lấy trống; mọi phụ nữ theo bà đi ra, đánh trống và nhảy múa. Bà Mi-ri-am xướng lên rằng:

"Hãy hát mừng Chúa, Đấng cao cả uy hùng, kỵ binh cùng chiến mã, Người xô xuống đại dương." (Xuất hành 15, 20-21: điệp khúc Miriam)

Bài ca trên thường được gọi là *Bài Ca Biển Cả* (Song of the Sea). Nhưng gọi như thế dường như không chính bởi lẽ bài ca ấy cũng nói về nhiều biến cố khác, không ăn uống gì tới biển và cuộc vượt Biển Sậy rảo chân của Dân Do Thái: “Ngài nổi cơn thịnh nộ, thiêu chúng cháy như rơm” (câu 7); “tay hữu Ngài giơ lên, đất rẽ ra nuốt chúng” (câu 12); “Ngài yêu thương diu dắt, lấy quyền lực dẫn đưa tới đất thiêng Ngài ngự” (câu 13) “người xứ Phi-li-tinh phải đón đầu quần quai... các thủ lãnh [Ê-đôm] kinh hoàng, và quan quyền Mô-áp đều sợ hãi khiếp run, người xứ Ca-na-an phải rụng rời hốt hoảng” (câu 14-15); “Ngài cho dân tiến vào, định cư họ trên núi, núi gia nghiệp của Ngài... cũng là đền thánh tự tay Ngài lập nên” (câu 17).

Vì thế, người Công Giáo thường gọi bài ca này là *Bài Ca Thắng Trận* mà điệp khúc quán xuyên (motif) là câu: “chiến mã với kỵ binh, Ngài đã quăng chìm đáy biển” (Hoàng Kim, *Vang Lên Muôn Lời Ca*). Chủ yếu vì thế là để nhắc lại chiến tích lẫy lừng của trận thủy chiến giữa lòng Biển Sậy không phải giữa dân Do Thái và đoàn quân mãnh dũng của Pha-ra-ô, mà là giữa ‘cánh tay hữu’ của Gia-vê và đoàn quân ấy.

Căn cứ vào câu 20-21, có người cho rằng bài ca nguyên thủy do chính Miriam sáng tác, rất ngắn, chỉ có hai câu và xem ra chỉ đề cập đến chiến tích lẫy lừng mà bà cùng Dân Do Thái vừa chứng kiến, chiến tích mà bà xuất khẩu thành nhạc lên tiếng vừa nhảy múa vừa đánh trống hát ca say sưa. Nhiều học giả vì thế không ngần ngại gọi bài ca ngắn này là Ca Khúc Miriam. Sau đó, người ta mới triển khai thêm nhiều chi tiết khác để ca tụng công trình cứu độ nói chung của Thiên Chúa đối với dân tộc Israel. Cha Nguyễn Thế Thuấn nhận định rằng: “bài ca chiến thắng của câu 21 được khuếch đại để bao trùm toàn diện những việc lạ lùng trong cuộc xuất hành và chinh phục Canaan và ngay cả việc xây dựng đền thờ Yêrusalem”. Đức ông Ronald Knox, trong bản dịch Thánh Kinh của mình, thì căn cứ vào văn phạm mà nhận định rằng: “một số động từ trong đoạn này [đoạn đầu của Bài Ca] hoặc chỉ về tương lai hoặc chỉ về quá khứ, nên có người nghĩ rằng nó đã được thêm vào mãi sau này, sau khi đã chiếm được Canaan. Tuy nhiên, theo đức ông, cũng có thể hiểu đây là một dự ứng (anticipation) trước cuộc chiến thắng không tốn công gì sau này đối với đất Canaan, một dự ứng đã không thành sự thật, vì đó quả là một

chiến thắng đầy khó khăn.

Dù sao, hiện nay người ta cũng coi đây là hai cách hát của cùng một bài ca hay hai bài ca của cùng một biến cố. Cách hát hay bài ca của Môsê và cách hát hay bài ca của Miriam, chị ông. Giáo sư Tovah Cohen, thuộc phân khoa văn chương Do Thái tại Trung tâm Fanya Gottesfeld Heller, cho rằng tính đơn giản, ngắn gọn và ít lời trong bài ca của Miriam quả trái ngược với tính đồ sộ của *Bài Ca Biển Cả* do Môsê hát. Không những thế, ông còn cho rằng chủ đề bài ca của Miriam cũng có khác, thay vì miêu tả chi tiết sự cao cả của Đấng Chí Thánh và tương lai của dân tộc Israel, bài ca của Miriam chỉ có một câu đề cập duy nhất tới biến cố mà Dân Tộc này vừa mới trải nghiệm. Và câu được dùng làm nhập đề tổng quát cho Bài Ca Biển Cả ấy đã trở thành bài ca riêng của Miriam.

Nhưng mặt khác, Cohen lại cho rằng Môsê hát trọn bài ca cho nam giới, và được họ đáp lại bằng điệp khúc, trong khi đó Miriam nhắc lại điệp khúc ấy cho phụ nữ cùng hát theo điệu trống và điệu nhảy. Vì thế mà lối trình diễn của Miriam chỉ nhắm vào người đương thời nhấn mạnh tới các biến cố tức khắc, trong khi lối trình diễn của Môsê nhấn mạnh tới khía cạnh tiên tri cũng như khả năng thi phú của ông.

Cohen cũng cho rằng một sắc dân vừa thoát khỏi ách nô lệ lâu năm của Ai Cập khó lòng mà hiểu nổi thứ ngôn ngữ thi ca cao siêu của Môsê. Trái lại, bài ca của Miriam vì chỉ miêu tả biến cố vừa mới xảy ra, hết sức cụ thể, đơn giản, không cần ví von, nên dễ dàng được mọi người am hiểu và chắc chắn dễ được họ nhắc đi nhắc lại theo điệu nhảy và nhịp trống, trở thành một ca khúc bình dân phổ biến.

Một điểm cần lưu ý nữa: đây là lần đầu, một phụ nữ dẫn đầu và các phụ nữ khác công khai và chính thức tham dự một buổi ca hát có tính thờ phượng. Lối dẫn đầu hay lãnh đạo của Miriam khác hẳn lối lãnh đạo của Môsê. Ông là một nhà lãnh đạo duy tuyền (elitist), có lẽ gần gũi Thiên Chúa hơn là gần gũi dân. Điều này có thể giải thích phần nào lý do tại sao ông hay bị dân chống đối, ta thán. Ông không đặt vai trò của ông trên căn bản đối thoại và tiếp xúc gần gũi với dân. Không lạ gì khi bị chống đối dữ dội, ông đã từ khước không chịu chăm nom

họ theo lối đàn bà: “Có phải con đã cứu mang tất cả dân này không? Có phải con đã sinh ra nó không mà Ngài lại bảo con: ‘hãy bồng nó vào lòng, như vú nuôi bồng trẻ thơ?’” (*Dân số* 11:12). Trái lại, Miriam thì hết sức gần gũi dân. Nói với họ, bà dùng một ngôn ngữ họ có thể hiểu được, biến một bài hát tuyệt diệu nhưng nhiều tính tiên tri khó hiểu thành một ca khúc dễ học dễ hát. Tuy nhiên, trái với hạng người mà ngày nay ta thường gọi là “populist” (dân túy, chỉ thích chiều lòng người) đến độ không ngần ngại hạ Thiên Chúa xuống hàng con người, Miriam vẫn bám trụ vào đức tin cha ông, của anh trai A-ha-ron và của em trai Mô-sê, tin vào một Thiên Chúa duy nhất.

Chính vì thế, Thánh Kinh gọi bà là nữ ngôn sứ. Vị ngôn sứ này không nhấn mạnh tới con người mình, nhưng biết tách biệt cái tôi của mình ra khỏi người chung quanh, bằng cách tạo ra một mạng lưới liên hệ nhân bản. Các nhà tâm lý học duy nữ gọi phương thức tiếp cận ấy là phương thức “đàn bà” một cách nội tại, phát sinh từ chính cấu trúc nhân cách phụ nữ. Không lạ gì dân thương bà đến độ sẵn sàng chờ cho tới lúc bà hết bệnh cùi, một chứng bệnh đáng lẽ khiến bệnh nhân có thể bị bỏ rơi, rồi mới nhỏ trại lên đường tiếp tục cuộc hành trình về Đất Hứa (*Dân số* 12:15-16).

Sở dĩ ít ai lưu ý tới bài ca của Miriam, vì phần lớn cho đó chỉ là một lặp lại hay tóm gọn bài ca của Mô-sê mà thôi. Phần lớn chú ý tới phần đầu của bài ca là phần có thể gọi là bài ca của Mô-sê. Cha Nguyễn Thế Thuấn gọi phần này là một thánh vịnh tạ ơn và là “một ca vịnh đầu tiên và danh tiếng nhất trong tất cả các bài ca vịnh mà Phụng Vụ Kitô giáo đã mượn của Cựu Ước”. Tuy nhiên, nếu Kitô giáo chỉ thỉnh thoảng hát ca vịnh này (trong nghi thức Vọng Phục Sinh chẳng hạn), thì Do Thái Giáo hát nó hầu như hàng ngày. Vì đối với dân tộc Do Thái, biển cổ vượt Biển Đỏ là biển cổ quan trọng nhất trong suốt lịch sử của họ, biển cổ thực sự đã khai sinh ra dân tộc họ trong chiến thắng, một hồng ân mà dù có tạ ơn Thiên Chúa hàng ngày, họ cũng vẫn cảm thấy chưa thể nào thỏa đáng.

Nhiều người cho biển cổ ấy đã được cường điệu hóa. Có người (*The Oxford Companion to the Bible*) cho rằng ngay địa danh Biển Đỏ hiện cũng đang được tranh luận. Cụm từ nguyên gốc Hípri là *yum suf* để

chỉ địa điểm dân Do Thái vượt qua, được Bộ Bảy Mươi dịch là Biển Đỏ. Lỗi dịch này sau đó được các bản Hy Lạp khác và cả bản Phổ Thông của Thánh Giê-rôm chấp nhận. Nhưng ở Xuất Hành 2: 3-5 và nhiều chỗ khác trong Thánh Kinh, từ *suf* vẫn được các bộ trên dịch là “sậy”. Chính vì thế, các học giả ngày nay và một số bản dịch hiện đại thường dịch cụm từ này là Biển Sậy. Có thể chỉ về một vùng nước lớn nhiều sậy ở phía đông khu tam giác, có lẽ hoặc là Hồ Sirbonis, nơi tùy theo thủy triều mà có nước ngọt hay nước mặn, hay là vùng đầm lầy cạnh Hồ Nước Chua (Bitter Lakes), nghĩa là những vùng không hẳn rộng lớn như chính Biển Đỏ bây giờ.

Theo cha Richard J. Clifford, Dòng Tên, tác giả tập “Exodus” (Xuất Hành) trong bộ “The New Jerome Biblical Commentary”, thì giai đoạn đầu của hành trình Do Thái là từ Raamses tới Succoth. Ngày nay, người ta đã đồng hóa được Succoth với Tell el-Maskhutah và với Tell el-Ratabah, hai thành thuộc vùng Wadi Tumilat cách nhau chừng 10 dặm và cách đông nam Raamses chừng 25 dặm. Các khám phá khảo cổ học gần đây nhận thấy rằng con đường trốn thoát duy nhất khỏi Raames của người Do Thái phải là con đường có thể tránh được các vụng canh Ai Cập ở phía nam Hồ Balah và pháo đài quan yếu tại Zilu của người Phi Li Tinh. Con đường này băng qua vùng đầm lầy của Hồ Balah. Chiếc hồ nông này chắc hẳn là *yam suf* (nghĩa đen là biển sậy) mà bản Bảy Mươi đã dịch là Biển Đỏ. Xuất Hành 14:1 nói rằng dân Do Thái phải quay lại Pi-ha-hiroth đối diện với Baal-Zephon. Người ta chưa nhận diện được Pi-ha-hiroth, nhưng Baal-Zephon thì có lẽ là Defenne hiện nay (tiếng Hy Lạp là Daphne). Xuất Hành 14:4 gợi ý rằng dân Do Thái quay lại Baal-Zephon cố ý để khích Pharaô truy kích họ qua khu vực đầm lầy của Hồ Balah và dọn bãi cho cuộc chiến sau cùng (tr.49).

The Oxford Companion of the Bible cũng cho rằng: dù sao, câu chuyện vượt qua Biển Đỏ của dân Do Thái, như đã được Sách Xuất Hành trình thuật ở các chương 14 và 15, là một câu chuyện phức tạp, có nhiều lớp lang khác nhau. Lớp xưa hơn thấy ở Xuất Hành 14: 21-22 có phần do truyền thống Giavít: “Đức Chúa cho một cơn gió đông thổi mạnh suốt đêm, dồn biển lại, khiến biển hóa thành đất khô cạn”. Một lớp khác, và là phần do truyền thống tư tế, thì cho rằng: “Mô-sê

giơ tay trên mặt biển... nước rẽ ra, và con cái Ít-ra-en đi vào giữa lòng biển khô cạn, nước sừng sững như tường thành hai bên tả hữu” và sau đó nước ập xuống chôn sống đoàn quân Ai Cập. Và lớp thứ ba, có lẽ thuộc truyền thống Ê-lô-hít, tìm thấy tại Xuất Hành 14: 24-25: “Vào lúc gần sáng, từ cột lửa và mây, Đức Chúa nhìn xuống hàng ngũ Ai-Cập, Người gây rối loạn trong hàng ngũ chúng. Người làm cho chiến xa kẹt bánh, khiến chúng phải vất vả mới di chuyển nổi. Quân Ai Cập bảo nhau: ‘Ta phải trốn bọn Ít-ra-en vì Đức Chúa chiến đấu chống lại người Ai Cập để giúp họ’”. Linh mục Richard J. Clifford, S.J., trong sách đã dẫn, cũng nghĩ thế (xem các trang 49-50). Nếu đúng thế, thì trường hợp thứ nhất là một biến cố tự nhiên, phép lạ chỉ là sự trùng hợp với các sức mạnh của tự nhiên giới. Trường hợp thứ hai tất nhiên là một phép lạ tỏ tường mà bất cứ giải thích nào khác chỉ là dư thừa. Trường hợp thứ ba không có nước và cũng không có cả phép lạ đúng nghĩa. Quân Ai Cập bị rối loạn nên đã tự ý rút lui. Một biến thái của trường hợp thứ hai đã được thuật lại trong Bài Ca Chiến Thắng.

Ông Lý Minh Tuấn, trong “Công Giáo và Đức Kitô”, thì cho rằng: về phép lạ trên Biển Đỏ, ngày nay người ta thường có khuynh hướng lưu ý tới lớp thứ nhất trên đây tức lớp kể rằng Thiên Chúa cho gió đông thổi mạnh suốt đêm, dòn biển lại, khiến biển hóa thành đất khô cạn. Ông viết “có người đã nghiên cứu địa lý vùng Biển Đỏ thấy rằng trong một năm, ở một nơi trên Biển Đỏ, có ngày nước thủy triều rút xuống thấp nhất, người ta có thể lội qua dễ dàng; nhưng sau đó, thủy triều lại ập lên rất nhanh. Có lẽ Mô-sê đã nghiên cứu trước, biết được điều này và đã dẫn dân Do Thái qua đúng lúc. Còn quân lính Ai Cập không biết nên gặp tai nạn” (tr.88). Dù nói thế, ông vẫn trích lại lời linh mục Trần Phúc Nhân nhận định như sau: “Chủ đích của đoạn văn anh hùng ca này không phải là kể lại lịch sử đúng từng chi tiết cho bằng đề cao ý định Thiên Chúa muốn cứu thoát dân Ngài, và đề cao quyền lực Ngài mạnh hơn nhà vua, hơn thiên nhiên..., và đã can thiệp để thực hiện ý định đó”.



Bất cứ nhìn trình thuật trên bằng con mắt phân tích lớp lang như thế nào và dù có đồng ý với ‘các nghiên

cứu địa lý’ đến đâu thì vẫn có điều không thể giải thích được ngoại trừ chấp nhận một sự can thiệp nào đó từ trên cao. Trường hợp đầu, sự can thiệp ấy ở trong cơn gió đông thổi mạnh đến có thể dồn biển lại, biến biển thành đất khô cạn vào đúng lúc dân Do Thái cần đi qua, và cơn gió đông ấy hết thổi mạnh khiến biển ập nước lại như cũ đúng vào lúc quân Ai Cập đang kẹt trong đó. Trường hợp thứ ba, sự can thiệp ấy ở trong việc đột ngột rối loạn hàng ngũ của một đạo quân tinh nhuệ trước một bọn người nô lệ xưa nay họ từng khinh miệt chà đạp. Còn nếu bảo: Mô-sê, một thường dân, biết trước lúc nào nước thủy triều xuống thấp nhất để rồi đưa được đoàn người Do Thái đông đảo qua biển, còn quân Ai Cập với cả một bộ tham mưu lớn lao lại “ngu dần” đến không nghiên cứu địa hình địa cảnh trước khi ra quân để phải vùi thân dưới lòng biển, thì quả là chuyện hoang đường, nếu không chịu nhận rằng chính một trí khôn cao siêu nào đó từ trên cao đã mách bảo ông, đã soi sáng cho ông cách đặc biệt. Mà cho rằng Mô-sê tự học hỏi được điều ấy đi chăng nữa, thì dân Do Thái vẫn phải cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho họ một vị lãnh tụ phi thường như vậy trong lúc nguy nan. Họ coi ông như cánh tay phải vươn dài của Người và họ cảm tạ Người vì cánh tay vươn dài ấy.

Mặt khác, người Do Thái trước đây cũng như người Kitô hữu bây giờ nhìn mọi biến cố đều là sự quan phòng của Thiên Chúa và lúc nào họ cũng dâng lên Người lời cảm tạ thiết tha, cảm tạ cả về anh mặt trời,

chị mặt trăng, em gió, bạn mưa, những biến thái hoàn toàn tự nhiên. Huống chi là việc chuyển dịch hơn 600,000 trảng đĩnh, không kể đàn bà con trẻ (*Xuất hành* 12:37, tính cả phải lên vài triệu) qua Biển Đỏ, một địa danh chắc chắn Môsê không quen thuộc trước đó bao nhiêu, mà cái khối vài triệu này lại hết sức ô hợp, chỉ quen mơ tưởng cơm áo, màng chi tới hai chữ tự do, luôn miệng đòi ăn đòi uống, kêu ca trách móc, phải được kể là một kỳ tích phi thường trước đó chưa có và sau này cũng khó mà có được. Không có ơn trên, cái ông “cà lăm” Môsê này hỏi làm chi được?

Lời cảm tạ phát biểu bằng thánh thi hay thánh ca tất nhiên phải dùng hình ảnh, sự tích, ẩn dụ, ví von, phóng đại, thi vị hóa nếu cần để đánh động lòng người. Đọc truyện Thánh Gióng có ai cho là đúng trăm phần trăm. Nhưng ai ai cũng phải cảm kích ơn tiền nhân và những kỳ tích giữ thơm quê mẹ của họ. Bài Ca Chiến Thắng ra đời cách nay đã gần 30 thế kỷ hẳn cũng có mục tiêu ấy và vì thế được dân tộc Do Thái suốt trong 30 thế kỷ nay thay phiên nhau ngâm ngợi, lòng thực sự hướng về Giavê nhân hậu và quyền năng.

4. Môsê khẩn cầu cho dân

Vũ Văn An, 08/02/2018

Chúa phán với ông Mô-sê: "Ta đã thấy dân này rồi, đó là một dân cứng đầu cứng cổ. Bây giờ cứ để mặc Ta, cứ để cơn thịnh nộ của Ta bùng lên phạt chúng, và Ta sẽ tiêu diệt chúng. Nhưng Ta sẽ làm cho người thành một dân lớn."

Ông Mô-sê cố làm cho nét mặt Đức Chúa, Thiên Chúa của ông, dịu lại. Ông thưa:

"Lạy Chúa, tại sao Ngài lại bùng bùng nổi giận với dân Ngài, dân mà Ngài đã giơ cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa ra khỏi đất Ai-cập? Tại sao người Ai-cập lại có thể rêu rao: Chính vì ác tâm mà Người đã đưa chúng ra, để giết chúng trong miền núi và tiêu diệt chúng khỏi mặt đất? Xin Ngài nguôi cơn thịnh nộ và xin Ngài thương đừng hại dân Ngài. Xin Ngài nhớ đến các tôi tớ Ngài là Áp-ra-ham, I-xa-ác và

Ít-ra-en; Ngài đã lấy chính danh Ngài mà thề với các vị ấy rằng: Ta sẽ làm cho dòng dõi các người đông đúc như sao trên trời, và sẽ ban cho dòng dõi các người tất cả miền đất ấy, là miền đất Ta đã hứa; chúng sẽ được thừa hưởng miền đất ấy đến muôn đời."

Chúa đã thương, không giáng phạt dân Người như Người đã đe (Xuất Hành 32: 9-14)

Rồi Mô-sê trở lại với Chúa và thưa:



"Than ôi, dân này đã phạm một tội lớn! Họ đã làm cho mình một tượng thân bằng vàng! Nhưng giờ đây, ước gì Ngài miễn chấp tội họ! Bằng không, thì xin Ngài xoá tên con khỏi cuốn sách Ngài đã viết" (Xuất Hành 32: 31-32).

... Mô-sê thưa với Chúa:

"Xin Ngài coi, chính Ngài đã phán với con: 'Hãy đưa dân ấy lên, vậy mà Ngài lại không cho con biết Ngài sẽ cử ai đi với con. Tuy nhiên chính Ngài đã phán: Ta biết đích danh người, và hơn nữa người đã được nghĩa với Ta. Vậy bây giờ, nếu quả thật con đã được nghĩa với Ngài, xin kháng tố cho con biết đường lối của Ngài, để con biết Ngài, và được nghĩa với Ngài. Xin cũng coi dân tộc này là dân của Ngài."

Chúa phán: "Đích thân Ta sẽ đi, và Ta sẽ cho người được nghỉ ngơi." Ông Mô-sê thưa với Người:

"Nếu Ngài không đích thân đi, xin Ngài đừng đưa chúng con lên khỏi đây. Nhưng làm thế nào biết được là con và dân của Ngài được nghĩa với Ngài? Há chẳng phải vì có Ngài đi với chúng con sao? Như thế, con và dân của Ngài mới khác với mọi dân trên mặt đất."

Chúa phán với ông Mô-sê: "Ngay cả điều người vừa nói đó, Ta cũng sẽ làm, vì người đã được nghĩa với Ta, và Ta biết đích danh người."

(Xuất Hành 33: 12-17)

Trên đây là ba lời cầu nguyện ta gọi là lời cầu nguyện cầu bầu cho dân Do Thái của Mô-sê. Ba lời cầu nguyện này được gom lại một chỗ để một đàn nói lên đặc tính của lời cầu nguyện này, một đàn để nói lên chính con người của nhà cầu bầu Mô-sê.

Tuy nhiên, muốn hiểu hai điều trên thiết tưởng nên đặt ba lời cầu nguyện ấy trong ngữ cảnh lịch sử của chúng. Dân Do Thái vừa được chứng kiến khung cảnh hết sức tôn nghiêm trang trọng của việc Thiên Chúa trao ban Thập Điều và các luật lệ từ đó phát sinh ra. Sách Xuất Hành từ chương 19 tới chương 31 đã thuật lại tỉ mỉ nội dung các việc này, mà nay ta thường gọi là Giao Ước Sinai, đỉnh cao của Cựu Ước.

Cha Nguyễn Thế Thuấn nhận định rằng phần này hầu như thuộc trọn truyền thống tư tế. Trong đó các câu từ 20:22-23:33 trực tiếp nói đến nội dung bộ luật Giao Ước Sinai. Giao Ước này cũng giống Giao Ước đã ngỏ với Áp-ra-ham: nó đánh dấu việc dân được chọn và những lời hứa cho dân. Nhưng giao ước với Áp-ra-ham chỉ được ký kết với một cá nhân, dù đạt đến cả giòng dõi ông, và chỉ gồm một điều khoản, tức việc cắt bì. Giao Ước Sinai, trái lại, liên quan đến cả một dân tộc, với một Bộ Luật: thập điều và bộ luật giao ước. Với tất cả những triển khai sau này, bộ luật đó trở thành Hiến Chương của Do Thái giáo, được Sách Huấn Ca (24:9-27) đồng hóa với sự khôn ngoan; còn sách Đệ Nhị Luật (31:26) thì coi như một “chứng cáo tội dân” bởi vì sự vi phạm sẽ làm cho lời hứa ra vô hiệu và kéo đến sự chúc dữ của Thiên Chúa. Nó sẽ là giáo huấn và sự kèm giữ, dọn các tâm hồn đón Chúa Kitô đến, Đấng sẽ ký kết một giao ước mới. Tuy cha Nguyễn Thế Thuấn cho rằng Thánh Phaolô sẽ giải thích vai trò nhất thời này của Lễ Luật (Gl 3; Rm 7), nhưng ngày nay, Giáo Hội đã có cái nhìn tích cực hơn về Giao Ước Sinai, bằng cách nhấn mạnh nhiều hơn đến tính liên tục giữa hai Giao Ước cũ và mới.

Nhận định về địa điểm Núi Sinai, Cha Nguyễn Thế Thuấn cho rằng thật khó mà xác định được việc này. Từ thế kỷ thứ IV, truyền thống Kitô giáo đặt nó ở phía nam bán đảo Sinai, tức Núi Djebel Mousa (cao 2, 215 mét). Nhưng ngày nay, ý kiến khá phổ biến lại căn cứ vào

các đặc điểm núi lửa được mô tả trong việc thần hiện (19:16) và lộ trình của Dân Số 33 để đặt Sinai tại Ả-rập. Tại đây, các núi lửa vào thời lịch sử vẫn còn hoạt động. Tuy nhiên, các lý chứng cũng không có gì là quyết định và một số văn bản khác lại gợi ý ở gần vùng Ai Cập hơn và ở gần Pa-lét-tin. Một thuyết khác lại đặt Sinai ở gần Cades, dựa trên các bản văn đặt Seir, Edom và núi Pharan liên quan với việc Thiên Chúa hiện ra (Thủ Lãnh 5: 4; Đệ Nhị Luật 33: 2; Habacúc 3:3). Nhưng Cades không bao giờ được gắn liền với sa mạc Sinai và có vài văn bản ghi rõ sa mạc Sinai xa Cades (Ds 11-13, 33; Đnl 1:2-19). Việc đặt ở phía nam bán đảo có lẽ là đúng hơn cả.

Dù sao, Xuất Hành không nhằm nói đến địa dư cho bằng đến cuộc giải phóng vĩ đại của Dân Do Thái khỏi ách nô lệ Ai Cập và việc lần đầu họ được kể là người dân tự do của một nước có luật lệ đàng hoàng và luật lệ ấy không do ai khác mà là chính Thiên Chúa Tối Cao ban hành. Như trên đã nói, quan trọng nhất trong bộ luật này là “Thập Điều”. Cha Nguyễn Thế Thuấn cho rằng: trong tình trạng hiện tại, Thập Điều không ăn khớp với trình thuật ở 19:24-25 và 20: 18-21. Thập Điều hay “mười lời” được giữ lại dưới hai hình thức: bản ở đây thuộc hiệu đính truyền thống Êlôhít, còn Đnl 5:6-21 thuộc hiệu đính Đệ Nhị Luật, có khác nhau đôi chút. Hình thức tiên khởi, có thể lên đến thời Môsê, là một chuỗi mười công thức ngắn (coi các giới điều 5, 6, 7 và 8), có nhịp điệu dễ thuộc lòng. Rồi Thập Điều được truyền miệng trong các nhóm dân đã kinh nghiệm về Sinai và biết các điều đó chứa đựng “lời” Thiên Chúa đã phán tại Sinai. Toàn bộ Thập Điều và các điều được khai triển được đưa vào trình thuật về thần hiện. Và truyền thống Êlôhít lại tiếp tục ở Xuất Hành 24:3, nhảy qua Luật Giao Ước. Thập Điều bao quát toàn bộ môi trường đời sống tôn giáo và luân lý. Nó là trung tâm của Luật Môsê và vẫn giữ được giá trị trong Luật mới: Chúa Kitô nhắc lại các giới luật và Người thêm vào, như là dấu kiện toàn, các lời khuyên Tin Mừng (xem Mc 10:7-21). Cuộc bút chiến của Thánh Phaolô chống lại Lễ luật trong thư Rôma và Galát không đụng đến các bốn phận cốt yếu này đối với Thiên Chúa và đối với người đồng loại (xem Nguyễn Thế Thuấn, *Kinh Thánh*, các trang 158, 160).

Chỉ có điều giới luật ấy chưa ‘ráo mực’ thì đã bị dân Do Thái, từ

‘quan quyền’ cho đến thứ dân, đồng loạt vi phạm trắng trợn. Nói rằng trắng trợn quả không ngoa. Thực vậy, không những tất cả đều vừa mới được Môsê thông báo đầy đủ nội dung Giao Ước và bộ luật giao ước ấy (19:7-8, 19:25, 24:3-4), mà họ còn được “nghe thấy” Thiên Chúa nói với Môsê (19:9), được chứng kiến cảnh uy nghi đến khiếp sợ hãi hùng (20:18) của biến cố Giao Ước (20:18), ngoài ra “A-ha-ron, Na-đáp, A-vi-hu và 70 người trong hàng kỳ mục Ít-ra-en còn được hân hạnh cùng Môsê “đi lên” gặp gỡ Thiên Chúa trong lễ ký kết Giao Ước, được “nhìn thấy Thiên Chúa của Ít-ra-en... Người không ra tay hại những bậc vị vọng của Ít-ra-en; họ được chiêm ngưỡng Thiên Chúa, và sau đó họ ăn uống” (24:9-11). Ấy thế mà chỉ cần mấy tuần lễ sau, vì không thấy Môsê xuất hiện, họ đã thuyết phục được A-ha-ron, thầy cả thượng phẩm tiên khởi của Giao Ước, đúc cho họ một con bò vàng làm “vị thần để dẫn đầu chúng tôi” (32:1).

Về con bò vàng này, Cha Nguyễn Thế Thuấn nhận định rằng: “bò” vàng, thực ra là một con bò tơ, một trong những biểu tượng Thiên Chúa của phương Đông thời cổ. Một nhóm cạnh tranh với nhóm Môsê, hay một nhóm ly khai với nhóm Môsê, đã có hay đã muốn có một hình tượng bò tơ làm biểu tượng cho sự hiện diện của Thiên Chúa thay cho Khâm Giao Ước. Nhưng luôn luôn vẫn là Gia-vê (câu 5: A-ha-ron thấy vậy, bèn dựng một bàn thờ trước tượng con bò, rồi ho to: Mai có lễ kính Giavê!).

Cha Richard J. Clifford S.J cho rằng căn cứ vào nội dung câu 4 (*Hỡi Ít-ra-en, đây là thần của ngươi, đã đưa ngươi lên từ Ai Cập*), thì rõ ràng dân Do Thái đã vi phạm Thập Điều thứ nhất (20: 2-7) vì mặc dù từ Elohim có thể có nghĩa số ít chỉ về Thiên Chúa, nhưng vì động từ ‘đưa’ ở số nhiều, nên rõ ràng dân Do Thái có ý chỉ về các thần minh, quả đã vi phạm thập điều qui định Thiên Chúa là Chúa (thần) duy nhất, ngoài Người ra không có một chúa (thần) nào khác. Tuy nhiên, Cha cũng cho hay: trong nghệ thuật tranh ảnh của vùng Cận Đông xưa, con bò là biểu tượng rất nổi bật của các thần minh (như *Bull El* trong các bản văn Ugaritic) mà cũng tượng trưng cho chiếc ngai trên đó các thần minh ngự trị. Theo cái nhìn của người bình dân Do Thái, con bò tượng trưng cho Giavê, do đó, một bàn thờ đã được dựng lên trước con bò vàng này.

Nếu chỉ hiểu như thế là quá coi thường cơn thịnh nộ của Thiên Chúa và nhất là cơn thịnh nộ của Môsê. Cả Môsê lẫn Thiên Chúa coi đây là một vi phạm nghiêm trọng đến độ “Bây giờ cứ để mặc Ta, cứ để cơn thịnh nộ của Ta bùng lên phạt chúng, và Ta sẽ tiêu diệt chúng” (32:10). Chúa chỉ đe thôi, và vì lời cầu bầu của Mô-sê, Người đã nguôi cơn thịnh nộ. Nhưng cơn thịnh nộ của chính Môsê thì không những không nguôi mà còn mỗi lúc mỗi ứ đầy thêm, khiến ông ra lệnh cho các thầy Lêvi: “ ‘mỗi người hãy đeo gươm vào. Hãy đi đi lại lại trong khắp trại, từ cửa này sang cửa nọ mà giết, kẻ thì giết anh em, người thì giết bạn hữu, kẻ thì giết người thân cận của mình’. Con cái ông Lê-vi đã làm theo lời ông Môsê; trong ngày ấy, có ba ngàn người trong dân đã ngã gục” (32:27-28). (về số người bị giết, Cha Nguyễn Thế Thuấn cho hay: bản Phổ Thông ghi là 23 ngàn người, rất có thể lấy con số ở 1Cor 10:8 và Dân Số 25:1-9).

Nói cho ngay, thập điều thứ nhất không phải chỉ qui định độc thần, mà còn qui định không được tạc hình tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao, cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ” (20:4). Như thế, dù hiểu theo nghĩa nào, dân Do Thái, như một toàn thể, ngoại trừ Môsê, cũng đã xúc phạm đến Thiên Chúa duy nhất, Đấng đã đem họ từ nô lệ qua tự do, mới đây thôi, và đã làm không biết bao nhiêu dấu lạ điềm thiêng để họ tin Người và sùng bái thân tín của Người là Môsê. Cha Clifford cũng nghĩ như thế, nên ngài đặt tên cho các chương 32-34 là “Apostasy and Renewal of the Covenant” (Việc bỏ đạo và tái lập Giao Ước).

Hai tình yêu

Điều ta cần lưu ý hơn chính là hai thái độ gần như trái ngược mà thực ra không trái ngược nhau chút nào của Môsê: mới khẩn cầu cho dân xong, đã ra tay tàn sát dân không tiếc tay, cách nhau chỉ khoảng 1 tiếng đồng hồ (là thời gian đi bộ từ Đỉnh Sinai xuống tu viện Catherine hiện nay mà nhiều người vẫn coi là nơi Dân Do Thái đóng trại).

Khởi sự là cầu bầu. Cha Nguyễn Thế Thuấn cho rằng: Môsê vốn là

một người bầu cử lớn lao khi còn ở Ai Cập lúc có những tai ương khủng khiếp (Xh 5:22-23; 8: 4; 9:28; 10:7); rồi trong trường hợp Miriam bị cùi (Ds 12:13); và nhất là cho toàn dân ở sa mạc (Xh 32: 11-14, 30-32; Ds 11:2; 14:13-19; 16:22; Đnl 9:25-29). Vai trò này còn được nhắc đến trong Giêrêmia 15:1, Thánh Vịnh 99:6; 106: 23; Hc 45:3. Vai trò cầu bầu ấy cũng báo trước vai trò bầu cử của Chúa Kitô.

Môsê thương Dân mà Chúa đã trao cho ông lãnh đạo, bằng một tình yêu mà sau này được Thánh Phaolô mô phỏng từng nét (Rm 9: 3). Nghĩa là bất kể Dân ấy tội lỗi, xấu xa đến đâu, bất kể số phận Dân ấy có ra sao, ông vẫn một lòng gắn bó với họ, số phận họ trở thành số phận ông. Cho nên mặc dù ông hiểu rõ tầm mức nặng nề trong xúc phạm của họ, mặc dù ông biết họ từng nổi lên chống lại ông, gây cho ông thật nhiều ưu phiền, lo nghĩ, căng thẳng, mặc dù ông biết tru diệt Dân này quả là một nhẹ gánh đối với ông nhất là ông đã được Chúa đoan hứa sẽ biến gia đình ông thành một dân tộc mới, nhưng ông vẫn một lòng đứng về phía Dân bội bạc ấy mà cầu bầu cho họ ngay trong lúc cơn giận của Gia-vê còn đang bùng bùng.

Lời cầu bầu ấy không những mang dáng dấp ‘xin’ mà còn ‘xỏ’ là đằng khác. Ông áp dụng mọi chiến thuật chiến lược ông nghĩ ra được để thuyết phục Thiên Chúa hay nói như bản dịch tiếng Việt của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ: ‘để nét mặt Người dịu lại’, kể cả việc dùng người Ai Cập để nói khích Người. Thậm chí, còn mặc nhiên xếp Người vào hàng bất nhất: cứu đó để diệt đó, hứa đó rồi quên đó. Theo bản dịch nổi tiếng của Anh tức bản Vua James, ông còn dám cả gan mà nói với Gia-vê “Turn from thy fierce wrath and repent of this evil against thy people” (v.12) (Hãy từ bỏ cơn giận dữ dội của Ngài đi và hãy hối lỗi về tội ác chống lại dân của Ngài này). Các bản dịch Công Giáo không đặt những lời ‘hỗn xược’ như thế vào miệng Môsê, nhưng bản Jerusalem cũng đã viết như thế này: “Leave your burning wrath; relent and do not bring this disaster on your people” (Hãy bỏ cơn giận bùng bùng của Ngài đi; hãy nguôi giận đi và đừng giáng tai họa này trên dân Ngài). Phần lớn các nhà chú giải nói tiếng Anh ngày nay thích dùng động từ nguôi giận (relent) thay vì hối lỗi (repent). Dù sao, giọng cầu bầu của Môsê, xét thuần theo quan điểm phạm tục, vẫn có âm hưởng ‘xỏ’, khích, ra lệnh, không hoàn toàn chỉ có ‘xin’. May cho

ông, Thiên Chúa là Đấng thấu suốt tâm trí con người, nên Người thấy rõ động lực thúc đẩy ông dám ‘cả gan’ như thế: ông quên cả lời Chúa hứa riêng cho bản thân ông mà đến sự an nguy của ông cũng như chính bản thân ông, ông cũng gác qua một bên (ông xin Chúa, nếu cần, hãy xóa tên ông khỏi sổ, xem 32:32), chỉ vì thương dân mà Chúa đã trao cho ông lãnh đạo. Thiên Chúa là tình yêu, tất nhiên Người phải ‘tâm đắc’ với con người này. Và lại, như sẽ nhắc tới, Người rất biết ông rất yêu Người. Thế là Người nguôi giận và không tru diệt Dân Do Thái nữa.

Tình yêu của Môsê đối với Gia-vê cũng quan trọng đối với ông như tình yêu của ông đối với Dân, tất nhiên còn quan trọng hơn thế. Ông đã thấy Người cao cả, dũng mãnh như thế nào, ông đã thấy Người thánh thiện uy nghiêm đáng kính sợ dường bao, và nhất là Người yêu thương ông và dân ông biết đến chừng nào. Cho nên ông không thể làm ngơ sự xỉ nhục mà Dân đã tỏ ra với Gia-vê. Như trên đã nói, một tiếng đồng hồ sau khi chắc chắn Thiên Chúa sẽ không làm gì để trừng phạt Dân, và sau khi tai nghe mắt thấy tội ác vô cùng nhơ nhuốc của dân, nhơ nhuốc đến độ “trở thành trò cười cho địch thủ” (câu 32:25), chính ông đã ra tay trừng phạt họ một cách không tiếc tay, có thể nói là sát phạt, là tàn sát, sau khi đã nổi cơn lôi đình dữ dội đến nỗi quên khuấy cả thực tại và đập bể cả hai tấm bia Thập Giới chứa đựng chính chữ viết của Thiên Chúa. Nhưng trừng phạt gì thì trừng phạt, ông vẫn tiếp tục yêu thương Dân, vẫn tiếp tục đóng vai người bầu cử cho họ.

Phản ánh trái tim của Chúa

Và ngày hôm sau, ông từ tốn nói với Dân: "Anh em đã phạm một tội lớn, nhưng giờ đây tôi sắp lên gặp Thiên Chúa; may ra tôi sẽ xin được Người xá tội cho anh em" (câu 32:32). Và lời cầu xin sau đó quả là một lời cầu bầu thật đẹp và thật cảm động.



Trước nhất, ông thẳng thắn nhìn nhận tội lỗi gớm ghiếc của Dân: “Than ôi, dân này đã phạm một tội lớn! Họ đã làm cho mình một tượng thần bằng vàng!” Không một biện bạch. Tội là tội. Dĩ nhiên có thể có cảm dỗ, và đã là

cảm dỗ thì có cảm dỗ mạnh, cảm dỗ yếu, đem lại giảm khinh nhiều hay giảm khinh ít, tùy theo hoàn cảnh phạm tội. Nhưng tội vẫn là tội. Về điểm này, White nhận xét: ung thư, dù có lý do giải thích, vẫn là ung thư, vẫn cứ giết người như thường. Tội lỗi cũng thế. Tội luôn luôn gớm ghiếc. Ta có thể xin khoan hồng, xin thương xót nhưng không phải trên cơ sở giảm khinh. Chúa biết rõ những trường hợp giảm khinh, nhưng bản chất gớm ghiếc của tội thì không thay đổi. Nên Môsê không hề biện giải, biện lý, biện minh, bào chữa.

Có điều ông không chỉ trích, không kết án. Ông chỉ trình bày sự kiện. Người cầu bầu xứng danh nào cũng thế: không kết án, nhưng cũng không nhắm mắt. Điều cần là làm sao tránh cho Dân khỏi trận hỏa hào. Ông biết rõ: Thiên Chúa thấy hết mọi sự và Người có quyền làm bất cứ điều gì Người muốn. Bởi thế, ông chỉ còn biết năn nỉ, khẩn khoản xin Chúa: “Nhưng giờ đây, ước gì Ngài miễn chấp tội họ!”.

Nhưng, những lời sau đây mới quả là lời cầu bầu của người bầu cử thực sự: “Bằng không, thì xin Ngài xoá tên con khỏi cuốn sách Ngài đã viết”. Theo Cha Nguyễn Thế Thuấn, ông có ý nói tới sách ghi chép công việc người ta làm và vạch ra số mạng của họ mà Thánh Vịnh 69 gọi là sách sự sống (câu 29). Nghĩa là loại trừ ông khỏi thế giới nhân sinh, hay thế giới bằng hữu của Người vì Người vốn được xưng tụng là Chúa người sống. Môsê muốn sống chết với Dân của ông. Ông không muốn khởi sự một dân tộc mới. Ông không giải thích cảm nghĩ

của mình. Nhưng ngày tận cùng của Israel cũng là ngày tận cùng của mọi sự đối với Môsê.

Lời cầu bầu của ông không có tính cường điệu như loại bi lặc kịch. Trên đường lên núi, hẳn ông có dịp suy nghĩ tới lời đề nghị trước đây của Chúa muốn biến ông thành khởi thủy của một dân tộc khác, và ông đã đi đến một thái độ dứt khoát. Chúa muốn làm chi thì làm. Nhưng số phận ông đã được gắn chặt với Dân mà ông đã lãnh đạo ra khỏi Ai Cập. Họ có thể tội bại. Họ có thể tội lỗi đầy mình. Nhưng họ đã trở thành dân của Môsê cũng như đã trở thành dân của Chúa. Ông sẽ sống để lãnh đạo họ hay cùng chết với họ tại sa mạc hoang vu.

Sẽ tốt biết bao nếu càng ngày càng có nhiều Kitô hữu biết nhìn giáo hội của họ như Môsê. Dù không phải để chỉ trích, tất cả chúng ta nhiều khi phải thú nhận với Chúa và với chính bản thân mình rằng vì cuộc sống ham ố và vật chất nhãn tiền, ta không đáng được Chúa công minh thương xót. Mọi sự tùy thuộc thế đứng chúng ta chọn lựa. Giáo hội là “họ” hay Giáo hội là “ta”? Ta có quan tâm đủ để đầu lung với họ nếu Chúa muốn giáng hình phạt? Ta có yêu thương họ bất chấp mọi điều ta nhìn thấy? Liệu họ có còn là dân Chúa và dân ta không?

Trên kia đã nhắc đến Thánh Phaolô. Trong thư gửi tín hữu Rôma, ngài viết: “Quả vậy, giả như vì anh em đồng bào của tôi theo huyết thống, mà tôi có bị nguyên rửa và xa lìa Đức Ki-tô, thì tôi cũng cam lòng” (9:3). Cha Nguyễn Thế Thuần dịch câu này hơi khác: “Tôi đã ước nguyện xin làm hiến vật tách khỏi Đức Kitô vì anh em đồng chủng của tôi về phần xác”. Nhưng ngài đã chú giải rằng: Hiến vật (Hilạp: *anathema*) chỉ của dâng hiến cho Thiên Chúa, hoặc làm tế lễ, hoặc để bị hủy đi theo nghĩa Hipri : “kherem” vật để hủy đi tạ tội. Tóm lại cũng có nghĩa là bị loại bỏ, loại ra ngoài. Đó quả là chủ trương của truyền thống bầu cử chân chính. Không hề hàm nghĩa: con người mưu toan thách thức Thiên Chúa, cho bằng phản ánh chính trái tim của Người. Đáng đã chết vì tội lỗi nhân loại càng làm chân lý kia rõ nghĩa đối với chúng ta.

Nếu được nói lên cách thành thực, hẳn đó là lời cầu xin làm Thiên Chúa ưng ý. Ấy thế nhưng đó không bao giờ là lời cầu xin được

Người đáp ứng. Câu trả lời của Người với Môsê chứng tỏ điều ấy: “Ai phạm tội chống lại Ta, Ta sẽ loại nó ra khỏi sách của Ta” (32:33).

Tuy nhiên, vấn đề chưa chấm dứt ở đây. Việc được sống ngay trước nhan Thiên Chúa cần phải được giải quyết cho Israel. Họ còn phải tiến về Canaan. Trước đó, Chúa có phán: “Nhưng Ta sẽ không đi với các ngươi, kéo giữa đường Ta sẽ tiêu hủy các ngươi, vì các ngươi vốn là dân cứng cổ” (Xh 33:3). Họ được lệnh phải gỡ bỏ mọi đồ trang sức để tỏ lòng ăn năn. Còn Môsê thì dựng một chiếc lều bên ngoài lối cổng chính của khu tạm cư (chưa phải là Nha Tạm). Ông gọi nó là Lều Hiện Diện (hội ngộ). Một nghi thức long trọng đã được triển khai. Dân đứng tại chỗ, còn Môsê thì ra ngoài tiến về hướng Lều. Cột Mây xà xuống trên Lều khi Môsê bước vào. Chúa không còn ở giữa Dân của Người nữa. Khi thấy cột mây xà xuống, toàn dân Israel úp mặt xuống đất.

Đối với Mosê, đây quả là một đặc ân và vinh quang lớn lao. “Thiên Chúa đàm đạo với ông Môsê, mặt giáp mặt, như hai người bạn với nhau” (33:11). Ấy thế nhưng ông đâu có hài lòng. Đối với đa số chúng ta, được như thế là quá đủ rồi. Được thân mật cận kề bên Thiên Chúa như Môsê còn muốn gì nữa, việc người khác không được hưởng như thế, đâu có ăn uống gì tới mình. Nhưng đó lại là điều hết sức quan trọng đối với Môsê. Ông không những xin Chúa thương xót Dân, mà còn muốn xin Người hiện diện với Dân nữa, như đã hiện diện thân mật với ông. Do đó, ông thưa với Chúa: “Xin cũng coi dân tộc này là dân của Ngài... Nhưng làm thế nào biết được là con và dân của Ngài được nghĩa với Ngài? Há chẳng phải vì có Ngài đi với chúng con sao? Như thế, con và dân của Ngài mới khác với mọi dân trên mặt đất.” (33:13, 16).

Ước chi ngày nay, chúng ta cũng khẩn cầu như thế cho Giáo Hội. Xem ra, nhiều lúc như Chúa không còn hiện diện trong Giáo Hội. Vì ta đã đi tôn thờ nhiều loại bò vàng tân thời của giàu sang, danh vọng, tiếng thơm, bằng cấp, địa vị hay quyền lực chính trị. Thành công của ta dường như không được coi là sản phẩm của Chúa Thánh Thần nữa mà duy nhất do công khó, do tài kỹ thuật của mình. Thế giới dễ hiểu được việc ta đã thành công ra sao. Ta có máy móc và biết sử dụng

chúng. Chẳng cần phải lấy yếu tố siêu nhiên để giải thích các thành tựu ấy. Có ai còn cần tới Chúa nữa đâu? Người Đấng tượng trưng, là bảng hiệu (logo) của ta. Hình của Người được treo danh dự trong phòng họp hội đồng quản trị. Nhưng Người chỉ là chủ tịch đã về hưu; và không như dân Do Thái, ta không thấy nhớ tiếc gì Người.

Chúa đã đáp ứng lời cầu xin của Môsê. Người đáp ứng vì chính Người đã dạy Môsê cầu xin như thế. Chúa đáp ứng lời cầu xin mà Người hằng muốn nghe từ lâu. Người tiếp tục hiện diện với Dân và cùng đi với họ.

5. Bài ca của Môsê trước khi qua đời

Vũ Văn An, 12/02/2018

Lúc được 120 tuổi, cái tuổi không còn có thể ‘đi ra đi vào’ được nữa, cái tuổi ‘sắp đến ngày người phải lìa đời’ như chính Giavê cho ông hay, sau khi đã trao quyền và tấn phong cho Giôsuê nối nghiệp, với lời hịch hết sức bi hùng: ‘mạnh bạo lên, can đảm lên, đừng sợ, đừng run trước mặt chúng’ vì ‘Chúa luôn ở với người’, Môsê cho triệu tập toàn dân để nghe ông đọc ‘bài ca’ sau đây:

Trời hãy lắng tai, này tôi sắp kể, đất nghe cho tường lời lẽ miệng tôi:

Giáo huấn của tôi như giọt mưa thánh thót, lời tôi dạy bảo tựa sương móc nhỏ sa, khác nào mưa rơi trên nội cỏ, giống như nước đổ xuống đồng xanh.

Này tôi xưng tụng thánh danh Chúa, trời đất hãy suy tôn Thiên Chúa ta thờ!

Người là Núi Đá: sự nghiệp Người hoàn hảo, vì mọi đường lối Người đều thẳng ngay.

Chúa tín thành, không mảy may gian dối, Người quả là chính trực công minh.

Những đứa con mà Chúa đã sinh ra không tì ố lại lối đạo với Người,

ôi nòi giống lưu manh tà vạy!

Hỡi dân tộc ngu si khờ dại, ngươi đáp đền ơn Chúa vậy sao?

Há chính Người chẳng phải cha ngươi, Đấng dựng nên ngươi, Đấng tạo thành, củng cố?

Hãy nhớ lại những ngày xưa tháng cũ, và ngắm xem từng thế hệ qua rồi.

Cứ hỏi cha ngươi là người sẽ dạy, thỉnh bậc lão thành, họ sẽ nói cho nghe.

Khi Đấng Tối Cao định phân riêng cho muôn nước, và khiến loài người khắp ngả chia tay, thì Người vạch biên cương cho từng dân tộc theo số các thân mình.

Nhưng sở hữu của Chúa chính là dân Chúa, nhà Gia-cóp là cơ nghiệp của Người.

Gặp thấy nó giữa miền hoang địa, giữa cảnh hỗn mang đầy tiếng hú rợn rùng,

Chúa áp ủ, Chúa lo dưỡng dục, luôn giữ gìn, chẳng khác nào con ngươi mắt Chúa.

Tựa chim bằng trên tổ lượn quanh, giục bầy con bay nhảy, xòe cánh ra đỡ lấy rồi cõng con trên mình.

Duy một mình Chúa lãnh đạo dân; chẳng có thần ngoại bang nào bên cạnh Chúa.

Người cho nó phóng ngựa trên các vùng đất cao trong xứ, nó được ăn hoa màu đồng ruộng; Người cho nó nếm mật ong chảy ra từ hốc đá, nếm dầu từ tảng đá hoa cương; nếm sữa bò chua và sữa chiên dê, với mỡ chiên con, chiên đực miền Ba-san, mỡ dê đực, với lúa mì tinh hảo; ngươi uống máu trái nho đã hoá rượu nồng.

Giơ-su-run mập ra, nó hát chân đá hậu -ngươi mập, béo, phát phì- nó

đã bỏ Thiên Chúa, Đấng đã làm ra nó, Núi Đá độ trì nó, nó đã khinh thường.

Chúng thờ các thần xa lạ khiến Người phải ghen tương, làm những điều ghê tởm mà trêu giận Người; chúng tế những quỷ không phải là Thiên Chúa, tế những thần chúng không biết, những thần mới, vừa mới đến, mà cha ông các ngươi đã không khiếp sợ.

Núi Đá sinh ra ngươi, ngươi lại coi thường, ngươi quên Thiên Chúa, Đấng đã sinh ra ngươi.

Chúa thấy vậy thì khinh miệt, vì con trai con gái Người đã trêu giận Người.

Người phán: "Ta sẽ ẩn mặt đi không nhìn chúng, để xem hậu vận chúng ra sao; vì chúng là giống nòi tráo trở, những đứa con chẳng chút tín trung.

Chúng đã thờ các thần không phải là Thiên Chúa khiến Ta phải ghen tương, thờ những thần hư ảo mà trêu giận Ta; Ta sẽ dùng một dân không phải là dân khiến chúng phải ghen tương, dùng một dân tộc ngu si mà trêu giận chúng.

Phải, lửa thịnh nộ đã bùng lên trong Ta, nó đốt đến tận đáy sâu âm phủ, thiêu huỷ đất đai với cả hoa màu, làm chân núi đồi bốc cháy.

Trên chúng, Ta sẽ chông chát tai ương, sẽ phóng hết mũi tên của Ta vào chúng.

Khi vì đói, chúng phải hao mòn, vì sốt, vì ôn dịch tàn khốc mà phải tiêu tan, Ta sẽ gửi đến chúng nanh thú dữ, với nọc của loài bò sát trên bụi đất.

Ngoài thì lưỡi gươm sẽ làm chúng mất con, trong thì là nổi kinh hoàng.

Cả trai tráng lẫn người trinh nữ, trẻ đang bú cũng như người bạc đầu

sẽ chung số phận.

Ta đã phán: Ta sẽ đập chúng tan tành, làm cho loài người chẳng còn ai nhớ tới, nếu như Ta không sợ kẻ thù xúc phạm.

Đối thủ chúng chớ có hiểu lầm mà nói rằng: "Chúng ta cao tay hơn, tất cả điều đó, đâu phải là Chúa đã làm."

Quả thế, chúng là một dân tộc phán đoán sai lạc, thiếu hẳn trí thông minh.

Nếu là người khôn ngoan, chúng sẽ hiểu điều đó, sẽ thông suốt hậu vận của mình.

Làm sao một người đuổi được một ngàn người, và hai người khiến mười ngàn người trốn chạy, nếu không phải vì Núi Đá của chúng đã bán chúng đi, và Chúa đã nộp chúng rồi?

Vì núi đá của chúng không phải như Núi Đá của chúng ta. Chính kẻ thù chúng ta đều công nhận.

Nho của chúng lấy giống từ nho của Xơ-đôm, từ những cánh đồng của Gô-mô-ra; trái nho của chúng là trái nho độc, chùm nho của chúng mới đáng làm sao!

Rượu của chúng là nọc mãng xà, là chất độc giết người của rắn hổ mang.

Điều này chẳng được giữ kỹ bên Ta, được niêm phong trong các kho tàng của Ta sao?

Chính Ta sẽ báo oán và đáp trả, vào lúc mà chân chúng lão đảo té xiêu, vì ngày chúng lâm nạn đã gần, và vận hạn chúng đang sầm sập tới."

Thật vậy, Chúa sẽ xét xử cho thần dân, sẽ đủ lòng thương hàng tôi tớ, khi Người thấy rằng bàn tay chúng yếu đi, và người nô lệ, kẻ tự do cũng chẳng còn.

Bấy giờ Người phán: "Đâu rồi các thần của chúng, đâu rồi núi đá chúng ẩn thân?"

Đâu rồi những kẻ ăn mỡ lễ tế của chúng, uống rượu tế chúng dâng?

Các thần đó hãy đứng lên và phù trợ các người, cho các người có một nơi ẩn náu!

Bây giờ hãy coi đây: Ta chính là Ta, bên cạnh Ta, chẳng có thần nào khác, Ta cầm quyền sinh tử, Ta đánh phạt, rồi Ta lại chữa lành, không ai cứu khỏi tay Ta được.

Phải, Ta giơ tay lên trời, Ta nói: Ta sống đến muôn đời!

Khi Ta mài lưỡi gươm sáng loé của Ta, khi Ta ra tay xét xử, thì Ta sẽ báo oán các đối thủ của Ta, sẽ đáp trả những kẻ ghét Ta, Ta sẽ làm cho các mũi tên của Ta say máu, gươm của Ta sẽ ăn thịt: máu những người bị giết và những tù nhân, thịt đầu các thủ lĩnh quân thù."

Hỡi các dân tộc, hãy reo hò mừng dân Chúa, vì Người bắt đền nợ máu các tội tớ của Người, báo oán các đối thủ của Người, và xá tội cho đất, cho dân của Người.

Ông Mô-sê cùng đến với ông Hô-sê-a, con ông Nun, và nói cho dân nghe tất cả những lời của bài ca này (Đnl 32:1-44).



Bài cầu nguyện trên đây thường được mệnh danh là Bài Ca Mô-sê. Nhiều người cho rằng: điều độc đáo nơi Mô-sê là ông hát cả ở những lúc không có lý do gì để hát. Ta nên nhớ, đây không phải là lần đầu ông hát, ít nhất đây cũng là lần thứ hai. Lần đầu ông cùng toàn dân hát vì lúc ấy dưới sự lãnh đạo của ông, toàn dân đã

được giải phóng một cách vinh quang bằng cách vượt qua Biển Đỏ rảo chân, trong khi chiến mã với kị binh, binh hùng với tướng mạnh của Ai Cập bị “quăng tùm xuống biển”, vùi thân dưới lòng biển bao la. Người không biết hát, những lúc như thế, cũng phải bật lên tiếng hát. Nhưng lần này, có gì đâu mà hát. Đám dân cùng ông ra khỏi Ai Cập đã gần như chết hết, chính bản thân ông cũng sắp theo chân họ vào mộ huyết rồi. Vậy mà ông vẫn cất cao một bản trường ca, dài hơn cả bài ca chiến thắng, thường được gọi là Bài Ca Biển Cả. Có người còn cho bài ca này hết sức độc đáo về hình thức. Chưa ở chỗ nào trong Bộ Cựu Ước mà tư tưởng tiên tri lại được khoác một bộ áo thi ca có tầm cỡ đến thế (xem Emil G. Hirsch và George A. Barton: Song of Moses, JewishEncyclopedia.com).

Nhưng thực ra, bài ca này không do sáng kiến của Mô-sê. Đệ Nhị Luật 31: 19 viết như sau: “Bây giờ các ngươi (Mô-sê và Gio-suê) hãy viết cho mình bài ca này, (các) ngươi hãy dạy con cái Ít-ra-en, hãy đặt vào miệng chúng, để Ta (Gia-vê) lấy bài ca ấy làm chứng cáo tội con cái Ít-ra-en”. Thiên Chúa thấy trước các bất trung của Ít-ra-en: họ sẽ được đưa vào Đất Hứa, đất tràn trề sữa và mật, được ăn, được no nê, sẽ béo mập, nhưng rồi sẽ hướng về các thần khác mà làm điểm phụng thờ chúng và khinh thị Gia-vê, phá vỡ giao ước. Bài ca này sẽ là lời chứng cáo tội họ.

Và do đó, bài ca này xem ra không hẳn chỉ là một bài ca mà còn là một luật sống. Ngôn từ để gọi nó có lúc thay đổi giữa bài ca và luật sống là vì vậy. Câu 21: “Bài ca này sẽ làm chứng cáo tội nó, vì dòng dõi chúng sẽ không quên lặt lại bài ca này”. Câu 22: “hôm ấy, ông Mô-sê đã viết bài ca này và dạy con cái Ít-ra-en”. Câu 24-26: “Ông Mô-sê đã viết xong các lời của luật này vào một cuốn sách, từ đầu chí cuối...sách ấy sẽ làm chứng cáo tội anh em”. Câu 30: “Ông Mô-sê nói cho toàn thể đại hội Ít-ra-en nghe những lời của bài ca này, từ đầu chí cuối”. Và sau khi đã nói xong tất cả những lời ấy với toàn thể Ít-ra-en, Mô-sê bảo họ: "Hãy để tâm vào tất cả những lời mà hôm nay tôi cảnh cáo anh em, hãy truyền những lời đó cho con cái anh em, để chúng lo đem ra thực hành tất cả những lời của Luật này. Thật vậy, đó không phải là một lời trống rỗng đối với anh em, mà đó là sự sống của anh em, và nhờ lời ấy, anh em sẽ được sống trên đất mà anh em sắp qua

sông Gio-đan để chiếm hữu." (câu 45-47).

Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ dường như không đồng ý như vậy khi ghi chú câu 45 như sau: “Tiếp theo 31:27. Những lời ở đây là thánh luật, chứ không phải là bản thánh ca nói trên”. Cha Nguyễn Thế Thuấn cũng cùng một ý kiến như thế: “Tiếp 31:27. Lời ở đây là lời của lề luật, c.46, chứ không phải của bài ca. C. 48 tiếp c. 44”.

Các nhà chú giải trên rất có thể dựa vào các phân tích nguồn văn sâu sắc mà đưa ra các chú giải ấy. Tuy nhiên, cũng có người tin rằng bài ca này đã được viết xuống và được đặt trong Hòm Bia Giao Ước cùng với chiếc gậy của A-ha-ron và Ngũ Thư (*Song of Moses*, trong Bách Khoa mở Wikipedia). Nếu chỉ coi các chương 31-32 như từ một nguồn thì khó mà không tin như vậy, vì quả tình sau khi viết xong “các lời của luật này” Mô-sê ra lệnh cho các thầy Lê-vi đặt sách ấy vào Hòm Bia Giao Ước (xem câu 26).

Joseph Blenkinsopp, giáo sư Thánh Kinh tại Đại Học Notre Dame, khi chú giải Sách Đệ Nhị Luật, đã giải thích đầy đủ hơn về lối chú giải của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ và của Cha Nguyễn Thế Thuấn. Nhận định về các câu 31:16-23, nhà chú giải này cho rằng: bài ca đã được lồng vào song song với lề luật để làm chứng tố cáo lòng bất trung của Ít-ra-en, chính vì thế, cả hai phải được viết xuống. Nhận định các câu 31:24-29, tác giả này cho hay: đoạn này tiếp nối đoạn 31:9-13 và được đoạn 32:45-47 tiếp nối. Riêng “lời này” ở câu 28 nên hiểu là “bài ca này”; hai câu 28-29 đương nhiên đề cập tới bài ca vì việc đọc luật cách tư riêng cho các trưởng lão và viên chức sau khi đã ra lệnh phải thi hành việc đọc công khai (câu 31:11) xem ra không chính. Sở dĩ có sự lẫn lộn này là do những thích ứng có tính biên tập lúc bài ca được thêm vào (xem *The New Jerome Biblical Commentary*, tr.108).

Hầu hết các nhà chú giải, dựa vào giả thuyết tài liệu (documentary hypothesis) đều nghĩ bài ca này khởi thủy vốn là một bản văn độc lập, sau đó được các soạn giả Đệ Nhị Luật lồng vào ấn bản thứ hai của sách. Ấn bản này được đưa ra như là một phản ứng đối với việc Vương Quốc Giu-đa bị lưu đày qua Babylon. Vì có giả thuyết cho

rằng ấn bản đầu của Đệ Nhị Luật có cái nhìn tích cực hơn, từng gợi ý về một hoàng kim thời đại sắp tới. Cái nhìn ấy đến lúc này không còn thích hợp nữa. Do đó, bài ca này thích hợp hơn với ấn bản hai, khi nhìn lại các bất hạnh của Ít-ra-en và chắc chắn đã được soạn thảo vào cùng một thời gian.

Blenkinsopp cũng nghĩ thế. Theo ông, bài ca này đã được lồng vào ở một niên hiệu sau này vì sự đồng điệu trong các thể tài của nó với các lời khuyên dụ (parenesis) của đệ nhị luật. Luận điểm cho rằng nó có niên hiệu rất sớm đã căn cứ vào một trong các điểm sau đây: giống nhau về cấu trúc với truyền thống Êlôhít trong Ngũ Thư; dùng ngôn ngữ cổ; dùng loại hình thi phú mà theo Albright khá thích ứng giữa Xuất Hành 15 và Thủ Lãnh 5 một bên và bên kia là 2 Sm 1. Tuy nhiên, theo tình trạng các nghiên cứu đệ nhị luật hiện nay, khó mà dựa vào truyền thống Êlôhít; ngôn ngữ ở đây phải nói là đang trở thành cổ xưa chứ chưa cổ xưa thực sự (như trong Hbc 3); và người ta hoài nghi không biết các lý thuyết cứng rắn về thi phú có diễn dịch thành thứ tự thời gian chính xác hay không. Các ngụ ý thi ca trong các câu như 7, 15, các ý niệm thần học giả thiết là tiên bộ, cũng như những dấu chỉ ảnh hưởng của khôn ngoan và tiên tri, như hình thức kiện tụng, xem ra muốn nói đến một niên hiệu không thể nào trước thời quân chủ và lưu đầy (đã dẫn, tr.108).



Tóm lại, bài ca rất có thể không phải của Môsê. Bách khoa mở Wikipedia cho rằng: theo khoa chú giải phê phán hiện nay, mặc dù truyền thống Do Thái và Kitô giáo vốn gán bài ca này cho vị tiên tri

từng lãnh đạo Dân Do Thái ra khỏi Ai Cập, nhưng các điều kiện do bài ca này giả định đã làm ý niệm ấy khó chấp nhận được. Cuộc Xuất Hành và cuộc lang thang trong sa mạc đã thuộc một dĩ vãng quá xa. Người đồng thời với tác giả bài ca hình như phải học hỏi những điều đó từ cha ông họ (câu 7). Dân Do Thái lúc ấy như đã định cư tại Pa-lét-tin rồi (các câu 13-14); thì giờ đủ lâu cho họ không những sa vào việc thờ ngẫu thần (các câu 15-19) mà còn bị đem tới chỗ gần diệt vong. Họ chịu áp lực nặng nề của các kẻ thù ngoại đạo (câu 30); nhưng Gia-vê hứa sẽ can thiệp và cứu vớt họ (các câu 34-43).

Tuy nhiên, các nhà chú giải không nhất trí về niên hiệu chính xác của bài ca. George E. Mendenhall thuộc trường Đại Học Michigan thì cho là nó được viết ra trong khoảng thời gian liền sau thất bại của dân quân Do Thái tại Eben-Ezer, và tác giả của nó là tiên tri Samuel. Nhưng khi toàn bộ đoạn Đnl 31: 14-23 được gán cho hai truyền thống Gia-vít và Ê-lô-hít, thì người ta lại tin là nó có trước đó, đồng thời với các trận chiến Xi-ri-a dưới thời Giơ-hô-a-kh á t và Gia-róp-am II. (c. 780). Kuenen và Driver, khi cho rằng kiểu nói “một dân không phải là dân” ở câu 21 có ý ám chỉ người Át-xi-ri, đã cho rằng bài thơ này có từ thời tiên tri Giê-rê-mia và Ê-dê-kien (c. 630). Trong khi đó những tác

giả như Cornill, Steuernagel, và Bertholet lại cho nó thuộc thời sắp kết thúc Lưu Đày, từ thời Isaia thứ hai. Hiện nay, khó có thể xác định được một niên hiệu chính xác, nhưng phần đông nghiêng về thời Lưu Đày.

Ronald Bergey, thuộc phân khoa thần học cải cách ở Aix-en-Provence, Pháp, thì lại cho rằng sự tương đồng về ngôn ngữ giữa Đệ Nhị Luật 32 và các chương chủ yếu của Sách Isaia (tức các chương 1, 5, 28 và 30) cho thấy Bài Ca này và các sách tiên tri có tính Isaia có liên hệ với nhau về phương diện ngữ học. Mặt khác, khi so sánh về phương diện thể tài, người ta thấy giữa hai nguồn này có cả một khuôn mẫu khá nhất quán trong việc lấy thể tài của nhau hay đảo ngược lại các thể tài ấy. Nhưng khó mà nhận định bên nào vay mượn của bên nào.

Điều ấy, một lần nữa, đối với chúng ta không quan trọng. Bài ca này, khi được Giáo Hội chính thức nhìn nhận là qui điển, vượt qua những khía cạnh ấy để nói với ta những diệu kỳ của Chúa, bằng một văn phong độc đáo. Bài ca mở đầu bằng một khúc dạo (câu 1-3) trong đó trời và đất được huy động để lắng nghe lời nhà thi sĩ. Blenkinsopp thì cho rằng trời và đất ở đây được kêu mời làm nhân chứng (xem Giêrêmia 2:12; Tv 50:4-6); và điều này phản ánh việc nại tới thần minh chứng giám cho việc lên án một chư hầu sau khi một hiệp ước bị vi phạm, mà theo ông, vốn là chủ đề của bài ca này. Về câu 2, có người cho rằng Môsê muốn dẫn khởi lời ông như chính lời Thiên Chúa, theo đó giáo huấn của Người “như giọt mưa thánh thót”, lời Người dạy bảo “tựa sương móc nhỏ sa, khác nào mưa rơi trên nội cỏ, giống như nước đổ xuống đồng xanh”. Có lẽ, lúc suy tư về chính thừa tác vụ của mình, Môsê muốn nói rằng: Lời Chúa qua miệng lưỡi ông, tức giáo huấn, phải rơi trên mọi người như những hạt mưa nhỏ rơi trên đám cỏ non hay như trận mưa rào rơi trên cỏ đồng nội, từ từ thấm nhiễm sâu biến thành những xác tín vững chắc không phải chỉ riêng cho đầu mà còn cho cả tim lòng nữa. Dù sao, theo Blenkinsopp, chữ giáo huấn, *lequah*, trong tiếng Hípri, chính là điển hình của ngôn ngữ khôn ngoan (xem Gióp 11:4; Cn 1:5; 4:2). Niềm xác tín kia được Môsê phát biểu ở câu 3: “Này tôi xưng tụng thánh danh Chúa, trời đất hãy suy tôn Thiên Chúa ta thờ!”, điều mà lúc còn ở Meribah, ông

cương quyết không bao giờ thiếu sót thực hành trước mặt dân: sẽ luôn hiển dương danh Thiên Chúa.

Trong các câu 4-6, thể tài của bài ca được xác định. Thể tài ấy nói về sự chính trực và trung tín của Gia-vê đối với dân hư đốn và bất tín của Người. Sự chính trực và trung tín của Giavê được gói ghém trong hạn từ “Núi Đá” mà Môsê dùng ở đây để gọi tên Người. Môsê sử dụng tên này đến 5 lần trong bài ca này (các câu 4, 15, 18, 30, 31). Đây là một tước hiệu thường được Thánh Vịnh (Tv 18:3) cũng như các tiên tri (2 Sm 23:3; Is 44:8; 51:1) dùng để chỉ Thiên Chúa. Đá ở đây chỉ quyền thống trị không bao giờ đổi thay của Chúa, nền tảng chắc chắn để ta nương tựa. Thực thế, Môsê cho rằng sự nghiệp của Chúa hoàn hảo, đường lối của Người thẳng ngay, Người tín thành, không mảy may gian dối, Người chính trực công minh. Nhưng khi nói đến đá, hình như Môsê còn muốn nhắc tới biến cố Chúa cho nước phọt ra từ đá để nuôi sống dân (Xh 17), một loại hình được ông dùng tới dùng lui trong chính Bài Ca này (câu 13: người cho nó ném mật ong chảy ra từ hốc đá, ném dầu từ tảng đá hoa cương) sau này được Thánh Phaolô dùng để áp dụng vào Chúa Kitô, khi ngài viết: “Hết thầy đã được uống cũng một của uống thần thiêng, quả họ đã uống tự Tảng đá thần thiêng đi theo họ, Tảng đá ấy tức là Chúa Kitô” (1Cor 10:4). Sự chính trực vững như núi đá ấy quả trái ngược với lòng dạ đổi thay của con người. Thực vậy, họ vốn được Chúa “sinh ra không tì ố”, nhưng nay đã tráo trở mà ra “lỗi đạo, lưu manh, tà vạy, ngu si, khờ dại”.

Các câu 7-14 đề cập tới sự quan phòng từng dẫn dắt Israel an toàn qua sa mạc và ban cho họ mảnh đất phì nhiêu. Câu 8 được Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ dịch là: “Người vạch biên cương cho từng dân tộc theo số các thần minh”. Cha Nguyễn Thế Thuận thì dịch là “theo số các con cái Thiên Chúa” và tuy ghi chú thêm rằng lời dịch đó là dịch theo bản Hy-lạp, chứ bản Hípri ghi rõ là “con cái Israel”, Cha cũng đồng ý: con cái Thiên Chúa đây chỉ các thiên thần canh giữ các dân tộc. Blenkinsopp chú thích hai câu 8-9 như sau: trong nguyên bản Hípri, *Elyon* (Đấng Tối Cao), vốn là một tước hiệu của Thượng Đế có trước thời người Do Thái, có lẽ của người Giêrusalem xưa (được Men-ki-xê-đê và Bi-lơ-am sử dụng, xem St 14: 18-22; Dân số 24:16). Đấng Tối Cao, theo ý niệm phẩm trật thần minh Ca-na-an, này chỉ

định mỗi một dân nước trong số 70 dân nước của thế giới (St 10) cho một trong số 70 vị thần của phẩm trật, riêng Israel được diễm phúc Chúa dành riêng cho mình, một dân được Người ưu tuyển. Dân ấy được Người chăm sóc một cách đầy ắp ủ, dưỡng dục và giữ gìn như “con người mất Người” (câu 10), một thuật ngữ sau này được tác giả Thánh Vịnh mô phỏng tại Tv 17:8. Nhưng câu 11 mới nói lên hết nét tài hoa và nghệ thuật thi ca của tác giả: “Tựa chim bằng trên tổ lượn quanh, giục bầy con bay nhảy, xòe cánh ra đỡ lấy rồi cõng con trên mình”. Hình ảnh chim bằng này từng được Xuất Hành 19:4 sử dụng. Câu 14 có nhắc tới chiên đực miền Ba-san. Đây là một vùng phì nhiêu phía bắc Hồ Ga-li-lê, nổi tiếng về chiên dê và gỗ sồi. Trên đường từ Ai Cập tới Ca-na-an, người Do Thái đã đánh bại Vua Ốc của Ba-san, và lãnh thổ của ông được phân phối cho chi tộc Mơ-na-se (Đnl 3; Tv 22:12; Is 2:13). Cũng trong câu 14 này, Môsê dùng lại kiểu nói trong lời Giacóp chúc phúc cho con cái ở St 49:11 đó là “máu trái nho” để chỉ rượu nho nồng.



Câu 15-18 được dùng để mô tả sự bất trung và rơi vào việc thờ tà thần của Israel, trong đó, Israel được gọi là Giơ-su-run một tước hiệu chỉ có ở đây, ở 33: 5, 26; Is 44:2. Tước hiệu này có thể rút ra từ chữ *yasar* có nghĩa là “chính trực” mà cũng có thể rút ra từ chữ *sor*, có nghĩa là “bò mộng”. Trong câu này, Giơ-su-run chắc chắn đã được rút ra từ chữ sau, với nghĩa xấu chỉ con bò đá hậu nhưng trong Is 44:2, chắc chắn nó được rút từ chữ trước, chỉ “kẻ Ta tuyên chọn”. Con bò mộng này sau khi no nê đầy đà đã rầy bỏ Thiên Chúa, Đấng tạo ra mình (đúng ra là hạ sinh theo nghĩa mẹ sinh con) mà đi thờ quỷ. Theo Blenkinsopp, chữ quỷ đây là *sedim* vốn từ gốc *sedu* của tiếng Accadian mà ra, chỉ được dùng ở đây và ở Tv 106:37.

Việc Israel rơi vào bất trung và thờ ngẫu tượng buộc Gia-vê phải đe dọa họ (các câu 19-27) với tai ương cả nước và gần như với việc tận diệt cả nước, để dùng một “dân không phải là dân”. Câu 21 này tổng

quát, khó định là dân nào, có thể là Philitinh mà cũng có thể là Babylon. Câu 22 với lửa hủy hoại đất đai hoa màu là hình ảnh thi ca của án phạt Thiên Chúa (xem Tl 9:15,20; Am 2:4; Grm 15:4). Nhưng câu 26 bắt đầu chuyển hướng: Ít-ra-en sẽ không bị diệt hoàn toàn vì nếu không kẻ thù sẽ cướp công (xem Gs 7:9; Is 10:7). Các câu 28-43 mô tả việc Gia-vê quyết định nói với Israel ra sao qua sự cùng cực khốn khổ của họ, dẫn họ tới một tâm trí tốt hơn, và ban cho họ chiến thắng trên các kẻ thù của họ. Có người nhận định: ngôn từ khôn ngoan trong hai câu 28-29 là điều đáng lưu ý. “Điều này” ở câu 34 được Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ chú thích là: “dịch một đại từ Hípri cũng có nghĩa là nó. Sau khi nói về chúng (dịch thù của Ít-ra-en), có thể ở đây lại bắt đầu nói về bản thân Ít-ra-en để báo tin ơn giải thoát. Theo hướng này, sẽ dịch là: còn nó, chẳng phải nó được giấu kín bên Ta, phong trữ trong kho tàng...? (xem Tv 27:5): thật rõ ràng Ít-ra-en luôn được Thiên Chúa trân trọng, ấp ủ (câu 10 trên; Tv 23:6...) ngay khi Người phải đánh phạt nó”. Bản Thánh Kinh Jerusalem dịch theo lối này: *Mais lui, n'est-il pas à l'abri près de moi, scellé dans mes trésors?* Câu 43: có người dựa vào Bản Bảy Mươi và Văn Chương Qumran để dịch là: “Hỡi các tầng trời, hãy mừng vui cùng dân Người, hỡi các thần minh, hãy thờ lạy Người, vì Người bắt đền nợ máu các tôi tớ Người, và xá tội cho đất đai dân Người”. “Hôsê” (có nghĩa người cứu) trong câu 44, theo Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ, mới là tên thật của con ông Nun; sau này ông Môsê sửa lại thành Giosuê để nhấn mạnh ý: “chính Đức Chúa cứu” (xem Ds 13:16). Bản Jerusalem thì dùng tên Giosuê: *Moïse vint avec Josué fils de Nûn, et prononça aux oreilles du peuple toutes les paroles de ce cantique*. Cha Nguyễn Thế Thuần cũng theo lối dịch này.

Dàn bài tổng quát của bài ca này giống dàn bài của Thánh Vịnh 78, 105, 106, và đoạn văn xuôi Edk 20, cũng như các phúng dụ ở Edk 16 và 23. Tuy nhiên, trong Bài Ca Môsê, thể tài được xử lý trọn vẹn hơn và với một ý lực thi ca cao hơn.

6. Lời cầu nguyện của kẻ chiến bại Giosuê

Vũ Văn An, 15/02/2018

Tội không thi hành án biệt hiến

Nhưng con cái Ít-ra-en đã can tội không thi hành án biệt hiến: ông A-khan, con ông Các-mi, cháu ông Đáp-đi, chắt ông De-rác, thuộc chi tộc Giu-đa, đã lấy đồ vật trong số những thứ bị án biệt hiến. Nên ĐỨC CHÚA nổi cơn thịnh nộ với con cái Ít-ra-en.

Thất bại ở thành Ai

Từ Giê-ri-khô, ông Giô-suê sai người đến thành Ai ở gần Bết A-ven, về phía đông Bết Ên. Ông nói với họ: "Hãy lên do thám xứ ấy!" Họ lên do thám thành Ai. Họ trở về với ông Giô-suê và nói: "Đừng đưa cả dân lên! Chỉ cần khoảng hai hoặc ba ngàn người lên mà đánh thành Ai. Đừng làm khổ toàn dân trong vụ này, vì bọn kia không đông lắm!"

Vậy có chừng ba ngàn người trong dân đã lên đó, nhưng họ đã chạy trốn trước mặt người thành Ai. Người thành Ai đã giết khoảng ba mươi sáu người của họ. Người thành Ai đuổi theo họ từ đằng trước cổng thành đến Sơ-va-rim, và đánh bại họ ở chỗ đó. Tâm thần của dân sợ hãi như muốn chảy tan ra như nước.

Ông Giô-suê cầu nguyện

Ông Giô-suê xé áo mình ra, và cùng với các kỳ mục Ít-ra-en sấp mặt xuống đất trước Hòm Bia CHÚA, cho đến chiều. Họ rắc bụi lên đầu. Ông Giô-suê nói:

Ôi! Lạy Chúa là ĐỨC CHÚA, sao Ngài lại đem dân này qua sông Gio-đan mà nộp chúng con vào tay người E-mô-ri để huỷ diệt chúng con? Giả chúng con được định cư bên kia sông Gio-đan, thì có hơn không? Xin đoái thương, lạy Chúa, con biết nói gì đây, sau khi Ít-ra-en phải quay lưng chạy trốn các địch thù? Người Ca-na-an và mọi dân cư trong xứ sẽ nghe biết tin này. Họ sẽ quay lại chống chúng con và xoá tên chúng con khỏi mặt đất. Khi đó, Ngài sẽ làm gì để chúng tỏ danh Ngài vĩ đại?



Câu chuyện ở Chương 7 Sách Giosuê bắt đầu cùng một cách như cuộc chiến thắng ở Giêricô: Giosuê phái người đi do thám, họ trở về, Giosuê phái binh đội của mình tới tấn công. Nhưng lần này, chính quân Do Thái bị tán loạn.

Lần này không phải người gái điếm ngoại đạo nhưng tin vào Thiên Chúa trở thành 1 phần của câu chuyện, mà là nhà lãnh đạo Do Thái tự lấy mình làm tâm điểm. Lần này, không phải người không phải là Do Thái nhưng có đức tin và gia đình nàg được cứu thoát, mà là gia đình Do Thái không có đức tin bị kết án.

Sau cuộc thất trận, Giosuê và các trưởng lão hoàn toàn thất vọng và bối rối. Họ sấp mình trước Hòm Giao Ước, tất cả rắc bụi đất lên đầu. Giosuê xé áo mình ra. Ba điều này vốn là các hành vi than khóc và tử hờ rất đặc trưng. Rồi Giosuê dâng lời cầu nguyện (xem các câu 6-9).

Thiên Chúa giận dữ đáp lời. Người nói với Giosuê đứng lên và giải thích với ông rằng dân Người đã bất trung. Một ai đó trong dân đã giữ lại một chiến lợi phẩm từ Giêricô, nên, Dân không thể đương đầu với kẻ thù của họ vì họ đã trở thành *herem*, tức điều bị hủy diệt. Giosuê khám phá ra điều này: một người tên A-khan đã không giữ lời đon hứa với Thiên Chúa: ông ta đã giấu đi một trong các chiến lợi phẩm trong trận đánh chiếm Giêricô.

Xem xét kỹ câu chuyện này, ta sẽ khám phá một số điều liên quan đến lời cầu nguyện. Làm thế nào Giosuê và dân Do Thái lại không biết gì về việc A-khan vi phạm luật trước khi có trận đánh? Trong tư cách nhà lãnh đạo, Giosuê há lại không cầu nguyện trước khi phái người đi do thám? Há ông không tiếp cận Thiên Chúa trước khi phái binh đội của ông đi? Xem ra ông đã không làm những việc vừa kể. Giosuê và dân ông cứ thế hành động, quá tin tưởng vào sức lực của riêng mình.

Lời cầu nguyện của Giosuê tương tự như các lời kêu than khác trong Thánh Kinh. Nó bắt đầu bằng tiếng kêu cứu Thiên Chúa từ đáy lòng,

hỏi “tại sao?” Nó nói lên lý do để kêu than (thất trận), rồi kết luận với yếu tố rất chung là: người kêu than nhắc Thiên Chúa rằng vì điều vừa xảy ra, dân tộc khác có thể nhạo cười Thiên Chúa là bất lực (xem các Tv 74:10, 18; 79:9; 83:4, 16, 18; Tv 106:8; 109:21; 143:11). Lời cầu nguyện này cho thấy tâm thức sai lầm của Giosuê. Ông (và cả dân Do Thái) tin rằng nếu họ thất trận, thì hẳn Thiên Chúa cũng thất trận. Có lẽ các dân tộc khác có thể nghĩ Thiên Chúa yếu, nhưng dân Thiên Chúa không nên bận tâm về chuyện này. Họ nên tự hỏi: “tại sao lại xảy ra thất bại này? Chúng tôi đã làm gì sai?”



Có một số khác biệt giữa lời kêu than này và phần lớn các lời kêu than khác trong Thánh Kinh. Phần lớn các lời kêu than khác dựa vào hy vọng tương lai; lời kêu than này dựa vào quá khứ. Phần lớn

các lời kêu than khác cũng chứa đựng một lời tuyên xưng niềm tin thác, như “con không hiểu tình huống này, nhưng con tin nơi Chúa, lạy Chúa”. Giosuê không đưa ra lời tuyên xưng nào như thế. Thực vậy, một số tác giả chỉ ra rằng lời kêu than này không dẫn đến một cuộc thảo luận hay mặc khải sự cứu độ như thường thấy trong các lời kêu than trong các Thánh Vịnh hay trong Isaia. Thay vào đó, nó dẫn tới một loại hình “kiện cáo” kiểu giao ước. Giosuê trình lời khiêu nại của ông rồi bào chữa cho nó. Thiên Chúa, như bên bị, bên vực cho phía của Người và bằng chứng thì ở phía Người. Và Người phán quyết. Bi thảm thay, chính A-khan và gia đình cùng mọi sở hữu của ông phải bị tiêu diệt (*herem*).

Bình luận về câu truyện này, có tác giả cho rằng vì 6 chương trước của Sách Giosuê nói tới các chiến thắng oanh liệt của người Do Thái dưới quyền lãnh đạo của Giosuê, người kế vị Môsê, nhưng bỗng đến đầu chương bảy thì họ thất trận, nên thực tại đời sống hay thực tại

thiên liêng đều giống nhau ở điểm cái say sưa của chiến thắng nhanh chóng được thay thế bởi cái thống khổ hấp hối của chiến bại. Giống hệt Êlia vừa lúc trước đang chiến thắng trên Núi Cácmen, mấy lúc sau đã phải đi trốn tại một hầm hố xa xôi, sợ cho mạng sống mình và than thở cùng Thiên Chúa (1V 19:10).

Nói về thành Ai, đây là mục tiêu kế tiếp trên đường chinh phục vì địa điểm chiến lược của nó. Cũng như với Giêricô, việc chiếm được nó là điều sinh tử đối với việc chinh phục toàn thể lãnh thổ. Nó nhỏ hơn Giêricô, nhưng việc chiếm được nó là điều chủ yếu vì sẽ giúp người Do Thái kiểm soát được lộ chính chạy dọc theo dãy núi từ Bắc xuống Nam, dọc theo các vùng cao nguyên thuộc miền trung lãnh thổ.

Nhưng người Do Thái đã thất trận tại đây. Đây là thất trận duy nhất của người Do Thái được sách Giosuê ghi lại và là tường trình duy nhất cho thấy người Do Thái bị thảm sát trong chiến trận.

Lý do của thất bại trên dĩ nhiên là tội lỗi của A-khan nhưng không thiếu những vấn đề khác khiến Giosuê tấn công Ai trong lúc ông không nên làm như thế. Đã đành, ông rất muốn chinh phục nhiều lãnh thổ hơn theo chỉ thị của Thiên Chúa. Vấn đề chính, như trên đã nói, rõ ràng là ông hơi quá tự tin và quá dựa vào chiến thắng Giêricô, đến quên cả dành thì giờ ở một mình với Thiên Chúa để thỉnh ý Người và xin Người tăng sức mạnh. Nếu ông làm được như thế, hẳn ông biết tội lỗi của A-khan, lo giải quyết chuyện đó trước, thay vì gửi người đi do thám và tấn công dựa vào việc do thám thiếu sót này. Kết quả, người Do Thái không biết gì về tội lỗi của A-khan, đánh giá thấp sức mạnh của kẻ thù, đánh giá quá cao sức mạnh của quân đội mình và cứ coi Thiên Chúa như chuyện tự nhiên!

Kết quả: thất trận ê chề khiến “Tâm thần của dân sợ hãi như muốn chảy tan ra như nước” (câu 5). Giosuê không còn đường nào khác, phải tới cầu cứu Thiên Chúa.

Ít có nhận định nào đáng lưu ý về lời cầu nguyện trong thất trận này của Giosuê. J. Hampton Keathley, III, một thần học gia Tin Lành, cho rằng hành xử của Giosuê và lời cầu nguyện của ông trong chương 7

này cho thấy dân Chúa, kể cả các bậc anh hùng vĩ đại của Đức Tin, được mô tả với đủ các thiếu sót của họ. Thiên Chúa không hề “chỉnh trang” hình tượng của họ. Thay vào đó, Người cho ta thấy tính người của họ không những vì tính người của họ như thế mà còn là để an ủi chúng ta trong các thất bại của chính chúng ta và thách thức chúng ta hiểu ra rằng Người có thể sử dụng chúng ta nếu chúng ta tin thác nơi Người. Thất bại không phải là tận cùng. Thực vậy, thất bại có thể là cửa sau đưa ta tới thành công; nó có thể chỉ là 1 bắt đầu tùy cách ta đáp ứng. Dĩ nhiên, điều luôn tốt hơn là phạm một vài lỗi lầm và học hỏi từ các lỗi lầm này hơn là lặp đi lặp lại các lỗi lầm cũ. Như thế, các thất trận của ta đâu có giá trị thay đổi cuộc sống.

Điều quan trọng là người của Thiên Chúa không chịu tiếp tục nằm trong bụi bặm thất bại. Chính sự thất bại và ăn năn của họ giúp họ có một quan niệm đầy đủ hơn về ơn thánh Chúa. Họ học biết Người là Thiên Chúa của cơ hội thứ hai dành cho con cái của Người, những kẻ đã không đáp ứng được Người, thậm chí còn cơ hội thứ ba, thứ bốn...

Bởi thế, trước cuộc thất trận và thảm họa tại Ai, Giosuê và các kỳ lão trong dân đã thực hiện nghi thức thọ tang mà Đavít từng làm khi nghe tin Vua Sa-un tử trận và quân đội nhà vua thất trận “Đavít nắm lấy áo mình và xé... rồi họ đã để tang và khóc đến chiều” (2Sm 1:11) hay như Gióp khi nghe tin con trai con gái đều bị nhà sập đè chết hết, bèn “chối dậy, xé áo mình ra, cạo đầu, sấp mình xuống đất” (G 1:20)...

Cử chỉ sấp mình trước Hòm Bia Giao Ước nói lên thái độ khiêm cung trước mặt Thiên Chúa của Giosuê và các kỳ mục. Họ biểu lộ lòng quan tâm sâu xa đối với Thiên Chúa và nhu cầu cần đến sự can thiệp cũng như đức khôn ngoan của Người.

Ấy thế nhưng, theo Keathley, căn cứ vào những lời sau đây, song song với các tâm tư trên, cũng có một chút tự thán và nghi ngại nào đó.

Câu đầu tiên trong lời cầu nguyện than vãn của Giosuê được Cha Nguyễn Thế Thuấn dịch là: “A! Lạy Đức Chúa Yavê, Người đã đem dân này qua (sông) Yordan làm gì? Để nạp chúng tôi vào tay dân Amori mà hủy diệt chúng tôi ư? Thà chúng tôi cứ ở bên kia Yordan

có hơn không?” Như trên đã trích dẫn, nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ thì dịch: "Ôi! Lạy Chúa là ĐỨC CHÚA, sao Ngài lại đem dân này qua sông Gio-đan mà nộp chúng con vào tay người E-mô-ri để huỷ diệt chúng con? Giá chúng con được định cư bên kia sông Gio-đan, thì có hơn không?"



“A!” (tiếng Anh Ah!), hay “Ôi!” (tiếng Anh Alas!) thì, theo Keathley đều là những tiếng than tuyệt vọng. Nhưng “A!” gần như là một sự chuyển nguyên tự (transliteration) tiếng Hípri. Nó thường nói lên tâm thức vô vọng và bại trận. Phần lớn, nó được dùng với

“Đức Chúa Yavê” (Cha Thuần) hay “Chúa là Đức Chúa” (Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ) dù không luôn chỉ sự tuyệt vọng (1) (Tl 6:22; Grm 1:6; 4:10; 14:13; 32:17; Edk 4:14; 9:8; 11:13).

Điều đáng nói là ở hơi trước, Giosuê mới gọi Thiên Chúa là “Adonai Yahweh” (Đức Chúa Yavê, Chúa là Đức Chúa), chứng tỏ ông thừa nhận thẩm quyền tối cao của Thiên Chúa và tư cách chúa tể của Người trên sinh mạng mình. Ấy thế mà ở ngay hơi tiếp theo, rõ ràng ông muốn tra vấn các mục tiêu và các lời hứa hẹn của Người.

Với câu hỏi “sao Ngài lại đem dân này qua sông Gio-đan...”, ông hành xử như thể Thiên Chúa không giữ quyền kiểm soát, mắc sai lầm, hoặc như thể Thiên Chúa muốn lừa bịp ông. Quả là vừa đạo hạnh vừa cùng một lúc bác bỏ thẩm quyền và quyền năng của Thiên Chúa vì những điều khác ta có thể nghĩ, nói hay làm. Đây là một minh họa hoàn hảo cho thấy việc ta tập chú vào một vấn đề cách tiêu cực sẽ ảnh hưởng tới cái nhìn của ta đối với Thiên Chúa, và cái nhìn này, ngược

lại, sẽ ảnh hưởng tới đức tin của ta đối với các mục tiêu, kế hoạch, và hứa hẹn của Người.

Một đàng, tập chú sai lầm thường biến trái núi thành gò đồng nhỏ. Tin tưởng vào chiến thắng quá khứ thay vì tin tưởng vào Thiên Chúa, Giosuê đã chỉ dán mắt vào sự nhỏ bé của Ai và coi nó chỉ như một gò đồng nhỏ. Đàng khác, chỉ luẩn quẩn nghĩ tới thất trận, Giosuê đã biến gò đồng nhỏ này thành trái núi quá lớn đến nỗi Chúa Tối Cao cũng không giải quyết nổi!

Bất cứ khi nào, ta bận bịu với một vấn đề hay bất cứ khi nào ta không tập chú tâm tư ta vào Thiên Chúa, ta trở nên vô cảm đối với Ngôi Vị, kế hoạch, các lời hứa, và các mục đích của Thiên Chúa. Lúc này đây, xem ra đầu óc Giosuê không hề nghĩ Thiên Chúa có thể có lý do khi để cho ông bị thất trận hay rất có thể chính ông là nguyên nhân. Trong những lúc như thế, Thiên Chúa không còn là nguồn hy vọng của ta nữa, thay vào đó, Người trở thành một người ma mãnh.

Thành thử ở cuối câu 7 này, Giosuê tỏ ý tiếc đã vượt sông Giócđan: “Giá chúng con được định cư bên kia sông Gio-đan, thì có hơn không?”



Cái nhìn của ta trở nên nông cạn và tiêu cực đối với các mục đích của Thiên Chúa xiết bao khi ta không còn lưu ý gì tới Chúa và chỉ dán mắt vào các hoàn cảnh. Lúc đó, ta sẽ thụt lùi, nhìn trở lui. Khuynh hướng là tiếc nuối “các ngày xưa thân ái”, như các người Do Thái, chỉ biết mơ ước cử hành cử tử, nôi thịt Ai Cập mà quên khuấy ở đây có các đốc công tàn bạo và các hầm bùn lầy lội. Để được thoải mái, ta sẵn sàng bằng lòng với cuộc sống tầm thường hơn là học biết đâu là các trở ngại để ta có thể tiến lên theo đuổi sự ưu việt.

Ở đây, Giosuê cho rằng vì mình đã thất trận, nên mình không thể làm gì được nữa, tốt hơn là đừng chạm trán với kẻ thù. Sự thất bại của ông dường như đã làm yếu cả khả năng của Thiên Chúa trong việc ban cho họ các chiến thắng trong tương lai. Nhưng đây là một giả thuyết sai lầm. Thiên Chúa không bao giờ bị giới hạn bởi các thất bại của ta.

Là Chúa Tể Tối Cao, Người có thể làm mọi sự trở nên tốt. Tuy nhiên câu hỏi thứ hai của Giosuê: “Xin đoái thương, lạy Chúa, con biết nói gì đây, sau khi Ít-ra-en phải quay lưng chạy trốn các địch thù?” cho thấy một khía cạnh khác nơi Giosuê bại trận.

Cần ghi nhận điều này: câu “xin đoái thương” hình như chỉ có Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ dịch như thế. Bản của Cha Thuấn, giống bản Thánh Kinh Giêrusalem, dịch là “xin xá lỗi”. Bản *The Revised Standard Version* của Tin Lành Hoa Kỳ thì dịch là “O Lord”. Giosuê chưa thấy ra việc ông cần phải xin Chúa đoái thương, cùng lắm, ông chỉ xin lỗi thôi. Nhưng ít nhất ông bắt đầu thỉnh ý Thiên Chúa.

Ta biết cuối chương 6 viết rằng Thiên Chúa ở với ông Giô-suê, và danh tiếng ông đồn ra khắp xứ, vì nhờ ơn Chúa, ông đạt hết chiến thắng này tới chiến thắng khác. Với thất trận lần này, ông phải ăn nói sao với dân? Đây quả là lời cầu xin cho có khôn ngoan để có thể trả lời với dân và nhất là đương đầu với các cuộc tấn công của các nước chung quanh chắc chắn sẽ diễn ra chống Israel nhân cơ hội thất bại của dân này.

Nhưng thỉnh ý quan yếu nhất của Giosuê là ở câu hỏi cuối cùng: “Khi đó, Ngài sẽ làm gì để chứng tỏ danh Ngài vĩ đại?”. Keathley thì cho rằng câu hỏi này chứng tỏ Giosuê hết lòng quan tâm và yêu mến Thiên Chúa. Ông sợ tin tức về cuộc thất trận này sẽ làm giảm lòng tôn kính của các dân ngoại đối với Thánh Danh Thiên Chúa.

Nhận định của Keathley và một số tác giả về Lời Cầu Nguyện của Giosuê, như chúng tôi trình bày trên đây, có vẻ phiến diện ở chỗ chỉ nhận định lời cầu nguyện này một cách biệt lập khỏi truyền thống của các tổ phụ đi trước Giosuê như Ápraham, Giacóp và Môsê.

Thực thế, lời lẽ cũng như nội dung và bố cục trong lời cầu nguyện của Giosuê không khác bao nhiêu so với các lời cầu nguyện của các tiên bô Do Thái, những người từng được giao tiếp và nói chuyện với Thiên Chúa mặt đối mặt, thân mật và xuề xoà đến có thể “trách cứ” nhau, thậm chí “đánh nhau” (Giacóp) mà không ngại ngùng chi.

Thực vậy, trên đây, khi viết về việc “Mô-sê cầu bầu cho dân”, chúng tôi từng nhấn mạnh rằng: “Lời cầu bầu ấy không những mang dáng dấp ‘xin’ mà còn ‘xỏ’ là đằng khác. Ông áp dụng mọi chiến thuật chiến lược ông nghĩ ra được để thuyết phục Thiên Chúa ..., kể cả việc dùng người Ai Cập để nói “khích” Người: ‘Tại sao người Ai-cập lại có thể rêu rao: Chính vì ác tâm mà Người đã đưa chúng ra, để giết chúng trong miền núi và tiêu diệt chúng khỏi mặt đất?’(Xh 32:12)”. Mô-sê cầu nguyện như thế đó và ông còn dùng lối cầu xin này nhiều lần nữa (xem Ds 14:15-16; Đnl 9:28).

Trên đây, cũng trong bài này, chúng tôi có chỉ ra rằng: Lời cầu nguyện của Giosuê tương tự như các lời kêu than khác trong Thánh Kinh. Nó bắt đầu bằng tiếng kêu cứu Thiên Chúa từ đáy lòng, hỏi “tại sao?” Nó nói lên lý do để kêu than (thất trận), rồi kết luận với yếu tố rất chung là: người kêu than nhắc Thiên Chúa rằng vì điều vừa xảy ra, dân tộc khác có thể nhạo cười Thiên Chúa là bất lực. Chính Thánh Vịnh cũng từng theo lối này. Thánh Vịnh 74, chẳng hạn, có tựa đề Than vãn vì Đền Thờ bị tàn phá và thù địch lộng hành, viết như sau (các câu 1-10):

Lạy Chúa Trời, sao cứ mãi bỏ rơi, sao bừng bừng nổi giận với đoàn chiên Ngài hằng chăn dắt?... chôn điếu tàn vạn cổ. Trong thánh điện, quân thù đã phá đổ tan hoang.

Chính chỗ xưa từng làm nơi hội họp, nay đối phương âm ỉ thét gào; chúng truong cờ làm hiệu kỳ chiến thắng.

Chúng như những kẻ múa rìu trong rừng rậm, vồ búa vung lên, đập tan nát cửa đền.

Thánh điện Ngài, chúng châm lửa đốt, đền thờ Thánh Danh, chúng xúc phạm, chúng san bằng; rồi tự nhủ: "Mình phá hết đi! "

Trong cả xứ, chúng thiêu huỷ mọi nơi thờ phượng. Dấu lạ xưa, chúng con đâu thấy nữa, ngôn sứ cũng chẳng còn. Mãi đến khi nao, ai nào có biết?

Lạy Thiên Chúa, tới bao giờ đối phương còn phi báng?

Địch quân cứ nhục mạ danh Ngài mãi mãi sao? (xem thêm Tv 79:9;

83:4, 16, 18; 106:8; 109:21;143:11)

Thành thử, có thể kết luận, dù là con nhà tướng, Giosuê không khác Môsê ở điểm lúc nào cũng chỉ biết dựa vào Thiên Chúa. Liên hệ giữa ông và Thiên Chúa thân mật như cha con đến độ dám dùng cả thủ thuật nói khích để vừa “xin” vừa “xỏ” mà vẫn hy vọng được Người lắng nghe. Quả tình, Thiên Chúa đã nhận lời ông và chỉ cho ông không những lý do thất trận (dân phạm giao ước Thiên Chúa: giữ đồ có án biệt hiến, các câu 7:11-12), cách vượt qua lý do này (tru diệt gia đình A-khan phạm tội giữ đồ biệt hiến, các câu 7:13-15) và nhất là phương án tấn công Ai và bảo đảm thành công, các câu 8:1-2).

(1) Nên được Cha Thuấn và Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ dịch sang tiếng Việt rất khác như ở Thủ Lãnh 6:22: “Khốn nỗi! Lạy Đức Chúa Yavê” (Cha Thuấn), “Chết tôi rồi, lạy ĐỨC CHÚA là Chúa Thượng của tôi” (CGKPV). Cha Thuấn ghi chú như sau: “Khốn nỗi: Hípri Ahah! Lời cảm thán đau đớn, lo âu, (như Gs 7:7)”. Trong khi Nhóm CGKPV thì chú thích: “theo quan niệm của dân Ít-ra-en, hễ ai thấy Thiên Chúa thì phải chết”.

7. Kinh Sám Hối Của Đavít

Vũ Văn An, 20/Apr/2018

Lời cầu nguyện thống hối của Đavít: Thánh Vịnh 51:

Lạy Thiên Chúa, xin xót thương con

Phần nhạc trưởng. Thánh vịnh. Của vua Đa-vít. Ngôn sứ Na-than đến gặp vua vì vua đã đến với bà Bát Se-va.

Lạy Thiên Chúa, xin lấy lòng nhân hậu xót thương con,

mở lượng hải hà xoá tội con đã phạm.

Xin rửa con sạch hết lỗi lầm

tội lỗi con, xin Ngài thanh tẩy.

Vâng, con biết tội mình đã phạm, lỗi lầm cứ ám ảnh ngày đêm.

Con đắc tội với Chúa, với một mình Chúa,

dám làm điều dữ trái mắt Ngài.

Như vậy, Ngài thật công bình khi tuyên án,

liêm chính khi xét xử.

Ngài thấy cho: lúc chào đời con đã vương lầm lỗi,

đã mang tội khi mẹ mới hoài thai.

Nhưng Ngài yêu thích tâm hồn chân thật,

dạy con thấu triệt lẽ khôn ngoan.

Xin dùng cành hương thảo

rảy nước thanh tẩy con, con sẽ được tinh tuyền;

xin rửa con cho sạch, con sẽ trắng hơn tuyết.

Xin cho con được nghe tiếng reo mừng hoan hỷ,

để xương cốt bị Ngài nghiền nát được nhảy múa tung bồng.

Xin ngoảnh mặt đừng nhìn bao tội lỗi

và xoá bỏ hết mọi lỗi lầm.

Lạy Chúa Trời, xin tạo cho con một tấm lòng trong trắng,

đôi môi tinh thần cho con nên chung thủy.

*Xin đừng nỡ đuổi con không cho gần Nhan Thánh,
đừng cắt khỏi lòng con thần khí thánh của Ngài.*

*Xin ban lại cho con niềm vui vì được Ngài cứu độ,
và lấy tinh thần quảng đại đỡ nâng con;*

*đường lối Ngài, con sẽ dạy cho người tội lỗi,
ai lạc bước sẽ trở lại cùng Ngài.*

*Lạy Thiên Chúa con thờ là Thiên Chúa cứu độ,
xin tha chết cho con, con sẽ tung hô Ngài công chính.*

*Lạy Chúa Trời, xin mở miệng con,
cho con cất tiếng ngợi khen Ngài.*

*Chúa chẳng ưa thích gì tế phẩm,
con có thượng tiến lễ toàn thiêu,
Ngài cũng không chấp nhận.*

*Lạy Thiên Chúa, tế phẩm dâng Ngài là tâm thân tan nát,
một tấm lòng tan nát giày vò, Ngài sẽ chẳng khinh chê.*

*Xin rộng lòng tuôn đổ hồng phúc xuống Xi-on,
thành lũy Giê-ru-sa-lem, xin Ngài xây dựng lại.*

Bấy giờ Ngài vui nhận tế phẩm luật truyền,

lễ vật toàn thiêu, lễ vật hiến tế.

Bảy giờ thiên hạ giết bò tơ dâng trên bàn thờ Chúa. (Bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ)

Vụ lãng nhãng của Đavít với Bátseva cho thấy khía cạnh phản trắc nơi bản chất Đavít. Quyền lực đã làm hư ông.

Quyết định ủy thác việc chiến trận cho các tướng tá của ông rất có thể chỉ do tính lười biếng của ông. Việc ông tha thân đi lại trên mái nhà sau giấc ngủ trưa giữa thời chiến không nhất quán chút nào với các trách nhiệm của ông. Việc ông nhìn và thèm muốn Bátseva chứng tỏ ông là người yếu đuối và lạm dụng quyền hành một ông vua. Ông thấy nàng và thèm muốn nàng và ra lệnh cho nàng tới hoàng cung. Ta có thể đọc trọn câu truyện này trong 2Sm 11:1-12:25.

Có lẽ Bátseva cũng không tránh khỏi có lỗi. Nàng có hiểu mình bị nhòm ngó lúc đang tắm ở trong vườn không? Hay có lẽ nàng muốn mình được nhòm ngó? Ta không biết. Nếu nàng không bị tội “khoe của trời”, thì việc được mời lên giường đức vua vẫn đặt nàng vào tình thế khó mà vô tội. Phải có hai người mới thành tội ngoại tình, bất kể là vua chúa hay thứ dân, và Bátseva chớ hề tỏ ra chống cự.

Theo luật Thiên Chúa đã ra cho Israel, Đavít phạm tới hai tội, mà một trong hai tội này dẫn đến án tử hình. Ông vừa ngủ với một người đàn bà đang trong trạng thái “dơ dáy” và phạm tội ngoại tình. Vua đáng lý ra phải là người đầu tiên tuân giữ lề luật, nhưng vua lại vi phạm nó. Nếu ông chịu điều binh khiển tướng, thì làm chi có chuyện!

Nhà lãnh đạo không bào chữa

Nếu câu truyện chỉ có thế thì đâu đến nỗi. Nhưng điều xảy ra sau đó mới thực sự là nhóp nhúa và đáng xấu hổ. Bátseva đánh tiếng với Đavít là nàng có thai. Đavít tức khắc cho gọi chồng nàng từ chiến trường trở về, hiển nhiên hy vọng ông ta sẽ làm tình với vợ và nhờ thế sẽ không hoài nghi đứa con của nàng do một người đàn ông khác tạo ra.

Nhưng câu chuyện diễn biến không theo hy vọng của Đavít. Nhà vua nhã nhặn hỏi thăm tướng Urigia về chuyện chiến trường rồi thoái lui để vị tướng này về thăm vợ. Bất ngờ thay, tướng Urigia, viện cớ thời chiến, thưa với nhà vua ông không thể về nhà vui hưởng hạnh phúc vợ chồng khi đồng ngũ ông đang khốn đốn ngoài chiến trường. Việc từ khước của ông còn nhắc đến 1 chi tiết quan trọng: hòm bia của Chúa đang ở với quân ngũ Israel. Urigia cảm thấy chỗ của ông là ở bên cạnh hòm bia chứ không ở trên giường với vợ. Một cách dịu dàng, Đavít đề nghị ông ở lại Giêrusalem thêm 1 ngày.

Đêm hôm sau, Đavít chuốc rượu Urigia và bảo ông về nhà, hy vọng rượu sẽ làm được điều mà tài ngoại giao của Đavít không làm được. Nhưng Urigia không say đến nỗi quên các xác tín của mình. Ông ngủ lại tại Hoàng Cung, ở khu dành cho tôi tớ.

Và rồi diễn ra một đột biến thật tai hại. Đavít đưa ra một quyết định đem lại những hậu quả hết sức sâu rộng cho cuộc sống gia đình ông và cho mối liên hệ với Giôáp, tướng tổng tư lệnh quân đội của ông. Không thể nói ngoa các hậu quả này sâu xa như thế nào. Ông viết cho tướng Giôáp một lá thư đề nghị phải đặt Urigia vào thế nguy hiểm tối đa ở chiến trường, rõ ràng muốn gợi ý với Giôáp là mình muốn Urigia bị giết. Phần tiếp theo của câu chuyện đã thành lịch sử. Urigia chết. Giôáp, nhờ biết các bí mật của Đavít, lên như điều. Bátseva được mời vào cung để Đavít vuốt ve.

Ấy thế nhưng, Đavít đâu được phép duy trì sự tự mãn đầy tội ác của mình. Trong một cuộc chạm trán nảy lửa với Tiên Tri Nathan, các tội lỗi của ông bị tố cáo. Chính lúc này, các phẩm chất tốt đẹp của Đavít đã được tỏ lộ.

Nhiều người khác sẽ cãi lại “ai bảo ông thế?”, “Ai khác biết chuyện này?” Hoặc “tôi làm đó. Nhưng ông nên biết, ông nhận được một bức tranh hoàn toàn bị bóp méo rồi! Tôi không hiểu sao mù ấy lại tô vẽ thêm đến thế?” Đủ thứ, miễn làm sao bào chữa được tội lỗi mình.

Nơi Đavít, không hề có những “bào chữa” như thế. Trước lời tố cáo

của Nathan, Đavít chỉ có lời thú nhận sau đây: Tôi đã phạm tội chống lại Chúa” (2Sm 12:13). Không một bào chữa nào đã được ghi chép. Đavít không hề cố gắng giảm khinh tội lỗi mình. Và ta có Thánh Vịnh bất hủ 51 (theo thứ tự cũ, trong Bản Phổ Thông, là 50).

Đức Gioan Phaolô II nhận định rằng “thánh vịnh này là một trong những lời cầu nguyện nổi tiếng nhất của Sách Thánh Vịnh, thánh vịnh thống hối mạnh mẽ nhất và được sử dụng nhiều nhất, bài ca về tội lỗi và tha thứ, một suy niệm sâu sắc về tội lệ và ơn thánh. Phụng Vụ Các Giờ Kinh giúp ta đọc thánh vịnh này trong Giờ Kinh Sáng mỗi thứ Sáu hàng tuần. Trong nhiều thế kỷ, lời kinh này đã được cất lên trời từ trái tim của nhiều tín hữu Do Thái và Kitô Giáo như tiếng thở than thống hối và hy vọng ngỏ cùng Thiên Chúa hay thương xót”.

Khởi nguyên, nó là lời cầu nguyện thống hối và hy vọng của người ngoại tình, sát nhân là Đavít, nhưng sau ông, hàng tỷ tỷ người tội lỗi khác, bất kể là tội lỗi nào, đã làm giàu cho thánh vịnh này bằng những lời van vỉ xin cho “một trái tim mới” và Thần Khí Thiên Chúa được đặt vào cõi lòng tan nát của họ.

Cùng với tỷ tỷ hồi nhân trên, nhiều chú giải về Thánh Vịnh này đã được viết ra. Trong đó, có trước tác của Thánh Tôma Tiến Sĩ, một trong những “siêu sao” của nền trời trí thức Kitô Giáo. Chúng tôi lấy lại nguyên văn chú giải của ngài dựa vào Bản Phổ Thông. Như trên đã nói, Bản này kể Thánh Vịnh là Thánh Vịnh 50, mà vì các bản dịch Thánh Kinh hiện nay không dựa vào Bản Phổ Thông, nhất là Bản Phổ Thông Cũ là bản Thánh Tôma dựa vào, nên chúng tôi cho đăng nguyên văn Latinh của Thánh Vịnh trong Bản Phổ Thông Cũ.

Miserere mei, Deus, secundum magnam misericordiam tuam; et secundum multitudinem miserationum tuarum dele iniquitatem meam. Amplius lava me ab iniquitate mea, et a peccato meo munda me

Lạy Chúa, xin thương xót con theo lòng thương xót lớn lao của Chúa; và theo lượng hải hà của lòng thương xót dịu dàng của Chúa, xin hãy tẩy sạch tội lỗi con. Xin rửa con hơn nữa khỏi mọi tội lỗi này, và tẩy rửa con khỏi mọi tội nọ.

b. Quoniam iniquitatem meam ego cognosco et peccatum meum contra me est semper. Tibi soli peccavi, et malum coram te feci, ut iustificeris in sermonibus tuis, et vincas cum iudicaris

c. Ecce enim in iniquitatibus conceptus sum, et in peccatis concepit me mater mea. Ecce enim veritatem dilexisti

d. Incerta, et occulta sapientiae tuae manifestasti mihi. Asperges me hyssopo, et mundabor: lavabis me, et super nivem dealabor

e. Auditui meo dabis gaudium et laetitiam: et exultabunt ossa humiliata

f. Averte faciem tuam a peccatis meis, et omnes iniquitates meas dele. Cor mundum crea in me, Deus, et spiritum rectum innova in visceribus meis. Ne proicias me a facie tua, et spiritum sanctum tuum ne auferas a me. Redde mihi laetitiam salutaris tui, et spiritu principali confirma me

Vì con biết tội lỗi con, và tội lỗi con luôn ám ảnh con. Con đã phạm tội chống lại một mình Chúa, và con đã làm điều dữ trước mặt Chúa: để Chúa được biện minh trong các lời phán xử, và thắng thế khi bị phán xử.

Vì, này con vốn được tượng thai trong tội lỗi; và chính trong tội, mẹ con đã mang thai con. Nhưng, Chúa yêu thích sự thật.

Chúa đã tỏ lộ cho con những điều không chắc chắn và dấu kín của khôn ngoan. Xin dùng cành hương thảo rảy nước trên con, con sẽ được thanh sạch; xin rửa con, con sẽ trắng hơn tuyết.

Xin cho con được nghe tiếng reo mừng hoan hỷ: để xương cốt bị nghiền nát được nhảy múa tung bừng.

Xin ngoảnh mặt đừng nhìn tội lỗi con và tẩy sạch mọi lỗi lầm của con. Lạy Chúa, xin tạo trong con một trái tim trong sạch: đổi mới trong lòng con một tinh thần chính trực. Xin đừng xua đuổi con khỏi thánh nhan Chúa; và đừng lấy thần khí thánh thiện của Chúa khỏi nơi con. Xin hãy phục hồi nơi con niềm vui ơn Chúa cứu độ, và củng cố con bằng một thần khí

g. Docebo iniquos vias tuas: et
impium ad te convertentur. Libera me
de sanguinibus, Deus, Deus salutis
meae; et exultabit lingua mea
iustitiam tuam. Domine, labia mea
aperies, et os meum annuntiabit
laudem tuam

h. Quoniam si voluisses
sacrificium, dedissem utique:
holocaustis non delectaberis.
Sacrificium Deo spiritus
contribulatus: cor contritum, et
humiliatum, Deus non despicias

i. Benigne fac Domine in bona
voluntate tua Sion et aedificentur
muri Hierusalem, tunc acceptabis
sacrificium iustitiae oblationes et
holocausta tunc inponent super
altare tuum vitulos

hoàn hảo.

Con sẽ dạy người bất chính
đường lối của Chúa: và kẻ dữ sẽ
trở lại với Chúa. Lạy Thiên
Chúa, Thiên Chúa ơn cứu độ
của con, xin giải thoát con khỏi
máu: và lưỡi con sẽ ca ngợi đức
công lý của Chúa. Lạy Chúa,
Chúa hãy mở môi con và miệng
con sẽ ca ngợi Chúa.

Vì nếu Chúa muốn lễ hy sinh,
con nhất định sẽ dâng lên:
nhưng Chúa đâu có ưa thích lễ
vật toàn thiêu. Lễ hy sinh Chúa
muốn là tinh thần buồn sầu: Lạy
Chúa, Chúa không khinh chê
một trái tim tan nát và phải
khiêm hạ.

Lạy Chúa, trong thánh ý tốt lành
của Chúa, xin đối xử nhân từ
với Xi-on, và để thành lũy
Giêrusalem được xây dựng. Rồi
xin Chúa chấp nhận hy lễ công
lý, lễ vật hiến tế, lễ vật toàn
thiêu: Bây giờ họ sẽ giết bò tơ
dâng trên bàn thờ Chúa.

Chú giải của Thánh Tôma Aquinô

Trong các Thánh Vịnh trước đây, Thánh Vịnh Gia đề cập tới các điều
thuộc về tình trạng của Vương Quốc, được Ông mô tả các nét vinh
quang và mời mọi người tham dự: còn, bây giờ, vì vinh quang của
Vương Quốc này gặp trở ngại lớn vì tội lỗi, nên Ông đề cập tới việc

xóa tội: bởi thế hai điều cần được xem xét.

Thứ nhất, về việc đánh số các Thánh Vịnh, Thánh Vịnh này là thánh vịnh thứ 50 và đây là số của năm hồng ân như đã được mô tả trong Sách Lêvi 27 trong đó có việc tha mọi nợ nần, bởi thế, con số này phù hợp với Thánh Vịnh này trong đó, Ông bàn tới việc tha trọn mọi tội lỗi.

Tương tự như thế, về các Thánh Vịnh Thống Hối, thánh vịnh này là thánh vịnh thứ tư, và việc này rất thích đáng. Vì thánh vịnh thứ nhất nói đến việc hối tội trong lòng, khi Ông thưa (Thánh Vịnh 6) *Đêm nào con cũng khóc ướt cả giường*. Thánh vịnh thứ hai nói đến việc xưng thú ngoài miệng (Thánh Vịnh 31) *Con nói con sẽ xưng với Chúa mọi tội lỗi của chính con*. Thánh vịnh thứ ba nói đến đền tội, nên Ông nói (Thánh Vịnh 37) *Con buồn sầu và buộc phải khiêm hạ quá đỗi*. Tuy nhiên, thánh vịnh thứ 4 này nói đến mục đích của ăn năn thống hối, trong đó, Ông trình bày lòng ăn năn thống hối sẽ phục hồi con người ra sao vào sự hoàn thiện; và do đó, trong số mọi Thánh Vịnh, thánh vịnh này thường được đọc đi đọc lại trong Giáo Hội vì một mình nó cầu mong lòng thương xót và do đó nhận được hồng ân; và thánh vịnh này dễ hiểu và thích hợp với mọi người.

Trong sáu Thánh Vịnh Thống Hối, có một số điều nặng nề như (Thánh Vịnh 6) *Đêm nào con cũng khóc ướt cả giường*. Và (Thánh Vịnh 101) *con ăn tro như ăn bánh và pha nước mắt vào đồ uống*, là những điều không thể ai ai cũng làm được.

Tựa đề của Thánh Vịnh là: *Thánh Vịnh của Đavít khi tiên tri Nathan đến với ông sau khi Ông đã phạm tội với Bethsêva*. Câu chuyện này kể rõ ở các chương 11 và 12 Cuốn 2 Sách Các Vua. Khi Đavít đang thịnh trị, Ông thấy một người đàn bà đang tắm và rất thèm muốn nàng và ông đã gây ra cái chết cho người chồng của nàng. Và điều này không làm Thiên Chúa hài lòng và tiên tri Nathan được sai đến với Ông và đem ông trở lại việc góm ghét tội lỗi, với hình ảnh con chiên bị mất. Và Đavít lớn tiếng nói “Tôi đã phạm tội chống lại Chúa”. Và tội Ông được tha. Và đó là chủ đề của Thánh Vịnh, tức, ơn tha tội.

Nhưng trong tựa đề của Thánh Vịnh này, cần phải hiểu rằng Đavít nói tới nhiều điều khác trong các Thánh Vịnh, như khi Ông nói (Thánh Vịnh 21) *Lạy Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa của tôi*, báo trước cuộc khổ nạn của Chúa Kitô; thành thử Ông nói những điều khác nhau trong các thánh vịnh khác nhau. Nhưng ông viết Thánh Vịnh này vì chính Ông: trong đó, Ông biểu lộ lỗi lầm của mình, lỗi lầm Ông trình bày rõ ràng với thế giới và cả sự tha thứ nữa và chúng đã làm trọn điều Chúa nói trong Cuốn 2 Sách Các Vua chương 12: “Vì người làm điều đó trong nơi bí mật, nhưng ta sẽ làm điều này thành tỏ tường”.

Lý do của việc làm tỏ tường trên là lòng Chúa thương xót. Vì việc làm tỏ tường này có ích cho người chính trực để họ đừng tự cho mình chính trực, vì nếu Đavít, sau bao chiến công, sau bao hồng ân Chúa Thánh Thần, sau sự thân mật lớn lao với Thiên Chúa như thế và cả ơn nói tiên tri nữa mà còn phạm tội, thì chúng ta phải tỉnh thức ra sao, vì chúng ta vốn mỏng dòn, tội lỗi. Thư Côrintô 1, chương 10 *ai nghĩ mình đứng vững, hãy ý tứ để đừng sa ngã*. Nhưng những người tội lỗi cũng đừng ngã lòng, Sách Châm Ngôn 24:10 dạy *nếu người mất hy vọng, lo âu vào ngày khốn khó, sức mạnh người sẽ giảm thiểu*. Đavít, sau tội sát nhân và ngoại tình, vẫn đã phục hồi được ơn nói tiên tri.

Tuy nhiên, cần lưu ý đến cách nói trong tựa đề, *Khi Nathan đến* phải lưu ý là ám chỉ sự tha thứ, một điều Ông sẽ đề cập tới trong Thánh Vịnh vì nhờ sự tha thứ này, Chúa đã nghe Ông và xóa tội cho Ông; nhưng khi Ông viết *Sau khi Ông đã phạm tội với Betsavê* thì tội đã được nêu danh. Bởi thế, hai điều đã được biểu lộ. Điều thứ nhất ông gọi là tội khi Ông thưa *Và Ông đã phạm tội*. Thánh Vịnh 11 “Lời Chúa là lời tinh ròng”.

Cũng nên lưu ý: dù Ông phạm hai tội, tức ngoại tình và sát nhân, nhưng Thánh Kinh chỉ nhắc đến tội ngoại tình, và việc này có hai lý do. Trước nhất, trong việc xem xét và công bố tội lỗi của người khác, ta đừng vội vàng, mà phải hết sức thận trọng. Sách Châm Ngôn 24: “chớ rình rập nhà người công chính, cũng đừng phá phách nơi họ ở”. Và điều này cũng được nói trong Mátthêu 25 khi Chúa cảnh thận kể ra các công phúc của người lành, rồi mới qua các ác đức của người xấu. Cũng thế, cần phải lưu ý rằng khi một ai đó phạm hai tội và phạm tội

này vì tội kia, thì tội kia ấy được coi là chủ yếu, thí dụ người ăn cắp để gian dân thì bị gọi là người gian dân.

Thánh Vịnh này được chia thành 2 phần; phần đầu xin lòng thương xót; phần hai, hứa sẽ sửa sai, khi ông nói: *Con sẽ dạy người bất chính*. Trong phần đầu, hỏi nhân làm hai việc: trước nhất, xin được giảm khinh tội lỗi; sau đó, xin được phục hồi sự thánh thiện và ơn thánh, khi Ông nói *Vì tội lỗi con*.

Do đó, trước hết, Ông xin lòng thương xót của Thiên Chúa khi Ông thưa: *Lạy Chúa, Xin thương xót con*. Bởi thế, phải biết rằng, như đã viết trong Châm Ngôn 14: “tội lỗi làm các dân nước ra đáng thương”, cũng thế, người hạnh phúc thật không phải là người sống trong nhung lụa, giàu có, no đủ khoái lạc và vinh dự, mà là người vui trong Thiên Chúa. Cũng thế, người đáng thương không phải là người nghèo đói, khốn cùng, yếu đuối và yếu ớt, mà là kẻ có tội. Thành thử người có tội nói: *Lạy Chúa, xin thương xót con*, vì Chúa là Đấng “xót thương mọi loài và không hề ghét bất cứ loài nào Chúa đã dựng nên” (Khôn Ngoan 11:24) và theo Thánh Tông Đồ, Chúa thương xót bất cứ ai Chúa muốn. Thư Rôma 9:15 “Ta muốn thương xót ai thì thương xót, muốn cảm thương ai thì cảm thương”. Thành thử, nếu có lòng thương xót hiện hữu trong thánh ý Ngài, lạy Chúa, xin Chúa thương xót con, một kẻ tội lỗi!

Ông không bào chữa, không tìm cách tranh luận, chỉ đơn giản xin thương xót. Ông không suy diễn nguyên cớ để được thương xót như các việc phụng sự ông đã dành cho Thiên Chúa hay những hiểm nguy ông đã chịu vì Người, ông chỉ van xin lòng Chúa thương xót, nên ông thưa: *theo lòng thương xót lớn lao của Chúa!* Sách Đanien 9:18: “Chúng con không dựa vào những hành động chính trực của chúng con, nhưng dựa vào lượng từ bi hải hà của Ngài mà dâng lời khẩn nguyện lên trước Tôn Nhan”.

Và nên lưu ý, bất cứ ai cũng có thể trông cậy vào lòng Chúa thương xót vì hai lý do. Một là nhờ suy xét, hai là dựa vào vô lượng các hiệu quả của Người.

Cho nên, trước nhất, Ông biểu lộ niềm hy vọng vào lòng Chúa thương xót do suy xét về bản tính Thiên Chúa. Một đặc điểm của bản tính này chính là lòng tốt. Dionysius nói rằng Thiên Chúa là chính bản thể của lòng tốt. Boethius cũng nói thế khi nói về Thiên Chúa Ba Ngôi. Vì lòng thương xót của Thiên Chúa không là gì khác hơn là lòng tốt muốn xua đuổi tình trạng đáng thương, nên khi tôi suy nghĩ thấy đặc tính của lòng tốt là xua đuổi tình trạng đáng thương... tôi đã tin tưởng chạy đến với lòng thương xót.

Và gọi nó “lớn lao” là vì không ai hiểu thấu nó, nó tràn đầy mọi sự. Thánh Vịnh 32: *Trái Đất đầy lòng thương xót của Chúa.*

Và nó có chỗ trong mọi sự. Vì người công chính duy trì được sự công chính của mình là nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa. Thánh Augustinô: “Lạy Chúa, con qui cho ơn thánh Chúa mọi xấu xa con chưa xúc phạm”.

Cũng thế, kẻ tội lỗi quay trở lại với sự công chính là nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa. Thư 1 gửi Timôtê 1 “tôi được Chúa thương xót”.

Những người đang sống trong tội lỗi cũng cảm nghiệm được lòng thương xót của Thiên Chúa. Ai Ca 3 “Nhờ lòng thương xót rất nhiều của Chúa mà chúng ta chưa bị tuyệt” (1).

Và lòng thương xót này được coi là siêu phàm lớn lao, vì lượng thương xót dồi dào của Người có trong mọi công trình của Người.

Vì trong Thiên Chúa, lòng thương xót không chỉ sự đam mê của tri thức, mà chỉ lòng tốt muốn xua đuổi tình trạng đáng thương. Và nó bền lâu. Isaia 34: “bằng lòng nhân hậu vĩnh viễn, Ta đã thương xót con”.

Lòng thương xót ấy có năng lực lớn lao vì nó làm cho Thiên Chúa thành người phạm, nó đem Thiên Chúa từ trời cao xuống dưới thế và làm cho Đấng Bất Tử phải chết. Thư Êphêso 2 “Thiên Chúa giàu lòng thương xót”.

Lòng thương xót cũng lớn lao trong hiệu quả, vì qua lòng thương xót, con người được nâng lên khỏi mọi bất hạnh. Thánh Vịnh 85: *Lòng thương xót của Ngài lớn lao đối với con và Ngài tha thứ mọi ngõ ngách của tội lỗi con* (Tv 31). Và bởi đó, con tin tưởng cầu xin: *Lạy Chúa, xin thương xót con.*

Một lý do nữa là ngay từ khởi nguyên thế giới, con đã thấy trong mọi sự có hiệu lực của lòng Ngài thương xót; và bởi thế, Ông thưa: *và theo lượng hải hà của lòng thương xót dịu dàng của Chúa, xin hãy tẩy sạch tội lỗi con*; như thể ông muốn nói: Xin thương xót con cho phù hợp, theo nhiều cách khác nhau Chúa từng thương xót mọi người. Bởi thế, có lời chép trong Isaia 63 rằng “Tôi sẽ nhớ lòng thương xót dịu dàng của Chúa”. Còn Tv 24 thì nói: “hãy nhớ lòng cảm thương của Ngài vốn có từ khởi nguyên thế giới”.

Xin hãy tẩy sạch tội lỗi con. Ở đây, ông trình bày hiệu quả của việc thương xót. Tiên tri Nathan nói (IIV 12) rằng “Chúa đã cất tội của vua: vua sẽ không chết”. Và như thế, ông thoát khỏi hình phạt; nhưng ông muốn tội ông được hoàn toàn xóa sạch. Tuy nhiên, hiệu quả kép của tội còn đó: nghĩa là có án phạt và có vết nhơ trong linh hồn.

Hơn nữa. Ở đây, ông xin cho sự bản thủ của tội được xóa đi. Người có lương tâm tốt sợ sự bản thủ của tội hơn sợ tính nghiêm khắc của hình phạt, nên ông xin: *Xin rửa con hơn nữa*, như thể ông muốn nói: không những con xin Ngài xóa hình phạt mà còn xóa luôn cả vết nhơ.

Hay, *hãy rửa hơn nữa* như tôi hiểu Thư Rôma 8:26 “Vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải”. Thư Êphêsô 3, “Đáng có thể làm mọi điều một cách hậu hĩnh hơn chúng ta xin hay hiểu”.

Con cũng xin Chúa tẩy rửa con khỏi tội lỗi vì không ai được rửa sạch nếu không bởi Chúa. Sách Gióp 14: “Ai có thể rửa sạch kẻ được tượng thai từ hạt giống ô ứ?” Sách Giảng Viên 34: “Ai sẽ được rửa sạch bởi người ô ứ?” Và Ông nói đến hai điều, tức, bất đạo lý (iniquitas) và tội lỗi (peccatum). Bất đạo lý đi ngược lại công lý, nhưng tội lỗi phạm đến sự trong sạch và ở đây là việc ngoại tình. Và do đó, sẽ là bất đạo lý khi làm hại người khác bằng việc sát hại;

nhưng là tội bằng việc ngoại tình trong đó, ông tự làm mình ra ô uế.

Kỳ Sau: Nhìn nhận tội lỗi

Một số lời cầu nguyện trong Thánh Kinh: Lời Kinh Sám Hối Của Đavít: Chú Giải Của Thánh Tôma Tiên Sĩ: Thú Nhận Tội Lỗi

Vũ Văn An, 24/04/2018

Kinh Sám Hối Của Đavít, Chú Giải Của Thánh Tôma Tiên Sĩ: Nhìn Nhận Tội Lỗi

Vì. Ở đây, Vua Đavít thú nhận tội lệ của mình: và trước hết, ông thú nhận tội lỗi của ông, sau đó, ông cho thấy sự thú tội này đã được Thiên Chúa chấp nhận. Bởi thế, trước hết, ông thú nhận tội lỗi, thứ hai, ông bàn rộng cùng một tội này khi nói : *Con đã phạm tội chống lại một mình Chúa*; thứ ba, ông cho thấy nguồn gốc tội ấy, khi nói, *Vì, này*.

Bởi thế, ông nhìn nhận tội lỗi mình bằng cách thưa: *Vì (con biết) tội lỗi (con)*. Có một số người không nhìn nhận tội lỗi mình vì ba lý do. Vì do tính trầm trọng của tội, lý do (tính tội) sẽ nặng hơn. Châm Ngôn 18 cho hay: “Khi vào sâu trong tội, kẻ dữ sợ xấu hổ”. Thánh Vịnh 39: *Tội lỗi tôi choáng ngợp tôi, nên tôi không còn nhìn thấy*.

Cũng vì họ không nhớ. Sách Giảng Viên 5: “nó đã quên mọi vui thú của nó”.

Cũng còn vì con người thích được tâng bốc. Thánh Vịnh 9: *Kẻ tội lỗi được ca ngợi vì các dục vọng của linh hồn họ*.

Và do đó, vì người khác ca ngợi các tội lỗi của họ, nên họ không nhìn nhận. Nhưng hạnh phúc cho ai nhớ đến tội lỗi mình như Đavít. Sách Châm Ngôn 14: “Trái tim nào biết sự đắng cay của linh hồn mình, người lạ sẽ không dính vào nỗi vui của họ”.

Về điều thứ hai, ông thưa: *Và tội lỗi con luôn ám ảnh con*. Có những

người, dù nhìn nhận tội lỗi mình, nhưng lại không tỏm gớm nó; nhưng tội lỗi ấy của họ luôn chống lại họ, như một điều thù nghịch, gây tổn thương và đáng ghét. Nên ông nói: *luôn luôn*. Có một số người tỏm gớm tội lỗi của mình trong một thời gian. Thư Giacôbê 1: “Vì họ nhìn họ, rồi cứ đường họ mà đi, và hiện quên khuấy cung cách trước đây của họ”. Isaia 38 thì nói: “Con sẽ thuật lại cho Ngài mọi năm tháng trong nỗi cay đắng của linh hồn con”. Thánh Vịnh này thì viết: *Con biết tội lỗi con*.

Các chữ khác, *ám ảnh con*, câu này muốn mô tả ông nhìn nhận tội lệ của mình và liên tục suy nghĩ tới nó. Và điều này có được là nhờ tiên tri Nathan qua một ẩn dụ ví von.

Con đã phạm tội chống lại một mình Chúa. Trên đây, Thánh Vịnh Gia trình bày việc nhìn nhận tội lệ của mình: tuy nhiên, ở đây, ông bàn rộng thêm về tội lệ này và khi làm thế, ông đã làm hai điều. Điều thứ nhất, ông bàn rộng về nó; điều thứ hai, ông trình bày điều tiếp theo việc bàn rộng khi ông viết, *để Chúa được biện minh*. Ông bàn rộng về tội lệ mình bằng lòng tôn kính Thiên Chúa trong hai tư cách như đã nói trong Giêrêmia 29: “Ta sẽ là quan tòa và nhân chứng”. Tuy nhiên, hình như người nào không sợ phạm tội chỉ vì sự phán xét của Người sẽ không ưa Thiên Chúa như một quan tòa. Cũng thế, người này không ưa Thiên Chúa như một nhân chứng, là người cũng phạm tội dưới mắt họ; và, bởi thế, ông thưa: *Con đã phạm tội chống lại một mình Chúa*.

Nhưng há ông đã không phạm tội chống lại Urias, người mà ông đã sát hại, hay sao? Thế mà ông lại bảo: một mình Ngài, nghĩa là *một mình Chúa* mà thôi; không chống tôi tớ Người, mà chỉ chống phán xét của Người. Vì khi một chủ nhân phạm tội chống tôi tớ mình, ông không phạm tội chống lại người tôi tớ mà là chống lại Thiên Chúa. Sách Khôn Ngoan 6: “Quyền lực được ban cho người bởi Chúa, và sức lực bởi Đấng Tối Cao, Đấng xem xét các việc làm của người, và dò la suy nghĩ của người”.

Hay, *chống lại một mình Chúa*, nghĩa là, con phạm tội chống lại một mình Chúa: và điều này có thể nói đến Thiên Chúa hay Chúa Kitô.

Phạm tội chống lại Thiên Chúa có ý nói chống lại Đấng Công Chính; và như thế, con đã phạm tội chống lại một mình Chúa, qua việc khinh ghét phán xét của Ngài. Cũng vậy, con ghét Ngài như một nhân chứng, vì con đã làm điều dữ trước mặt Ngài: Con đã làm việc này để Chúa thấy và trước sự hiện diện của Ngài. Châm Ngôn 15 “Hoả ngục và hủy diệt ở trước mặt Chúa: huông chi lòng dạ con cái con người còn như thế xiết bao?”. Giảng Viên 23: “Đôi mắt Chúa sáng hơn mặt trời rất nhiều”.

Vì, rõ ràng Thiên Chúa trừng phạt ông vì tội lỗi của ông. Tuy nhiên, việc trừng phạt này hệ ở 2 điều. Thứ nhất, Người đe dọa; thứ hai, Người đặt để hình phạt; và Người công chính cả ở hai điều. Về điều thứ nhất, ông nói *trong các lời Chúa phán xử*, qua đó, Người đe dọa một hình phạt. Sách Châm Ngôn 8: “lời lẽ Ta công chính”. Còn về điều thứ hai, Ông nói *Chúa thắng thế khi bị phán xử*; nghĩa là khi Chúa bị so sánh với người khác lúc xét xử. Thiên Chúa thường muốn được xét xử với chúng ta để biểu lộ công lý của Người và công lý của chúng ta. Isaia 5: “Hãy xét xử giữa Ta và cây nho của Ta”. Và trong việc này, Chúa được thấy là công chính hơn. Gióp 9: “nếu họ muốn cạnh tranh với Chúa, họ không thể trả lời dù chỉ 1 phần ngàn”.

Và đó là ý định của Thánh Vịnh từng được Thánh Tông Đồ minh xác. Thư Rôma 3: “Thiên Chúa chân thật; còn mọi con người đều dối trá, như có lời chép”.

Nhưng trong Bảng Liệt Kê Các Chữ Khó (Glossa), người ta cho rằng không nên nói câu để *Chúa được biện minh trong các lời Chúa phán xử* và *Chúa thắng thế khi bị phán xử* với câu *Con đã làm điều dữ trước mặt Chúa*; mà nên nối kết với câu *chống lại một mình Chúa*, nghĩa là khi so sánh với Chúa, Đấng duy nhất công chính, mọi lời Người phán đều công chính. Và bởi thế, chữ *để* ở đây có nghĩa nguyên nhân; như thế ông muốn nói: vì Chúa công chính, nên Chúa được biện minh

Hoặc nếu có ý nói về Chúa Kitô, thì *chống lại một mình Chúa*, có nghĩa là *con đã phạm tội* chống lại Chúa Kitô, vì Chúa công chính, và *Chúa vượt trên* mọi người khi Chúa *bị phán xử*, dù bị phán xử bởi

Philatô.

Hoặc nói cách khác: *để Chúa được biện minh* trong việc này, con càng xin Chúa rửa sạch con, Chúa càng được biện minh trong việc đó, nghĩa là, cho các lời hứa với chúng con được trở nên chân thật hoàn toàn, tức lời hứa về việc Chúa Kitô sinh ra, Đấng đã được hứa ban. Thánh Vịnh 131 viết: “Ta sẽ đặt lên ngai người chính hoa quả của lòng người”. Để tội lỗi được tha thứ. Sách Các Vua II, chương 12: “Chúa đã cất đi tội lỗi người”. Và *Chúa thắng thế khi bị phán xử* bởi con người, vì Chúa không bó buộc phải chu toàn những điều đã hứa và Chúa không bó buộc phải tẩy sạch tội lỗi con.

Vì này. Ở đây, ông nói rõ gốc rễ của tội lệ. Gốc rễ của mọi tội lỗi hiện nay là nguyên tội mắc phạm từ cha mẹ vốn bị nhơ nhuốc vì tội đó. Tội nhơ này vốn có từ chính cha của Đavít, và từ chính mẹ của ông. Về cha ông, ông nói: *Con đã được tượng thai trong tội lỗi*, không phải trong tội hiện nay, vì đâu phải do ngoại tình, nhưng do hôn nhân mà, vì ông sinh ra, hay nảy ra, từ cội Jesse, như đã kể ở chương cuối cùng của Sách Rút; nhưng trong nguyên tội: vì chính trong tội này, mọi người đã được sinh ra. Thư Rôma 5: “Bởi một người mà tội lỗi đã bước vào trần gian”.

Nhưng chỉ có một nguyên tội mà tại sao ông lại nói: *Con đã được tượng thai trong tội lỗi* (số nhiều)?

Cần phải nói ngay rằng nguyên tội là một trong yếu tính, nhưng có thể nói nó nhiều trong năng lực: vì nó tạo dịp cho mọi tội khác. Thư Rôma 7: “tội trong xác thịt tôi có nhiều hiệu quả”. Và điều này làm giảm tội lệ, như thể ông muốn nói: không có chi phải ngạc nhiên nếu con phạm tội, vì con đã được tượng thai trong chúng.

Còn về mẹ ông, ông nói: *và mẹ con mang thai con trong tội lỗi*.

Nhưng há cha mẹ Đavít đã không được tẩy sạch nguyên tội nhờ phép cắt bì hay sao?

Cần phải nói rằng phép rửa và phép cắt bì tẩy sạch linh hồn khỏi

nguyên tội, nhưng việc xúi giục phạm tội vẫn còn đó; và phép cắt bì được thực hiện trong thân xác, vì người nam sinh ra những đứa con xác thịt theo tính xác thịt; và do đó, đứa con trai sinh ra cần được cắt bì; cũng như nay, người ta sinh ra từ cha mẹ đã rửa tội được rửa tội vậy.

Có lời khác nói rằng: *Mẹ tôi nâng đỡ tôi*. Và điều này có ý nói đến tội lỗi hiện nay; vì, nơi con cái cũng thấy có những xáo trộn bất thường như Thánh Augustinô nói ở Tựa Thứ 6.

Có lời khác nữa cho hay: *Mẹ tôi sinh ra tôi*. Và dù có một số người được thánh hóa trong bụng mẹ; nhưng tất cả, trừ một mình Chúa Kitô, đều được tượng thai trong nguyên tội; cho nên, ông nói rằng ông không được thánh hóa trong bụng mẹ, mà là sinh ra trong nguyên tội.

Nhưng Chúa yêu thích sự thật. Ai muốn đền bù phải yêu mến những điều Thiên Chúa yêu mến; nhưng Thiên Chúa yêu mến chân lý đức tin. Gioan 18 “ai thuộc về chân lý thì nghe tiếng tôi”. Cả công lý nữa. Thánh vịnh 88: “lòng thương xót và sự thật luôn hiện diện trước nhan Chúa”. Và điều này cần có nơi người ăn năn, khiến họ sẽ chuốc lấy hình phạt cho mình khi vi phạm.

Việc xưng thú cũng cần thiết khiến họ phải xưng thú các tội của họ.

Những điều không chắc chắn. Ở đây ông xin được đền bù hoàn toàn: và thứ nhất, ông tỏ lòng hy vọng của mình: thứ hai, ông đưa ra lời cầu xin. Và thứ nhất, ông nhắc đến ơn ích nhận được nhờ đó ông được vực dậy để hy vọng; thứ hai, ông trình bày sự tín thác của ông khi ông xin: *Xin rẫy nước trên con*.

Ông nhớ đến ơn ích của quyền lực, khi ông thưa, *những điều không chắc chắn và dấu kín*: vì con, là Vua, nên chắc chắn có ơn ích nói tiên tri. Sách Các Vua II, chương 23: “thần trí Chúa đã nói cùng tôi, và lời Người ở môi miệng tôi”. Sau đó, ông trình bày 3 điều: đó là, tư liệu nói tiên tri, phương pháp, và nguyên nhân. Ông cho thấy tư liệu nói tiên tri khi nói, *những điều không chắc chắn và dấu kín*, những điều chỉ nhờ có khôn ngoan của Chúa mới thấu hiểu được. Nơi chúng

ta, một điều gì đó không được biết tới vì 2 cách, tuy nhiên Thiên Chúa biết rất rõ. Một điều gì đó không được chúng ta biết tới hoặc do thiếu sót, hoặc do quá đáng.

Do thiếu sót, một điều gì đó không được ta biết đến diễn ra trong tương lai: vì nó chưa có chân lý nhất định.

Do quá đáng là bản thể Thiên Chúa và bản thể này vượt quá khả năng của chúng ta. Tuy nhiên, cả hai việc đều đã được mặc khải cho Đavít qua thần trí tiên tri. Amốt 3: “Thiên Chúa là Đức Chúa không làm gì mà lại không mặc khải các bí nhiệm của Người cho các tôi tớ tiên tri của Người”.

Bởi thế, *Chúa đã tỏ lộ cho con những điều không chắc chắn và dấu kín*, nghĩa là, những điều mà do chính bản tính của chúng, chúng vốn đa dạng; và chúng đã được mặc khải cho Đavít, như đã thấy rõ trong Thánh Vịnh. Những điều dấu kín là những điều vượt quá con mắt trí khôn tự nhiên. Sách Gióp 28: “sự khôn ngoan được rút ra từ những điều dấu kín”. Sách Giảng Viên 24: “Ta ở những nơi cao nhất, và ngai Ta ở trong cột mây”.

Và những điều trên được dấu kín trong đức khôn ngoan của Thiên Chúa; như thế ông muốn nói: chúng được dấu kín khỏi chúng con, nhưng nhờ đức khôn ngoan của Chúa, chúng được thấu hiểu; và trong những điều dấu kín này, ông kể ra mầu nhiệm nhập thể, là mầu nhiệm, *Chúa đã tỏ lộ cho con*.

Lòng thương xót của Thiên Chúa cũng được kể ra trong số những điều này vì nó lấy đi tội lỗi. Nhưng tốt hơn khi để nó được lãnh nhận một cách phổ quát. Cung cách mặc khải được trình bày khi ông thưa: *Chúa đã tỏ lộ cho con*.

Nói tiên tri có 3 cách. Một cách, trong đó, chân lý siêu nhiên và có thể hiểu được đã được mặc khải, dưới những sự vật tương tự và có thể tưởng tượng về thể xác, và điều này đã được nói tới trong Isaia 6: “Tôi thấy Chúa ngồi trên ngai tòa cao cả”. Cách thứ hai, trong đó, việc mặc khải chân lý siêu nhiên và có thể hiểu được được thực hiện

mà không cần đám mây tượng trưng vụ hình ảnh chưa được mặc khải, như cuộc mặc khải đã làm với Môsê trong Dân Số 12: “Người thấy Đức Chúa một cách tỏ tường, chứ không qua những điều khó hiểu hay hình tượng”.

Và đó là loại mặc khải cho Đavít. Sách Các Vua II chương 23: “Thiên Chúa của Israel nói với tôi”. Và ở bên dưới: “Như ánh sáng ban mai khi mặt trời mọc chiếu sáng vào buổi sáng không hề có bóng mây”.

Xin dùng cành hương thảo rẩy nước trên con. Trên đây, Thánh Vịnh Gia tưởng nhớ ơn phúc tuyệt vời của Thiên Chúa đối với ông liên quan tới ơn nói tiên tri, nhờ thế ông tiến tới chỗ hy vọng; tuy nhiên, ở đây, ông cho thấy điều ông hy vọng có được từ Thiên Chúa. Và ở đây, có hai điều: thứ nhất, ông hy vọng các sự dữ được lấy đi, các sự dữ ông phải gánh chịu vì tội lỗi; thứ hai, ông hy vọng được lấy lại những điều tốt lành ông đã đánh mất, khi ông thưa, *xin cho con được nghe*.

Vì cần biết rằng con người, vì tội lỗi, thứ nhất phải gánh chịu sự ô ứ. Giêrêmia 1: “Người như nhuốc trong tội lỗi của người”. Thứ hai, họ phải gánh chịu sự thất sủng. Do đó, Sách Ai Ca 4: “Mặt mũi chúng trở thành đen hơn than”. Và ông hy vọng rằng cả hai điều này được lấy đi khỏi ông: tức sự ô ứ và thất sủng thiêng liêng.

Sự ô ứ phát sinh từ điều này dục vọng con người vốn gắn liền với những điều tạm bợ, những điều nó trở nên tương tự: do đó, nếu nó được trộn với những điều xấu xa hơn, như vàng với chì, nó sẽ trở nên xấu xa hơn. Hôsê 9: “Chúng trở nên kinh tởm như những thần chúng yêu thích”.

Nhưng thất sủng phát sinh từ điều này: nó gắn liền với những sự thế gian mà vì chúng ánh sáng lý trí bị lu mờ, vì bị so sánh như thú dữ. Thánh Vịnh 48: *và con người khi được vênh vang thì không hiểu biết; họ bị so sánh với những con thú vô tâm, và trở nên giống như chúng*.

Và do đó, linh hồn trở nên đen đui hay tối tăm: và do đó, như ông nói trước nhất: *Xin dùng cành hương thảo rẩy nước trên con*: trong đó, ông nhắc đến nghi thức trong Cựu Ước. Dân Số 19 nói rằng vào ngày

thứ ba, người ô uế sẽ được rảy nước thanh tẩy, rồi ngày thứ bảy, họ sẽ được rửa bằng nước và áo quần họ cũng được giặt sạch; nước này được rảy từ cây hương thảo.

Và do đó, ông nói: Xin dùng cành hương thảo rảy nước trên con. Và nước này được làm từ tro của bò tơ khỏe mạnh, vốn là hình ảnh của Chúa Kitô. Bởi đó, qua việc rảy nước này, ông muốn biểu tượng việc rảy bằng máu Chúa Kitô. Thư Phêrô 1 nói: “Được rảy bằng máu Chúa Kitô”. Thư Do Thái 12: 23-24 “anh em đã tới núi Xi-on” Và ở dưới một chút: “được máu của Người rảy xuống, máu đó kêu thấu trời còn mạnh thế hơn cả máu A-ben”.

Việc này được thực hiện bằng cành hương thảo. Hương thảo là loại cây bám vào mặt đất và chữa chứng sưng tấy, như đã giải thích trong Bảng Liệt Kê Các Chữ Khó: và nó tương ứng với một đức tin đầy lòng khiêm nhường: vì qua đức tin, sự hiểu biết tùy thuộc vào Thiên Chúa. Thư II Côrintô chương 10 câu 5: “bắt mọi tư tưởng phải đầu hàng để đi tới chỗ vâng phục Đức Kitô”.

Nó cũng bắt nguồn từ đá, nghĩa là, từ Chúa Kitô. Mátthêu 16: “Trên tảng đá này, Ta sẽ xây Giáo Hội Ta”. Tảng đá này chính là Chúa Kitô; Thư 2 Côrintô, chương 10: “Nó cũng xua đuổi tính kiêu căng của tinh thần con người, là thứ hiện có nơi những người không vâng nghe đức tin vào Chúa Kitô”. Thư Timôtê 1 chương 6: “nếu ai đó dạy khác đi, chứ không tuân theo lời lẽ đúng đắn của Chúa Giêsu Kitô... thì họ không thuộc về Người” (Thư Rôma 8). Bởi thế, ông nói: Lạy Chúa, con có lòng cậy vãng vàng Chúa sẽ rảy con bằng nước thanh tẩy. Êdêkien 36: “Ta sẽ đổ trên các ngươi làn nước trong sạch, và các ngươi sẽ được tẩy sạch khỏi mọi vết nhơ của các ngươi”.

Xin rửa con. Vì sau đức tin, phép rửa là điều cần thiết. Dacarìa 13: "Sẽ có giếng nước không hạn chế cho nhà Giacóp để rửa sạch kẻ tội lỗi, và phụ nữ có kinh". Isaia 1: “Hãy tắm rửa, nên sạch sẽ”. Hiệu quả của việc tắm rửa này “Con sẽ trắng hơn tuyết”; vì sự đen đúa đã được lấy đi và nhờ việc này linh hồn con sẽ trắng hơn tuyết. Isaia 1: “nếu tội lỗi ngươi đỏ tươi, chúng sẽ được tẩy trắng như tuyết”.

Nhưng ông nói, *hơn tuyết*, vì sự sáng láng của một linh hồn đã trở nên thánh thiện thì vượt xa mọi vẻ đẹp thể xác, như đã hiển nhiên ở Mátthêu 17, lúc Hiển Dung của Chúa Kitô, “quần áo Người trở nên trắng như tuyết”. Mọi người công chính đều trắng như y phục Chúa Kitô. Isaia 49: “các ngươi sẽ được mặc những thứ này như một đồ trang sức”. Và qua điều này, ông muốn nói đến việc trắng như y phục Chúa Kitô nhờ phép rửa. Trong thư Galát 3, Thánh Tông Đồ viết “những ai chịu phép rửa, đều mặc lấy Chúa Kitô”.

Được nghe. Ở đây, ông trình bày việc ông hy vọng ra sao về việc tìm lại được những điều tốt lành đã mất: tức các ơn nói tiên tri và niềm vui lương tâm. Ông nói tiên tri được ví như ơn nghe, vì tiên tri không thấy yếu tính của Thiên Chúa, để ông có thể thấy trong đó các điều được mặc khải; nhưng một số dấu chỉ của sự thật mặc khải được tỏ lộ trong linh hồn vị tiên tri; và các dấu chỉ này có được là nhờ cách nói v.v...Sách Các Vua 1 chương 3: “Lạy Chúa, xin Chúa hãy nói, vì tôi tớ Chúa đang lắng nghe”. Isaia 21: “Điều tôi nghe được từ Chúa các đạo binh, Thiên Chúa của Israel, tôi đã công bố cho anh em”. Việc nghe này đã bị gián đoạn khi ông phạm tội, nên ông hy vọng sẽ tìm lại được nó, do đó, ông thưa: *Xin cho con được nghe tiếng reo mừng hoan hỉ.*

Hoặc, *xin cho con được nghe*, nhờ đó, con nghe Nathan nói rằng tội con đã được cất đi, nhờ thế lòng con hình thành niềm vui.

Còn về nỗi vui lương tâm, thì cần biết rằng niềm vui thiêng liêng có 3 cấp. Cấp thứ nhất được biểu lộ trong việc hài lòng xúc cảm; cấp thứ hai trong việc nở lòng (*dilatatione cordis*); cấp thứ ba trong việc tiến bộ những sự việc bên ngoài.

Sự hài lòng được niềm vui xác định, khi ông nói: *Xin cho con được nghe tiếng reo mừng hoan hỉ*; tức là từ việc con được nghe điều Chúa nói, hay Nathan nói. Thư Philípê 4: “Luôn luôn hân hoan trong Chúa; một lần nữa, tôi nói hãy hân hoan”. Chắc chắn, khi xúc cảm đã toả mái trong điều được yêu thích thì linh hồn ông như được mở rộng ra để thấy được sự mở rộng; và việc này xuất hiện trong các sự vật có thể cảm giác được. Thư Côrintô 2 chương 6: “Tâm Hồn chúng ta

được mở rộng”.

Nên ông nói reo mừng hoan hỉ, mà ở đây mang nghĩa mở lớn, như thể về bề ngang. Nhưng khi vượt quá điều này thì niềm vui tràn đầy cả thân thể ta. Sách Châm Ngôn 17: “tâm trí hân hoan làm tuổi già nở rộ; tinh thần sâu khổ làm khô héo xương cốt”.

Và bởi thế, trong viễn kiến vinh quang chôn quê cha sau phục sinh, nhờ niềm hân hoan tâm trí, thân xác cũng được vinh hiển. Isaia 66: “Các người sẽ thấy và lòng các người sẽ hân hoan, và xương cốt các người sẽ nở rộ như thảo dược”. Và do đó, chính ông nói rằng Đấng xương cốt bị nghiền nát được nhẩy múa tung bừng; và điều này cho vinh quang ở đời này.

Vì bởi sự buồn sâu thống hối, lòng con người bị nghiền nát; nên khi con người hân hoan, thì đây là dấu chỉ xương cốt đang buồn sâu và đau đớn được dự phần niềm vui. Sách Châm Ngôn 12: “Nỗi buồn phiền trong lòng sẽ khiến họ xuống thấp”. Isaia 58: “Người sẽ đổ đầy linh hồn người sự sáng láng, và giải thoát xương cốt người”.

Hoặc, xương cốt nhẩy múa tung bừng, nghĩa là sức lực thiêng liêng được gia tăng theo niềm hân hoan thiêng liêng, và vì, nhờ niềm hân hoan này, người công chính trở nên mạnh mẽ.

Xin ngoảnh mặt. Ở đây, ông xin tìm lại được sự trong trắng vô tội: và bởi vì ông thấy trong ông có cả sự dữ của tội lỗi lẫn sự tốt của ơn thánh, nên trước nhất ông xin cho sự dữ, tức tội lỗi, được lấy đi; thứ đến, ông xin cho hiệu quả của tội lỗi được lấy đi, Lạy Thiên Chúa, xin tạo trong con một trái tim trong sạch. Vì tội lỗi đã không được lấy đi cách như thể không hề có tội, nhưng như thể tội đã phạm không bị tính để trừng phạt, như Thánh Vịnh 31 từng viết Phúc cho ai Chúa không tính tội. Và ông nói giống như một quan án trừng phạt: trước nhất ông tính số lượng tội rồi sau đó mới lượng định hình phạt; và do đó, ông xin Người đừng nhìn đến tội ông mà nên quên nó đi; và bởi thế, ông nói xin ngoảnh mặt, đừng nhìn tội lỗi con.

Thứ đến, ông xin cho hình phạt không được thi hành, do đó, ông thưa:

Và tẩy sạch mọi tội lỗi con; như thế ông muốn nói: Con biết con đã làm sự dữ trước nhan Chúa; và bởi thế, con xin Chúa ngoảnh mặt, đừng nhìn tội lỗi con, nghĩa là Chúa đừng nhìn tội lỗi con để trừng phạt. Êdêkien 18: “Ta sẽ không nhớ mọi tội lỗi của nó”.

Chính để con khỏi đáng bị hình phạt đọa đày; nhưng con xin Chúa tẩy sạch nó, vì dù Chúa không thay đổi chính sách, nhưng Chúa có thể thay đổi án phạt: một trái tim trong sạch.

Trên đây, Thánh Vịnh xin cho tội lỗi được lấy đi; tuy nhiên, ở đây, nó xin cho hiệu quả của tội được lấy đi, và hiệu quả này có hai; tức là sự ô uế linh hồn và hỗn loạn trong xúc cảm. Hiệu quả thứ nhất xảy ra khi con người dính bén với sự vật trần gian: do đó, ông xin cho được sự sạch sẽ tâm hồn. Mátthêu 5 “phúc thay người trong sạch trong tâm hồn vì họ sẽ được thấy Thiên Chúa”.

Và bởi thế, ông thưa: Lạy Chúa, xin tạo trong con một trái tim trong sạch và một tinh thần chính trực. Sự trong sạch trong tâm hồn này chỉ có Thiên Chúa một lập lại được. Gióp 14: “Ai có thể làm cho kẻ vốn được tượng thai bằng thứ giống ô uế ra trong sạch? Há không là Chúa, vì chỉ mình Người mới là đó sao?” nghĩa là trong sạch đơn thuần.

Và ông thưa, *Xin tạo*. Một điều gì đó được tạo dựng theo hữu thể bản nhiên khi nó được đem vào hữu thể từ hư vô. Sách Sáng Thế 1: “Từ khởi thủy, Thiên Chúa đã tạo nên trời và đất”.

Tương tự như thế, việc đem vào hữu thể ơn thánh. Thư 1 Côrintô 13: “Dù tôi có ơn nói tiên tri và thông biết mọi mầu nhiệm... tôi vẫn là số không” trong hữu thể ơn thánh. Nhưng khi Thiên Chúa hành động bằng hoạt động ơn thánh nơi người có ơn thánh, người ta nói Người tán dương người này; nhưng khi Người biến một người tội lỗi thành người công chính, người ta nói rất đúng là Người tạo dựng. Êphêsô 2: “Vì chúng ta là tuyệt phẩm tay Người, được tạo dựng trong Chúa Giêsu Kitô như những tuyệt phẩm”. Thư Giacôbê 2: “Để anh chị em trở thành một khởi thủy nào đó của tạo vật Thiên Chúa” nghĩa là tạo vật thiêng liêng.

Điều thứ hai từ tội lỗi phát sinh ra là sự hỗn loạn trong tâm trí; nó xảy ra qua việc quay mặt khỏi cùng đích đích đáng của nó. Do đó, qua việc quay mặt hướng về một sự thiện để thay đổi nào đó, tinh thần trở nên dơ dáy thế nào, thì qua việc, quay mặt khỏi cùng đích nó cũng trở nên hỗn loạn như vậy; và sự chính trực mà nhờ đó con người được điều hướng về Chúa đối nghịch với loại hỗn loạn này. Diễm Ca 1: “Những người chính trực yêu mến chàng”. Và do đó, ông thưa: *Đổi mới trong lòng con một tinh thần chính trực*; nghĩa là xin ban lại cho con vì con đã đánh mất nó qua tội lỗi. Êphêsô 4: “Hãy được đổi mới trong tinh thần tâm trí người”. Và đổi mới không phải ở bên ngoài mà ở trong lòng con tức là, để không những môi miệng con được chính trực khi nói năng, mà trái tim cũng chính trực khi nhận thức.

Xin đừng xua đuổi con khỏi thánh nhan Chúa; và đừng lấy thần khí thánh thiện Chúa khỏi nơi con. Ở đây, ông xin được phục hồi ơn thánh: và trước nhất ông xin chính ơn thánh, thứ đến, ông xin hiệu quả của ơn thánh, khi ông thưa, *Xin hãy phục hồi*. Người được nói có ơn thánh Thiên Chúa là có về hai phương diện. Vì ai được coi là có ơn sủng của Chúa và của người ta, thì xét về điểm tương tự, họ cũng được lòng cả hai, tức cả Chúa lẫn người ta.

Và ơn thánh này được gọi là làm vui lòng. Êphêsô 1: “trong đó Người ban ơn cho ta trong con yêu quý của Người”. Và theo đó, ơn thánh được tuyên bố là lòng nhân hậu của Thiên Chúa, qua đó, Thiên Chúa yêu thương con người đến sự sống đời đời. Nhưng xét về điểm khác nhau, thì ơn sủng của con người không làm họ thành tốt lành, nhưng nhờ sự tốt lành của nó, người ta trở thành người làm vui lòng người khác; nhưng với Thiên Chúa, nó theo cách ngược lại: vì do lòng nhân hậu của Thiên Chúa mà con người trở thành tốt lành. Bởi thế, có hai điều trong ơn thánh Thiên Chúa; tức là, chính lòng nhân hậu và các hiệu quả của nó đối với linh hồn; và ông xin được cả hai khi ông thưa: *Xin đừng xua đuổi con khỏi thánh nhan Chúa*; và *đừng lấy thần khí thánh thiện Chúa khỏi nơi con*.

Và ta có thể hiểu điều này theo nghĩa kép. Người ở trước mặt ai thì nhìn người này và bị người này nhìn. Và đó là người được kể là ở trước mặt Thiên Chúa theo Sách Các Vua III, chương 17: “Tôi ở

trước mặt Chúa, Đấng hằng sống”. Sáng Thế 32: “Thiên Chúa, Đấng mà trước mặt Người, cha ông chúng ta đã bước đi qua lại”. Và làm thế vì họ chính đáng được thấy Thiên Chúa. Thánh Vịnh 26: *Một điều tôi đã xin cùng Chúa, và tôi sẽ xin nữa; là tôi được ở trong nhà Chúa mọi ngày suốt đời tôi.*

Với mỗi tội lỗi, người ta đều có thể mất linh hồn; vì những kẻ tội lỗi bỏ rơi Thiên Chúa đều bị Thiên Chúa bỏ rơi, và làm tan tác niềm tin thác tin tưởng vào Người. Isaia 59: “Tội lỗi và sai phạm của các người đã chia rẽ giữa các người và Thiên Chúa các người (xét về điều trước) và tội lỗi các người đã che khuất mặt Người khỏi các người” xét về điều sau. Bởi thế, họ bị xua đuổi khỏi thánh nhan Thiên Chúa vì tội lỗi; và do đó, ông xin không bị xua đuổi theo cả hai cách.

Cũng nên lưu ý điều này: trong con người, có hai điều; tức tội lệ, vì đó mà họ đáng bị phạt, và bản tính nhờ đó họ đáng được ơn thánh: và bởi thế, ông xin Chúa đừng nhìn đến tội lệ của ông mà nhìn đến bản tính ông; do đó, ông thưa: *Xin đừng xua đuổi con.*



Cũng thế, hồng phúc ơn thánh được ân ban qua đức ái, và hồng phúc này được ân ban qua Chúa Thánh Thần; và bởi thế, ông thưa: *và đừng lấy thần khí thánh thiện của Chúa khỏi nơi con*; vì con là đền thờ của Người tuy sa lạc vì tội lỗi. Sách Khôn Ngoan 1: “Thần Khí Thánh Thiện của kỷ luật sẽ bay khỏi kẻ dối trá”. Do đó, xin đừng lấy đi, nghĩa là, vĩnh viễn (đừng lấy đi).

Xin hãy phục hồi nơi con. Vì ơn thánh làm hai điều nơi con người. Một điều liên quan đến những điều cao hơn, tức là, nó đem lại sự vui mừng hơn hở, vì ai có ơn thánh đều có đức ái; và ai có đức ái thì yêu mến Thiên Chúa, và chiếm hữu được Người, và người có được điều họ yêu mến thì hơn hở hân hoan. Do đó, nơi nào có đức ái, nơi ấy có

niềm vui. Thư Rôma 14: “Nước Thiên Chúa không phải là thịt và rượu; nhưng là niềm vui trong Chúa Thánh Thần”. Thánh Vịnh Gia đánh mất niềm vui này; nên ông xin cho nó được phục hồi nơi ông, khi ông thưa: *Xin phục hồi nơi con niềm vui*, không vui vì những sự vật trần gian, nhưng vì *ơn Chúa cứu độ*, nghĩa là, hành vi cứu độ của Chúa.

Một bản văn khác nói *niềm vui của Chúa Giêsu*, nghĩa là, của Chúa Cứu Thế, qua Người, sự tha tội được thực hiện. Habacúc 3: “Con sẽ hân hoan trong Thiên Chúa, Chúa Giêsu, của con”.

Hiệu quả khác liên quan tới những điều thấp hơn; và hiệu quả này là việc làm vững mạnh trong ơn thánh, được thực hiện nhờ Chúa Thánh Thần: *và củng cố con bằng một thần khí hoàn hảo*.

Nhưng Chúa Thánh Thần làm vững mạnh hai cách. Một cách là chống lại sự dữ. Isaia 8: "Ta dạy dỗ người bằng cánh tay mạnh mẽ", cách kia là trong sự thiện. Còn Isaia 40 thì cho hay: “Những ai trông cậy nơi Chúa sẽ đổi mới được sức mạnh của họ”. Sức mạnh này có được là nhờ Thánh Thần. Vì thân xác không mạnh trừ là nhờ các thần khí; nên con người không mạnh nếu không có Chúa Thánh Thần. Nhưng nó sẽ không biểu lộ được sức mạnh trừ phi là thần khí hoàn hảo, vì sức mạnh thấp hơn không đủ để chứng tỏ có sức chống lại sức mạnh cao hơn. Vì sức mạnh của ma quỷ rất lớn. Gióp 41: “không có quyền lực nào trên mặt đất có thể so sánh với nó”. Cho nên, để chống lại ma quỷ, con người cần được một thần khí hoàn hảo giúp đỡ, tức một thần khí thống trị và trỗi vượt hơn mọi sự vật. Và con người cần thứ thần khí này để chống trả thần khí xác thịt. Dân Số 16: “Ôi Đáng Quyền Năng, Thiên Chúa của thần khí xác thịt phổ quát”.

Cũng để chống trả thần khí thể gian. Thư 1 Côrintô chương 2: “Nay ta lãnh nhận không phải thần khí thể gian này, mà là thần khí của Thiên Chúa”. Cả thần khí ma quỷ nữa. Sách Các Vua 1 chương 18: “thần khí dữ từ Thiên Chúa xuống trên vua Saun”. Cần lưu ý điều này: trong bài này có 3 lần nhắc đến thần khí: thần khí đúng đắn (*spiritus rectus*), thần khí thánh thiện và thần khí hoàn hảo. Và theo Bảng Liệt kê Các Chữ Khó, một số người lãnh nhận điều gọi là thần khí trong

yếu tính, theo đó, tất cả những gì không phải là thân xác đều là thần khí. Do đó, thần khí được gọi là Cha, Con, và Thánh Thần; nhưng tốt hơn phải đích thân lãnh nhận thần khí này. Vì Chúa Thánh Thần tạo nên 3 điều trong con người.

Điều thứ nhất, sự ngay thẳng trong ý hướng. Thánh Vịnh 142: *Thần khí tốt lành của Chúa sẽ dẫn tôi vào đất đúng*. Thần khí này cũng thánh hóa chúng ta. Thư Rôma 1: “Theo thần khí thánh hóa”. Nó cũng làm chúng ta cao quý và biến chúng ta thành những ông hoàng. Thư Galát 4: “Vì anh em là con cái Thiên Chúa, nên Thiên Chúa sai Thần Khí của Con Người xuống lòng anh em”.

Con sẽ dạy. Trên đây, Thánh Vịnh Gia trình bày các lời cầu xin của ông lên Thiên Chúa; tuy nhiên, ở đây, ông hứa một lần nữa sẽ đền bù: và trước hết ông hứa sẽ làm gì vào lúc này cho Thiên Chúa; thứ đến, ông sẽ làm gì trong tương lai, khi thưa: *(một cách) nhân từ*. Về lời hứa thứ nhất, ông làm 2 điều. Trước nhất, ông hứa với Thiên Chúa một số hy lễ thiêng liêng; thứ đến, ông tự miễn chước các của lễ bằng thịt, khi ông thưa, *vì nếu Chúa muốn*. Ông hứa với Thiên Chúa hai hy lễ thiêng liêng; tức là, dạy dỗ, nhờ đó, người lân cận của ông được giảng dạy; thứ hai, ông hứa hy lễ thiêng liêng chúc tụng, qua đó, Thiên Chúa được ca ngợi, ở chỗ, ông nói, *Xin giải thoát con*.

Vì thế, ở đây, ông thưa, *Con sẽ dạy người bắt chính đường lối của Chúa*. Và cần phải lưu ý điều ông nói ở trên trong một Thánh Vịnh khác (49): Với kẻ tội lỗi, Chúa phán: Tại sao ngươi không công bố các công lý của Ta, và đặt danh Ta nơi miệng ngươi? Qua đó, Người cho thấy: để kẻ có tội dạy dỗ là điều không thích đáng.

Và bao lâu ông cảm thấy mình còn là người có tội, ông không dám hứa sẽ quảng bá việc dạy dỗ của mình; nhưng sau khi Chúa đã phục hồi thần khí hoàn hảo cho ông, thì điều thích đáng là ông vừa được huấn giáo vừa huấn giáo người khác. Giêrêmia 3: “Ta sẽ ban cho ngươi một mục tử theo lòng Ta muốn, và vị này sẽ nuôi dưỡng ngươi bằng nhận thức và tín lý”.

Và có lời chép về Chúa Kitô trong Công Vụ 1: “Chúa Giêsu bắt đầu

làm và (sau đó) dạy dỗ”. Nhưng hoa trái của việc dạy dỗ này không phải là việc suy lý sự thật để chiêm niệm nó một cách hạnh phúc, mà cùng đích được dự trù của nó là việc hoán cải nơi những người tội lỗi: và do đó, ông thưa: *Và kẻ dữ sẽ trở lại với Chúa.*

Giêrêmia 15: “Chúng sẽ quay trở lại với Chúa, và Chúa sẽ không quay mặt đi khỏi họ”. Thánh Vịnh 21: "Mọi dân ngoại sẽ trở lại cùng Chúa". Và theo Bảng Liệt Kê Các Chữ Khó, ông gọi những người này là dữ và bất chính, mặc dù Đavít hiểu rất rõ: những người phạm tội chống lại Thiên Chúa bị gọi là những kẻ bất chính; và do đó, ông nói một cách có ý nghĩa rằng *Con sẽ dạy người bất chính*, như thể muốn nói: dù một số người kính tôn Thiên Chúa, nhưng họ lại làm những điều chống lại người lân cận của họ; và với những người như thế, con sẽ dạy họ đường lối của Chúa, nghĩa là, để họ đừng xúc phạm người lân cận của họ nữa. Thư Gioan 1, chương 4: “Và điều răn chúng tôi đã nhận được từ Thiên Chúa là ai yêu Thiên Chúa thì cũng yêu anh em mình”.

Xin giải thoát con khỏi máu. Ở đây, ông hứa hy lễ chúc tụng; và có hai trở ngại đối với hy lễ này. Một là tội lỗi; hai là sai phạm nội tâm. Do đó, trước nhất, ông xin cho trở ngại thứ nhất được cất đi; thứ đến, ông xin cho trở ngại thứ hai được cất đi, khi ông thưa, *Lạy Chúa, Chúa hãy mở môi con.* Do đó, ông xin cho trở ngại được cất đi, và hứa sẽ dâng hy lễ chúc tụng. Trở ngại cho việc chúc tụng Thiên Chúa, như đã chép, là tội lỗi. Sách Giảng Viên 15: “Lời chúc tụng khó mà có trong miệng kẻ tội lỗi”.

Nhưng, Đavít mắc tội trọng; và do đó, ông xin được giải thoát khỏi tội này, nên ông thưa, *Xin giải thoát con khỏi máu.* Theo Bảng Liệt Kê Các Chữ Khó, danh từ máu không được đặt ở số nhiều; tuy nhiên, dịch giả muốn dùng nó để diễn tả tội lỗi (ở số nhiều); và điều này có ý chỉ tư dục xác thịt, tức xác thịt và máu huyết. Mátthêu 16: “Không phải xác thịt và máu huyết đã mặc khải điều đó cho con, mà là Cha Ta ở trên trời”. Như thể ông muốn nói: Xin giải thoát con khỏi các tội lỗi phạm vì xác thịt và máu huyết.

Hay cần phải nói điều này: Đavít đã phạm tội ngoại tình và tội sát

nhân; và ở cả hai tội đều có máu huyết: vì trong tội sát nhân, máu đã đổ ra. Thánh Vịnh 5: *Thiên Chúa tởm gớm kẻ khát máu và gian dối*. Còn tội ngoại tình thì diễn biến từ việc thích máu huyết; và do đó, ông thưa *Khỏi máu*. Hôsê 4: “Máu đã đung đến máu”. Vì thế, *lạy Chúa, xin giải thoát con khỏi máu*, vì chỉ có Chúa mới làm được việc này. Isaia 43: “Ta là Đấng sẽ tẩy sạch các tội lỗi của ngươi vì danh Ta, và Ta sẽ không nhớ chi đến các tội lỗi của ngươi nữa”. Và vì Chúa là *Thiên Chúa ơn cứu độ con*, nghĩa là, Đấng có thể cứu thoát con. *Và lưỡi Con sẽ ca ngợi*, tức là, con sẽ nói tới đức công lý của Chúa một cách hân hoan, bằng niềm vui nội tâm của con. Isaia 30: “Các ngươi sẽ ca hát như trong đêm cử hành đại lễ”. Tương tự như thế ở chương 35: “chúng sẽ tới Sion với lời chúc tụng, và niềm vui miên viễn sẽ ở trên đầu chúng”. Thánh Vịnh 41: “Với tiếng hân hoan và chúc tụng; sự ồn ào náo nhiệt của ngày hội”.

Lạy Chúa, Chúa hãy mở môi con. Nhưng cần phải hiểu điều này: con người có khi bị ngăn cản, không được dạy dỗ, cũng vì trở ngại của việc nói nội tâm; và việc này đôi khi xảy ra vì lỗi của người nghe. Êdêkien 3 “Ta sẽ làm lưỡi ngươi dính chặt vào phía trên miệng ngươi, và ngươi sẽ bị câm”. Và dưới một chút “vì chúng là một nhà làm người ta tức giận”. Và vì tội đích đáng của ông. Thánh vịnh 106: *bọn gian tà chẳng dám hé môi*. Vì chỉ có Thiên Chúa “mới làm cho miệng lưỡi trẻ thơ hùng biện” (*Khôn Ngoan* chương 10). Bởi thế, ông xin: *Lạy Chúa, xin Chúa cất đi các trở ngại*, mà con đã gặp phải vì tội lỗi, từ môi miệng con; và *Chúa hãy mở môi con*. Êphêsô 6: “xin cho ngôn từ được ban cho tôi để tôi mở miệng một cách tin tưởng làm cho màu nhiệm Tin Mừng được biết đến”.

Nhưng cần lưu ý rằng mở miệng được hiểu là sự sâu sắc của việc huấn giáo, ở bất cứ chỗ nào trong Sách Thánh khi thấy kiểu nói này; như ở Sách Gióp chương 3: “Sau đó, Gióp mở miệng ông ra”. Và Mátthêu 5: “Mở miệng Người ra, Chúa Giêsu” nghĩa là, để nói đến sự sâu sắc của Sách Thánh. *Và rồi miệng con sẽ ca ngợi Chúa*; như thế ông muốn nói: điều con có trong lòng, con tuyên xưng ra bằng miệng lưỡi con.

Vì nếu Chúa muốn lễ hy sinh. Ở đây, ông tự biện giải (*excusat se*): và

trước hết, ông chứng tỏ rằng hy lễ đã không được Thiên Chúa chấp nhận; thứ hai, ông chứng tỏ rằng hy lễ nào có thể được Thiên Chúa chấp nhận, khi ông thưa, *Lễ hy sinh Chúa muốn*.

Bởi thế, ông thưa: Con hứa một lần nữa cả huân giáo lẫn ngợi khen: vì hy lễ này sẽ tôn vinh Chúa; nhưng hy lễ bằng thịt không được Chúa khứng nhận. Và do đó, ông thưa: *Nếu Chúa muốn lễ hy sinh* nghĩa là hy lễ bằng thịt; *con nhất định sẽ dâng lên*; nhưng quả tình, *Chúa đâu có ưa thích lễ vật toàn thiêu*.

Nhưng há Chúa không thích các hy lễ bằng thịt hay sao? Nếu Chúa không chấp nhận các hy lễ này, thì tại sao trong Luật Cựu Ước lại truyền phải dâng lên?

Phải nói rằng Người cho chúng được dâng lên không phải vì Người, mà vì chúng là hình tượng của hy lễ đích thực bên trong qua đó, Chúa Kitô tự dâng chính mình Người; và chúng là các dấu hiệu của hy lễ bên trong, khi con người dâng cuộc sống mình cho Thiên Chúa, và một lần nữa, chúng được lập ra vì lợi ích của những người kém văn hóa không biết Thiên Chúa, và do đó, điều thích đáng là họ tôn vinh Người và học hỏi về Người trong các sự việc này, kéo họ dâng hy lễ cho các ngẫu thần mà họ vốn có xu hướng nghiêng về. Nhưng vì Đavít, nhờ Chúa Thánh Thần, biết rằng hy lễ tâm hồn mới được Thiên Chúa chấp nhận, nên ông không dâng hy lễ bằng thịt.

Nhưng trong mọi hy lễ, hy lễ toàn thiêu được Thiên Chúa khứng nhận hơn. Thế nhưng chúng được khứng nhận không phải vì chúng, nên ông thưa: *Chúa đâu có ưa thích lễ vật toàn thiêu*: vì nếu chúng được Chúa khứng nhận một cách đơn thuần, thì con đã dâng chúng lên Chúa rồi. Và dù có ai đề xuất rằng chúng là mùi thơm được Chúa rất ưa thích, thì cần phải nói: đây chỉ là một hy lễ tượng trưng và là dấu hiệu của hy lễ bên trong, một y lễ làm Thiên Chúa vui lòng. Bởi thế, ông nói thêm *Lễ hy sinh Chúa muốn*, nghĩa là được khứng nhận, là *trình thần buồn sầu*. Thánh Augustinô, trong Cuốn X của khảo luận *Về Kinh Thành Thiên Chúa*: “Mọi hy lễ ngài dâng bề ngoài đều là dấu hiệu chỉ hy lễ bên trong, trong đó, ngài dâng linh hồn ngài cho Thiên Chúa”.

Nhưng nên biết rằng linh hồn con người bị dẫn vào tội lỗi trước nhất bởi sự vui vẻ trống rỗng. Sách Giảng Viên 2: “Ta kể tiếng cười là sai lầm: và với sự vui vẻ, ta nói: tại sao người lại bị lừa một cách tự mãn như thế?” nghĩa là, bị dẫn vào tội lỗi. Thứ đến, vì tội lỗi, nó trở nên chai đá đối với những điều thiêng liêng. Sách Giảng Viên 3: “một tâm hồn chai đá, sau cùng, sẽ sở hữu sự dữ”. Thư Rôma 2 viết: “Theo sự chai đá và tâm hồn không ăn năn của các ông”. Thứ ba, vì nó tự lấy mình làm đủ trong các sự vật xác thân, và không lưu ý tới những điều thiêng liêng, nên nó kiêu căng, vì “đây là nguyên ủy mọi tội lỗi” (Sách Giảng Viên 10). Do đó, điều thích đáng là hối nhân, người dâng lòng mình như một hy lễ lên Thiên Chúa, đã làm điều ngược hẳn lại các điều này.

Và trước hết, ngược với niềm vui trống rỗng, điều thích đáng là có được sự buồn sâu thống hối; và do đó, ông thưa: *Lễ hy sinh Chúa muốn là tinh thần buồn sâu*; nghĩa là, nó buồn sâu vì mọi tội lỗi cộng lại chứ không phải chỉ có một. Thư Côrintô 2 chương 7: “nỗi buồn sâu theo ý Thiên Chúa làm cho chúng ta hối cải để được cứu độ”. Còn Barúc 2 thì nói: “những tâm hồn buồn sâu vì sự dữ lớn lao và thân xác lom khom rời rã, lạy Chúa, chính những tâm hồn này mới dâng vinh quang lên Chúa và sự buồn sâu của họ”.



Ngược với điều thứ hai là sự hối tội (contritio): bởi thế, ông thưa, *Một trái tim tan nát* (contrita). Và nên lưu ý sự khác nhau giữa tan vỡ và tan nát: vì tan vỡ (confracta) là những vật bị bể thành những mảnh lớn; còn tan nát (contrita) là những vật bị bể thành những mảnh li ti. Bởi thế, bao lâu người ta có một tâm hồn chai đá, thì tâm hồn này như thể hoàn toàn ở trong sự dữ; nhưng khi họ hoàn toàn từ bỏ tội lỗi, hoàn toàn sống cho những điều thiêng liêng, thì họ được gọi là tan nát. Sách Gióp chương 16 “Trước đây giàu có (của cải trần gian), nay tôi bỗng dung tan tành”.

Ngược với điều thứ ba là sự khiêm nhường; và do đó, ông thưa: *Chúa không khinh chê một trái tim... phải khiêm hạ*: vì “Thiên Chúa chống kẻ kiêu ngạo; và ban ơn thánh cho người khiêm nhường” (*Thư Giacôbê 4*). Và ta cần hiểu rằng ông nhắc đến trái tim và tinh thần: mà tinh thần thì liên quan tới sự hăng say (*animositatem*) và do đó, liên quan tới sự nóng giận (*irascibilem*). Isaia 25: “vì sát khí của quân cường bạo chẳng khác nào mưa bão đập vào tường”. Trái tim liên quan tới những điều có thể tư dục (*concupiscibilem*); thành thử ở đây phải hiểu là bất cứ điều gì thuộc về sức mạnh của dục vọng cũng phải được dâng lên Thiên Chúa làm hy lễ.

Nhân từ. Ở đây, ông hứa điều ông sẽ làm trong tương lai: và trước hết, ông xin điều cần được Thiên Chúa thực hiện; thứ đến, ông tuyên bố, ở chỗ ông thưa, *Lúc ấy, xin Chúa chấp nhận*.

Mắt Đavít hướng tới hai điều. Một điều, ở gần, có tính ám chỉ (*figurale*), điều kia, ở xa, có tính ẩn dụ (*figuratum*). Điều đầu, vì có lời chép rằng Đavít xây các tường thành cho Giêrusalem, nhưng ông không hoàn tất; và sau khi các tường này đã hoàn tất, đền thờ mới được xây cất, và do đó, ông thưa: *trong thánh ý tốt lành của Chúa, xin xử lý để thành lũy Giêrusalem được xây dựng*. Và rồi khi tường thành đã được xây dựng, đền thờ sẽ được xây; và lúc ấy, *xin Chúa chấp nhận hy lễ công lý, lễ vật hiến tế, lễ vật toàn thiêu*. Tất cả đều có tính ám chỉ.

Nhưng nếu nói đến ẩn dụ, điều mà ta phải làm, thì có hai Giêrusalem; tức Giêrusalem thiên giới. Thư Galát 4: “Giêrusalem ấy, Giêrusalem ở trên cao, là Giêrusalem tự do và là mẹ ta”. Giêrusalem kia là Giáo Hội hiện nay, theo hình ảnh Giêrusalem thiên giới. Sách Khải Huyền 21: “Tôi thấy thành thánh, thành Giêrusalem mới, từ trời, từ Thiên Chúa, mà xuống”.

Cả hai đều có các bức tường. Tường của Giêrusalem thiên giới là thành lũy của vĩnh cửu và trường sinh, mà các vị thánh theo đuổi nhờ Chúa Kitô. Thư Rôma 8: “Đáng làm cho Chúa Giêsu Kitô trở dậy, cũng sẽ làm thân xác tử sinh của chúng ta trở dậy”. Tường của Giêrusalem hiện nay, theo Êdêkien 13, “Người đã không đứng lên để

đương đầu với quân thù cũng không dựng tường cho nhà Israel để đứng vững trong chiến đấu”. Ông thấy trước việc xây dựng các bức tường này trong thần trí lời tiên tri của Isaia 56. Bởi thế, để các bức tường được xây dựng, *Lạy Chúa, xin xử lý nhân từ*, nghĩa là hãy tỏ lòng nhân từ này, lòng nhân từ mà Thánh Tông Đồ cho hay đã hoàn toàn thể hiện trong Titô 3: “lòng nhân từ và nhân hậu của Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ chúng ta, đã xuất hiện”.

Và việc này không do công trạng của chúng ta mà là do thánh ý tốt lành của Chúa. Thư Rôma 12: “Để anh em chứng minh điều gì tốt, điều gì đáng chấp nhận và điều gì là thánh ý hoàn thiện của Thiên Chúa”. Thư Tessalônica 1, chương 4: “Thánh ý Thiên Chúa là anh em được thánh hóa”. Và Chúa làm việc này là để *thành lũy Giêrusalem được xây dựng*, cả Giêrusalem chiến đấu lẫn Giêrusalem chiến thắng.

Nhưng sau đó sẽ là gì? Sau đó, *xin Chúa chấp nhận hy lễ công lý*. Và điều này được giải thích ba cách: hai cách đầu liên hệ đến Giáo Hội hiện nay. Vì một cách, ta phải nhắc đến hy lễ này, không phải hy lễ trong đó gia súc bị giết, nhưng hy lễ trong đó con người bị sát tế vì Chúa Kitô, và trong việc này, có hai bước: hy lễ của Chúa Kitô đứng hàng đầu. Thư Galát 2: “Người yêu tôi và đã nộp mình vì tôi”. Và do đó, ông thưa *Lúc ấy* nghĩa là lúc xây dựng tường thành Giêrusalem, nghĩa là Giáo Hội, *xin Chúa chấp nhận hy lễ công lý*, qua đó, Chúa Kitô, Đấng công chính, tự hiến mình. Gioan 8: “Ai trong các ông có thể bắt tội tôi?”.

Vì Người có nhân đức cao cả đến nỗi Người đền tội cho con người hầu công chính hóa họ. Đứng hàng thứ hai, những người thánh thiện khác, vì Thiên Chúa, đã hiến mình làm hy lễ: khi ông thưa, *lễ vật hiến tế*, nghĩa là, các thánh hiền tu, những vị nhờ tin tưởng vào Chúa Kitô, cũng như vào nơi mình, đã dâng mình chịu chết, tuy không bị sát hại. Sách Thủ Lãnh 5: “Hỡi người, Israel, người đã vui lòng dâng mạng sống mình chịu nguy hiểm, hãy chúc tụng Chúa”.

Và *lễ vật toàn thiêu*. Đây là các vị tử đạo. Gioan 15: “Không tình yêu nào lớn hơn người thí mạng sống mình vì bằng hữu”. Và *lúc ấy, xin Chúa chấp nhận*, tức lúc các vị thánh thiện này tự đặt mình lên bàn

thờ Chúa giống các con bò tơ; nghĩa là trên đức tin vào Chúa, và vào Chúa Kitô; nghĩa là, họ tự đặt mình như các con bò tơ vì danh Chúa Kitô, và vì đức tin vào Người, để được hiến sinh.

Nói cách khác, nếu nói tới việc làm của người công chính, thì ý nghĩa như sau: Chúa sẽ chấp nhận công lý làm hy lễ, vì các việc công lý và thương xót giống như hy lễ. Thư Do Thái 13: “Đừng quên làm điều thiện, và ban phát điều thiện; vì nhờ các hy lễ này, anh em sẽ nhận được ơn phúc của Thiên Chúa”. Và lúc ấy, Chúa sẽ chấp nhận lễ vật hiến tế. Theo Thánh Grêgôriô, lễ vật toàn thiêu là lễ vật hoàn toàn được đốt cháy; và nó biểu tượng cho những con người hoàn thiện hoàn toàn hiến mình cho Thiên Chúa.

Lễ vật hiến tế là những người dâng một điều gì đó và giữ lại một điều gì đó: và bây giờ các linh mục sẽ giết bò tơ, nghĩa là, các tân tòng, *dâng trên bàn thờ*, nghĩa là trên đức tin vào Chúa Kitô: hay bây giờ, các giáo phẩm cao hơn sẽ đặt các giảng viên giáo dân đã được huấn giáo về đức tin lên trên bàn thờ, nghĩa là, trên việc tuyên xưng đức tin.

Lời giải thích thứ ba là về Giêrusalem thiên giới; và ý nghĩa như sau: Bây giờ, nghĩa là lúc các bức tường của Giêrusalem thiên giới sẽ được xây dựng, *xin Chúa chấp nhận hy lễ công lý*. Ở đây, bất cứ khi nào một hy lễ thông hối được thực hiện, thì ở đó, cũng có hy lễ chúc tụng. Isaia 60: “Dân người tất cả sẽ công chính, họ sẽ được hưởng lãnh thổ mãi mãi”. Và Thánh Vịnh 63 chính là nói về hy lễ chúc tụng này. *Phúc thay những ai ở trong nhà Chúa, họ sẽ mãi mãi chúc tụng Chúa*. Và rồi Chúa sẽ chấp nhận các lễ vật hiến tế, nghĩa là các tiểu thánh nhân, và *các lễ vật toàn thiêu*, nghĩa là các đại thánh nhân. Và các thiên thần sẽ thực hiện việc dâng này, những vị mà Mátthêu 13 nói tới “Nhưng hãy thu lúa mì vào kho năm của Ta”. Và các thiên thần này sẽ đặt các thánh trên bàn thờ của Chúa, nghĩa là, trong vinh quang nước trời. Sách Khải Huyền 8: “và nhiều nhũ hương được trao cho Người, để Người dâng lời cầu nguyện của mọi vị thánh trên bàn thờ vàng”. Thánh Vịnh 68, *Làm như vậy sẽ đẹp lòng Chúa hơn dâng tiến bò bê đủ móng đủ sừng*.

(1) Theo lời dịch của Bản Thánh Kinh tiếng Việt của Tin Lành

Phỏng theo tài liệu tiếng Anh của Ed Redmond, thuộc The Aquinas Translation Project, De Sales University, Pennsylvania)

Phụ lục:

1. Cuộc đối thoại giao ước hay lời cầu nguyện của Ápraham

Vũ Văn An, 19/May/2011

Thứ tư 18 tháng 5 vừa qua, trong loạt bài giáo lý mới về cầu nguyện, Đức Bênêđictô XVI đã đặc biệt nói tới lời cầu nguyện của Ápraham, lời cầu nguyện, có thể nói, đã mở màn cho cuộc đối thoại giao ước giữa Thiên Chúa và con người nhằm sinh động hóa lịch sử cứu rỗi sẽ đạt tới đỉnh cao trong Lời dứt khoát là Chúa Giê-su Kitô.

Theo Đức Thánh Cha, Ápraham, vị tổ phụ vĩ đại, cha của mọi tín hữu (xem Rm 4:11-12, 16-17), sẽ cung hiến cho ta điển hình thứ nhất về cầu nguyện, căn cứ vào trình thuật cuộc cầu bầu của ông cho hai thành Xôđôma và Gômôra. Ai cũng biết tội lỗi của dân thành Xôđôma và Gômôra đã lên đến tuyệt đỉnh, đến nỗi, nó khiến Thiên Chúa phải can thiệp để thực thi công lý và kết thúc sự dữ bằng cách tiêu diệt cả hai thành này. Chính ở điểm này, Ápraham xuất hiện, cùng với lời cầu bầu của ông. Thiên Chúa quyết định vén mở cho ông thấy điều gì sẽ xảy ra và cho ông hiểu tính trầm trọng của sự ác và các hậu quả khủng khiếp của nó, vì Ápraham vốn là kẻ được Người chọn. Người chọn ông để trở thành một dân tộc lớn và làm cho lời chúc phúc của Người tràn lan khắp mặt địa cầu. Sứ mạng của ông là sứ mạng cứu thoát, một sứ mạng phải đáp trả tội lỗi đang xâm chiếm thực tại con người; qua ông, Chúa muốn đem con người trở về với đức tin, với tuân phục, với công lý. Và giờ đây, người bằng hữu của Thiên Chúa này mở lòng mình ra với thực tại và nhu cầu thế giới, ông cầu nguyện cho những người sắp sửa bị trừng phạt để họ được cứu thoát.

Ngay tức khắc, Ápraham trình bày vấn đề với đầy đủ tính trầm trọng của nó, và ông thưa với Chúa: “Ngài quả sẽ tiêu diệt người lành với người dữ hay sao? Giả thử có 50 người lành ở trong thành; thì Ngài

có tiêu diệt nơi này hay tha cho nó vì có 50 người lành cư ngụ trong đó? Ngài đâu có làm những chuyện như thế, sát hại người lành với người dữ, chẳng hóa ra người lành cũng giống người dữ sao! Ngài đâu có làm vậy! Há Đấng Thẩm Phán của toàn thể giới lại không làm được điều đúng hay sao?” (xem St 18: 23-25). Với những lời lẽ ấy, và với hết can đảm ấy, Ápraham đặt trước mặt Thiên Chúa nhu cầu phải tránh thứ công lý “tiền trạm hậu tấu” (summary): nếu thành này có tội, thì trừng phạt nó và giáng hình phạt xuống là đúng, nhưng, vị tổ phụ vĩ đại nhân mạnh, trừng phạt một cách bất phân biệt mọi dân thành là bất công. Nếu có những người vô tội trong thành, không nên đối xử với họ như người có tội. Thiên Chúa, Đấng vốn là thẩm phán công chính, không thể hành động như thế, Ápraham nói đúng như thế với Thiên Chúa.

Tuy nhiên, theo Đức Thánh Cha, nếu ta đọc đoạn văn trên một cách chăm chú hơn, ta sẽ thấy lời yêu cầu của Ápraham nghiêm trọng và sâu sắc hơn nhiều, vì ông không tự giới hạn ở việc chỉ xin cứu thoát cho người vô tội. Ápraham xin tha thứ cho toàn bộ thành phố và ông nại tới lẽ công chính của Thiên Chúa để yêu cầu như vậy. Thực tế, ông nói với Thiên Chúa như thế này: “Ngài có tiêu diệt nơi này hay tha cho nó vì có 50 người lành cư ngụ trong đó?” (câu 24b). Khi nói như vậy, ông đã đưa vào một ý niệm mới cho công lý: không phải cái thứ công lý tự giới hạn mình ở việc trừng phạt kẻ có tội, như con người quen làm, nhưng là thứ công lý khác, thứ công lý của Thiên Chúa, thứ công lý mưu cầu sự thiện và sáng tạo sự thiện qua việc tha thứ nhằm biến đổi kẻ tội lỗi, nhằm hồi tâm và cứu thoát họ. Bởi thế, với lời cầu nguyện của mình, Ápraham không nại tới thứ công lý chỉ biết trả thù (retributive), mà là thứ công lý can thiệp để cứu thoát, thứ công lý, dù bao gồm người vô tội, nhưng cũng giải thoát cả kẻ dữ khỏi tội phạm của họ, tha thứ cho họ. Suy nghĩ của Ápraham, thoát đầu xem ra gần như nghịch lý, có thể được tổng hợp như sau: hiển nhiên, người vô tội không thể bị đối xử như người có tội, vì như thế là bất công; nhưng thay vào đó, nhất thiết phải đối xử với người có tội cũng như với người vô tội vậy, phải đặt để vào một hành động công lý “cao hơn”, cung hiến cho họ khả thể cứu thoát, vì nếu người làm điều dữ tiếp nhận sự tha thứ của Thiên Chúa và xưng thú tội lỗi mình, tự để mình được cứu thoát, thì họ không còn tiếp tục làm điều dữ nữa,

họ cũng sẽ trở nên người lành, cho nên không cần bị trừng phạt nữa.

Chính lời yêu cầu thứ công lý này mới là điều Ápraham phát biểu trong lời cầu bầu của mình, một yêu cầu dựa trên niềm chắc chắn rằng Thiên Chúa là Đấng nhân từ. Ápraham không cầu xin nơi Thiên Chúa một điều trái ngược với bản chất của Người; ông gõ chính cửa trái tim Thiên Chúa vì biết rõ thánh ý đích thực của Người. Xôđôma chắc chắn là một thành phố lớn; 50 người lành chỉ là con số nhỏ nhưng há công lý Thiên Chúa và sự tha thứ của Người không phải là hiện thân của lực tốt lành, dù nó có thể nhỏ và yếu hơn chính sự dữ? Việc hủy diệt Xôđôma có thể kết thúc sự dữ đang thống trị ở thành phố này, nhưng Ápraham biết rõ: Thiên Chúa có những đường lối và phương thế khác để kiểm soát việc lan tràn của sự dữ. Sự tha thứ chính là điều làm ngưng cơn ốc xoáy của tội lỗi. Ápraham, trong cuộc đối thoại với Thiên Chúa, đã kêu nài cho được chính điều đó. Và khi Thiên Chúa đồng ý tha thứ cho thành phố nếu có 50 người lành trong đó, lời cầu nguyện của ông bắt đầu xuống sâu hơn vào vực thẳm của lòng Chúa thương xót. Như ta còn nhớ, Ápraham làm cho con số người lành cần cho việc cứu thoát giảm dần: từ 50, có lẽ 45 đủ chẳng, xuống thấp nhất 10, cứ thế tiếp tục khẩn cầu, một lời khẩn cầu gần như bạo phổi hết sức trì chí: “Giả thử 40... 30... 20... 10” (xem St 18: 29, 30, 31, 32). Và con số càng nhỏ thì hiện thân thương xót của Chúa càng lớn. Người kiên nhẫn lắng nghe, chấp thuận và trả lời đi trả lời lại: “Ta sẽ tha,... Ta sẽ không hủy diệt,... Ta sẽ không làm điều đó” (xem St 18: 26, 28, 29, 30, 31, 32).

Như thế, qua lời cầu bầu của Ápraham, Xôđôma có thể được cứu thoát nếu trong đó có 10 người vô tội. Đó chính là sức mạnh của cầu nguyện. Vì, như được biểu lộ và phát biểu qua lời chuyển cầu, việc cầu nguyện với Thiên Chúa cho sự cứu rỗi của người khác chính là ước mong cứu rỗi mà Thiên Chúa luôn ấp ủ cho người có tội. Thực thế, không thể chấp nhận sự dữ, nó cần được nêu rõ và tiêu hủy bằng trừng phạt: việc tiêu hủy Xôđôma chỉ có chức năng ấy. Nhưng Thiên Chúa không muốn cái chết của người dữ, mà muốn họ trở lại và sống (xem Êdêkien 18:23; 33:11); ý muốn của Người là tha thứ, cứu thoát, ban sự sống, biến đổi sự dữ thành sự lành. Trong cầu nguyện, chính ý muốn thần linh ấy đã trở thành ý muốn con người và được phát biểu

qua lời lẽ chuyển cầu. Với lời khẩn cầu của mình, Ápraham đóng góp tiếng nói riêng của ông và cả trái tim riêng của ông nữa vào ý muốn của Thiên Chúa: ý muốn của Người là lòng thương xót, là tình thương, và ý muốn cứu thoát, và ý muốn của Thiên Chúa này tìm thấy nơi Ápraham và nơi lời cầu nguyện của ông khả thể tự biểu tỏ mình ra một cách cụ thể trong lịch sử con người, để có thể hiện diện ở bất cứ nơi nào cần đến ơn thánh. Với tiếng nói trong lời cầu nguyện của mình, Ápraham đã đem lại tiếng nói cho ý muốn của Thiên Chúa, một ý muốn không tiêu diệt, nhưng cứu thoát Xôđôma, ban sự sống cho người có tội ăn năn trở lại.

Đó chính là điều Chúa muốn, và cuộc đối thoại của Người với Ápraham là một biểu lộ kéo dài và không thể lằm lẩn được của tình yêu thương xót nơi Người. Nhu cầu cần tìm ra người công chính trong thành trở nên càng ngày càng ít đòi hỏi hơn và cuối cùng 10 người đã đủ để cứu toàn thể dân cư. Còn về lý do tại sao Ápraham lại ngưng ở con số 10, thì bản văn không nói gì. Có lẽ là con số để chỉ một cộng đồng tối thiểu: cả ngày nay, 10 người vẫn là đại biểu cần thiết cho một buổi cầu nguyện công cộng của người Do Thái. Dù sao, đây là một con số nhỏ, một phân tử nhỏ của sự thiện từ đó có thể cứu thoát một sự dữ to lớn. Ấy thế mà đến cả 10 người lành cũng không tìm ra tại Xôđôma và Gômôra, cho nên 2 thành này đã bị hủy diệt. Một sự hủy diệt, nghịch lý thay, đã được chứng thực là cần thiết chính do lời chuyển cầu của Ápraham. Chính vì lời cầu nguyện này tỏ lộ ý muốn cứu rỗi của Thiên Chúa: Người sẵn sàng tha thứ, Người muốn làm điều đó, nhưng hai thành phố này đã tự khóa kín trong một sự dữ toàn diện và làm tê liệt, đến độ từ chúng ngay cả một số ít người vô tội cũng không có để khởi đầu diễn trình biến đổi sự dữ ra sự lành.

Vì chính đường lối cứu thoát sau đây mà Ápraham cũng đã cầu xin: để được cứu thoát không phải đơn giản chỉ là thoát khỏi hình phạt, nhưng là được giải thoát khỏi sự dữ vốn hiện diện trong ta. Không phải loại trừ hình phạt mà là loại trừ tội lỗi, loại trừ việc loại trừ Thiên Chúa và tình yêu, một việc loại trừ vốn mang sẵn hình phạt trong nó.

Ở điểm này, Đức Thánh Cha nhắc tới tiên tri Giêrêmia, người từng nói với dân nổi loạn: “sự dữ của các ngươi sẽ trừng phạt các ngươi,

việc bỏ đạo của các ngươi sẽ lên án các ngươi. Hãy biết và nhìn ra điều này: từ bỏ Chúa là Thiên Chúa các ngươi chính là sự dữ và sự đấng đót cho các ngươi” (Giêrêmia 2:19). Thiên Chúa muốn cứu con người khỏi nỗi buồn và nỗi đấng đót đó bằng cách giải phóng họ khỏi tội. Nhưng cần có sự biến đổi từ bên trong, một cơ hội cho sự thiện, một khởi đầu để biến đổi sự dữ thành sự lành, thù ghét thành yêu thương, trả thù thành tha thứ. Chính vì thế, người lành phải có ở trong thành, và Ápraham cứ thế nhắc đi nhắc lại “có lẽ ở đó có...” “ở đó”: ở bên trong thực tại bệnh hoạn phải có mầm mống sự thiện thì mới có chữa lành và nhận lại sự sống. Đó cũng là lời đợc ngỏ với chúng ta: rằng mầm mống sự thiện phải có trong các thành phố của ta; rằng ta phải làm mọi sự để không phải chỉ có 10 người công chính, để thực sự làm cho các thành phố của ta đợc sống, đợc sống thoát và cứu ta khỏi sự đấng đót bên trong tức sự thiếu vắng Thiên Chúa. Còn trong cái thực tế bệnh hoạn của Xôđôma và Gômôra, cái mầm mống sự thiện kia không hề tìm đợc.

Tuy nhiên, lòng thương xót của Thiên Chúa, trong lịch sử dân Người, đâu có hẹp hòi như trên. Tiên tri Giêrêmia, nhân danh Thiên Chúa sau này cho ta biết: chỉ cần một người công chính cũng đủ cứu đợc Giêrusalem. “Hãy rảo quanh đờng phố Giê-ru-sa-lem mà xem cho biết. Trên các quảng trường thành phố ấy, hãy tìm xem có gặp đợc một người, một người biết thi hành luật pháp, biết sống cho chân thật, Ta sẽ dung tha cho cả thành” (Giêrêmia 5:1). Con số đã đợc giảm một lần nữa, lòng tốt của Thiên Chúa còn tỏ ra vĩ đại hơn nữa. Ấy thế nhưng lượng từ bi hải hà ấy vẫn không tìm đợc một đợc ứng tốt lành mà nó hằng mong chờ và do đó, Giêrusalem đã rơi vào vòng vây quân thù.

Cho nên điều cần là chính Thiên Chúa phải trở thành người công chính kia. Và đây là mầu nhiệm của Nhập Thể: để bảo đảm có đợc một người công chính, chính Người phải trở thành người. Sẽ luôn luôn có một người công chính vì Người là người công chính... Tình yêu khôn cùng và diệu kỳ của Thiên Chúa sẽ đợc tỏ lộ đầy đủ khi Con Thiên Chúa trở thành người phạm, thành Người Công Chính dứt khoát, thành Người Vô Tội hoàn toàn, Đấng sẽ mang ơn cứu độ đến cho toàn thế giới qua cái chết trên Thánh Giá, tha thứ và chuyển cầu

cho những ai “không biết việc họ làm” (Lc 23:34). Lúc đó, lời cầu nguyện của mọi con người sẽ được đáp ứng. Lúc đó, mọi lời chuyển cầu của ta sẽ được nghe trọn vẹn.

Đức Thánh Cha kết luận: lời khẩn cầu của Ápraham, cha chúng ta trong đức tin, dạy ta biết mở tâm hồn mỗi ngày một hơn cho lượng xót thương dào dạt của Thiên Chúa, để trong lời cầu nguyện hàng ngày của ta, ta biết cầu mong sự cứu rỗi của nhân loại và xin điều ấy với lòng kiên nhẫn và tin tưởng vào Chúa, Đấng luôn vĩ đại trong tình yêu.

2.Lời cầu nguyện đặc biệt của Giacóp: vật lộn với Thiên Chúa

Vũ Văn An, 26/May/2011

Trong bài giáo lý thường lệ vào Thứ Tư hôm qua, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đề cập tới “một biến cố đặc thù trong lịch sử của Tổ Phụ Giacóp”. Biến cố này, theo Đức Thánh Cha, không dễ giải thích chút nào, nhưng lại rất quan trọng đối với đời sống đức tin và cầu nguyện của ta đó là việc Tổ Phụ vật lộn với Thiên Chúa tại nhánh sông Giápôc.

Như mọi người đã biết, Giacóp đã lấy mất quyền trưởng nam của người anh song sinh Esau của mình để đổi lấy bát cháo đậu nâu và sau đó, nhờ mưu mẹo đánh lừa, đã đánh cắp chúc lành của cha già Isaac lúc ấy tuổi đã cao và mù loà. Sau khi trốn tránh khỏi cơn thịnh nộ của Esau, ông đi lánh nạn tại một người họ hàng là Laban, rồi cưới vợ và trở nên giàu có. Nay ông muốn trở lại nơi sinh quán, sẵn sàng giáp mặt với người anh, sau khi đã đặt để sẵn một vài biện pháp khôn ngoan. Nhưng khi ông đã sẵn sàng mọi chuyện cho cuộc gặp mặt này: sau khi cho người nhà vượt qua nhánh sông sang bên kia lãnh thổ của anh, còn lại một mình, ông bỗng bị một người lạ mặt tấn công bất ngờ, hai bên vật nhau suốt cả đêm. Chính cuộc vật lộn tay đôi này, một cuộc vật lộn được thuật lại trong chương 32 Sách Sáng Thế, đã trở thành trải nghiệm độc đáo của ông về Thiên Chúa.

Đức Thánh Cha bảo rằng: đêm khuya là thời điểm thuận lợi cho các

hành động bí mật, đó là thời điểm tốt nhất để Giacóp xâm nhập lãnh thổ của anh mà không bị nhìn thấy, và có lẽ với ảo tưởng làm cho Esau phải bất ngờ. Nhưng thay vào đó, chính ông lại là người bất ngờ bị tấn công, một cuộc tấn công không hề được ông chuẩn bị. Ông từng sử dụng mưu chước để giải thoát mình khỏi những hoàn cảnh nguy hiểm, ông tưởng ông đã thành công trong việc kiểm soát được mọi việc. Ấy thế mà lúc này, ông thấy mình phải đương đầu với một cuộc chiến đấu mâu nhiệm xảy ra cho ông ngay trong nơi cô tịch, không cho ông cơ hội tổ chức cuộc chống đỡ thỏa đáng. Không có chống đỡ, lại là đêm hôm, Tổ Phụ Giacóp phải đánh nhau với một ai đó. Bản văn không nói rõ lý lịch người tấn công; nó chỉ dùng từ ngữ Hípri thường có nghĩa chung là “một người đàn ông”, “một người, một ai đó” thành ra nó có một nghĩa mơ hồ, bất định cố ý dùng để giữ cho người tấn công khỏi bị lộ tung tích. Trời tối như mực. Giacóp cố gắng tìm cách nhìn cho rõ mặt người tấn công mình, nhưng không thành công. Cả với các độc giả, người tấn công này vẫn là người lạ. Một ai đó đã dựng mình lên chống lại Tổ Phụ; đó là sự kiện duy nhất chắc chắn được người thuật truyện cung cấp. Chỉ tới cuối, khi cuộc đánh nhau chấm dứt, và “một ai đó” đã biến mất, Giacóp mới đặt tên cho người này và có thể xác định là mình đã vật lộn với Thiên Chúa.

Như thế, biến cố trên quả diễn ra trong tối tăm và thật khó mà thấy không những căn tính người tấn công Giacóp mà cả diễn tiến của cuộc vật lộn. Đọc đoạn văn, khó mà xác định được ai trong hai người “phông” được tay trên. Các động từ được sử dụng đôi khi thiếu cả chủ từ minh nhiên, và các hành động diễn biến một cách gần như mâu thuẫn, đến nỗi khi ta nghĩ người này sẽ thắng thì hành động kế tiếp đã cho biết ngược lại để chỉ cho thấy người kia mới thắng thế. Thực thế, khởi đầu, Giacóp xem ra là người mạnh nhất, còn đối thủ, bản văn cho hay, “không thắng được ông” (câu 26 [25]); ấy thế nhưng, người này đánh vào khớp xương hông của ông, làm nó trật khớp. Lúc ấy, ai lại không nghĩ Giacóp đến phải đầu hàng thôi, nhưng chính người kia lại xin ông buông tha; tổ phụ không chịu, đòi đặt điều kiện: “tôi sẽ không buông ngài ra nếu ngài không chúc lành cho tôi” (câu 27). Người mà nhờ gian lận đã tước đoạt chúc lành của cha dành cho con trưởng, nay lại đòi chúc lành ấy từ một người lạ hoắc mà trong đó ông bắt đầu thoáng thấy những đặc điểm thần thiêng nhưng chưa có khả

năng thực sự nhận ra người này.

Đối thủ, người xem ra bị động và do đó bị Giacóp đánh bại, thay vì thỏa mãn lời yêu cầu trên, lại quay qua hỏi tên ông: “tên người là gì?” và Tô Phụ trả lời: “ là Giacóp” (câu 28). Ở đây cuộc đánh nhau bước vào một khai triển quan trọng. Thực tế, biết tên ai hàm nghĩa có quyền trên người ấy, vì trong tư duy Thánh Kinh, tên chứa đựng thực tại sâu xa nhất của cá nhân; nó vén mở bí mật cũng như căn tính của người này. Do đó, biết tên người nào có nghĩa là biết sự thật của người này, và cái biết này giúp người ta khả năng thống trị người đó. Cho nên, khi người lạ kia yêu cầu, và Giacóp tỏ lộ tên riêng của mình, là Giacóp đã trao mình vào tay đối thủ đó vậy; đây là một hình thức đầu hàng, hoàn toàn trao mình cho người khác.

Nhưng nghịch lý thay, trong hành vi đầu hàng này, Giacóp cũng đã xuất hiện như người chiến thắng, vì ông nhận được một tên mới, cùng với việc chính đối thủ nhìn nhận ông chiến thắng như sau: “Người ta sẽ không gọi tên người là Giacóp nữa, nhưng là It-ra-en, vì người đã đấu với Thiên Chúa và với người ta, và người đã thắng” (câu 29 [28]). “Giacóp” là tên nhắc lại khởi thủy đầy vắn nạn của Tô Phụ; thực vậy, trong tiếng Hípri, nó gọi cho người ta từ ngữ “gót chân” và đưa độc giả trở về lúc Giacóp sinh ra: từ bụng mẹ, tay ông đã nắm chặt gót chân thẳng anh song sinh (xem St 25:26) như thể báo trước việc ông sẽ tiếm quyền của anh sau này khi đã lớn; nhưng tên Giacóp cũng gợi ta nhớ tới động từ “đánh lừa, hất cẳng”. Giờ đây, trong cuộc vật lộn, Tô Phụ tiết lộ cho đối thủ của mình, trong một hành vi tín thác và đầu hàng, thực tại đích thực của mình là tên đánh lừa, là tên hất cẳng; nhưng người kia, là chính Thiên Chúa, đã biến đổi cái thực tại tiêu cực ấy thành một điều tích cực: tên đánh lừa Giacóp trở thành It-ra-en; ông được ban cho một tên mới hàm nghĩa một thực tại mới. Nhưng cả ở đây nữa, trình thuật vẫn duy trì ý định nước đôi của mình, vì nghĩa có thể có hơn cả của tên It-ra-en chính là “Thiên Chúa toàn năng, Thiên Chúa chiến thắng”.

Như thế là Giacóp thắng thế, ông chiến thắng, chính đối thủ của ông xác quyết điều đó, nhưng căn tính mới của ông, tiếp nhận từ chính đối thủ của ông, khẳng định và chứng minh cuộc chiến thắng của Thiên

Chúa. Khi đến lượt Giacóp hỏi tên đối thủ, người này đã từ khước không xưng rõ tên mình, nhưng tiết lộ bằng một cử chỉ không mơ hồ chút nào, đó là ban cho ông chúc lành của mình. Sự chúc lành ấy chính Tổ Phụ đã xin từ trước, nay mới được ban cho. Nhưng đó không phải là chúc lành do đánh lừa chộp được, mà là chúc lành do Thiên Chúa tự ý ban cho, một chúc lành Giacóp có khả năng tiếp nhận vì nay ông chỉ có một mình, không được bảo vệ, không mưu mẹo đánh lừa. Ông trao thân không vũ trang; ông chấp nhận đầu hàng và thú nhận sự thật về chính mình. Và do đó, ở cuối trận đánh nhau, sau khi đã nhận chúc lành, Tổ Phụ đã có thể nhận ra người khác, Đấng Thiên Chúa chúc phúc: “Tôi đã thấy Thiên Chúa mặt đối mặt, mà tôi đã được tha mạng” (câu 31 [30]), thế là giờ đây ông có thể qua nhánh sông, mang theo tên mới, nhưng bị Thiên Chúa “chinh phục” và được ghi dấu mãi mãi bằng cái khập khiễng từ chấn thương nhận được.

Các giải thích do khoa chú giải Thánh Kinh đưa ra liên quan tới đoạn văn này khá nhiều; cách riêng, các học giả nhận ra trong đó các ý hướng và thành tố văn chương đủ loại, cũng như các tham chiếu nhiều truyện kể bình dân khác nhau. Nhưng khi những yếu tố này được các tác giả thánh thu lượm và cho vào trình thuật Thánh Kinh, chúng đã thay đổi về ý nghĩa và do đó, bản văn mở ra nhiều chiều kích rộng lớn hơn. Biện cố vật lộn bên Sông Giáp-bốc được viết cho tín hữu làm bản văn mẫu mực trong đó dân It-ra-en nói về nguồn gốc riêng của họ và lần dở lại các nét của mối liên hệ đặc thù giữa Thiên Chúa và con người. Vì lý do đó, như Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo từng khẳng định: “Truyền thống linh đạo của Giáo Hội luôn duy trì biểu tượng cầu nguyện như một trận đánh của đức tin và như một chiến thắng của kiên nhẫn” (số 2573)

Bản văn Thánh Kinh nói cho ta về đêm dài đi tìm Thiên Chúa, về trận vật lộn để biết danh Người và thấy nhan Người; đó là đêm của cầu nguyện để tri chí và kiên nhẫn xin Chúa ban cho chúc lành và tên mới, thực tại mới như hoa trái hồi tâm và tha thứ.

Như thế, đối với tín hữu, đêm dài của Giacóp tại nhánh sông Giáp-bốc đã trở thành điểm qui chiếu để hiểu mối tương quan của họ với Thiên

Chúa, mỗi liên hệ mà trong cầu nguyện sẽ tìm thấy biểu thức tối hậu. Cầu nguyện đòi hỏi tín thác, gần gũi, qua biểu tượng “tay đôi” không phải với một Thiên Chúa đối thủ và kẻ thù, nhưng với một Chúa Tể chúc phúc, Đấng luôn luôn huyền nhiệm, xem ra không với tới được. Vì lý do này, tác giả thánh sử dụng biểu tượng đánh nhau, một biểu tượng hàm nghĩa linh hồn phải mạnh mẽ, kiên nhẫn, trì chí để đạt cho bằng được điều ta ước mong. Mà nếu đối tượng ước mong của ta là mối tương quan với Thiên Chúa, với sự chúc lành và tình yêu của Người, thì trận đánh chỉ có thể lên đến đỉnh cao ở chỗ hiến mình cho Thiên Chúa, nhìn nhận sự yếu đuối của mình, trao phó ta cho bàn tay nhân hậu xót thương của Thiên Chúa.

Trong phần kết luận, Đức Thánh Cha cho hay: trọn cuộc sống ta giống như đêm dài chiến đấu và cầu nguyện vốn có mục tiêu là ước muốn và lời cầu được Thiên Chúa chúc phúc, một việc ta không thể chộp dợt hay chiếm đoạt nhờ cậy vào sức mạnh của riêng ta, nhưng phải khiêm hạ tiếp nhận từ chính Người, như một hồng phúc nhưng không, giúp chúng ta, cuối cùng, nhận ra khuôn mặt của Chúa. Khi điều đó xảy ra, toàn bộ thực tại của ta thay đổi; ta nhận được tên mới và chúc lành của Thiên Chúa. Nhưng còn hơn thế nữa: Giacóp, người vừa nhận được tên mới, trở thành It-ra-en, cũng đặt tên mới cho nơi ông vật lộn với Thiên Chúa; ông cầu nguyện ở đấy và đặt tên lại cho nó là Penien, nghĩa là “khuôn mặt Thiên Chúa”. Với tên này, ông nhìn nhận ra nơi ấy đầy sự hiện diện của Chúa; ông biến nơi này thành thánh thiêng bằng cách khắc ghi ở đó một kỷ vật về cuộc gặp gỡ huyền nhiệm với Thiên Chúa. Ai tự ý để Thiên Chúa chúc lành cho mình, ai phó mình cho Người, ai để mình được Người biến đổi, sẽ biến thế giới thành nơi được chúc phúc.